



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG

2017 - 2021

Giữa

Chính phủ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Và

Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

Giữa

Chính phủ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Và

Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên hợp quốc (FAO)
Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA)
Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)
Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM)
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)
Chương trình chung của LHQ về Phòng chống HIV/AIDS (UNAIDS)
Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD)
Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)
Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP)
Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO)
Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA)
Chương trình Định cư Con người Liên hợp quốc (UN-Habitat)
Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF)
Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO)
Văn phòng chống Ma tuý và Tội phạm Liên hợp quốc (UNODC)
Chương trình Tình nguyện Liên hợp quốc (UNV)
Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Nâng cao quyền năng
cho phụ nữ (UN Women)
Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

MỤC LỤC

Những từ viết tắt	6
Tóm tắt	9
Trang chữ ký	15
Lời nói đầu	17
Giới thiệu	19
I. Bối cảnh phát triển và Lợi thế so sánh của LHQ	21
II. Kết quả của Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021: Các lĩnh vực trọng tâm và Kết quả	32
III. Đối tác	48
IV. Quản lý và Thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021	51
V. Khung Ngân sách Chung và Quỹ Kế hoạch Chung	56
VI. Giám sát và Đánh giá	58
VII. Cam kết của tất cả các bên	60
VIII. Bối cảnh pháp lý	63
Phụ lục	65
Phụ lục I.i - Thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ	
Phụ lục I.ii - Ngân sách cho Kế hoạch chiến lược chung theo từng cơ quan	
Phụ lục I.iii - Các điều khoản về an ninh của UNDP	
Phụ lục I.iv - Khung kết quả và nguồn lực của Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021	

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ABR	Cục quản lý đăng ký kinh doanh
BCA	Hiệp định Hợp tác cơ bản
BRO	Phòng đăng ký kinh doanh
CARMAH	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng về Sức khỏe nam giới và cộng đồng
CCLPHH	Trung tâm tư vấn pháp luật và chính sách về Y tế và HIV/AIDS
CEMA	Ủy ban dân tộc
CITES	Công ước quốc tế về buôn bán các động vật và thực vật hoang dã quý hiếm
CPV	Đảng Cộng sản Việt Nam
DOET	Sở Giáo dục và Đào tạo
DOLISA	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
DRR	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
EU	Liên minh Châu Âu
FACE	Phê duyệt ngân sách và Xác nhận chi tiêu
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc
FIA	Cục xúc tiến Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
FIRI	Viện nghiên cứu công nghiệp thực phẩm
GBV	Bạo lực giới
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GDT	Tổng cục Thuế
GHG	Khí thải nhà kính
GOPFP	Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình (Bộ Y tế)
GOV	Chính phủ Việt Nam
GSO	Tổng cục thống kê
HACT	Cách tiếp cận hài hòa hóa về chuyển kinh phí
HPPMG	Quy chế chung về quản lý chương trình dự án
IAEA	Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế
IHR	Các quy định quốc tế về Y tế
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư quốc tế
ITC	Trung tâm Thương mại quốc tế
IRD	Viện nghiên cứu và phát triển
LGBTI	Cộng đồng những người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính
MDG	Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ
M&E	Giám sát và Đánh giá

MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MICS	Điều tra theo nhóm đa chỉ số
MOC	Bộ Xây dựng
MOCST	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MOF	Bộ Tài chính
MOFA	Bộ Ngoại giao
MOH	Bộ Y tế
MOHA	Bộ Nội vụ
MOIC	Bộ Thông tin và Truyền thông
MOIT	Bộ Công thương
MOJ	Bộ Tư pháp
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOST	Bộ Khoa học và Công nghệ
MOT	Bộ Giao thông Vận tải
MOU	Biên bản ghi nhớ
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MPS	Bộ Công an
MPTF-O	Văn phòng Quỹ tín thác đa biên
NA	Quốc hội
NCFAW	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ
NHDR	Báo cáo quốc gia Phát triển con người
NIEM	Viện quốc gia về quản lý giáo dục
NSGE	Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OOG	Văn phòng Chính phủ
OPF	Quỹ Kế hoạch chung
OPFMAC	Ủy ban Huy động và phân bổ Quỹ Kế hoạch chung
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh
PPC	Hội đồng nhân dân tỉnh/Ủy ban nhân dân tỉnh
PPP	Ngang giá sức mua
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
R&D	Nghiên cứu và Phát triển
REDD	Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng
SBAA	Hiệp định hỗ trợ cơ bản tiêu chuẩn
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SEDP	Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội
SPC	Tòa án Nhân dân tối cao

TBT	Các rào cản kỹ thuật trong thương mại
UN	Liên Hợp Quốc (LHQ)
UNAIDS	Chương trình chung của Liên hợp quốc về Phòng chống HIV/AIDS
UNCT	Nhóm các cơ quan LHQ tại quốc gia
UNCTAD	Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển
UNDG	Nhóm Phát triển Liên hợp quốc
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNEP	Chương trình Môi trường Liên hợp quốc
UNESCO	Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc
UN-Habitat	Chương trình Định cư con người Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc
UNODC	Văn phòng Phòng chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc
UNV	Chương trình tình nguyện Liên hợp quốc
UN Women	Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Nâng cao quyền năng cho phụ nữ
USD	Đô la Mỹ
VAAC	Cục Phòng chống HIV/AIDS
VAMA	Hiệp hội sản xuất ô tô Việt Nam
VASS	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
VBCSD	Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững
VCA	Cục quản lý cạnh tranh
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VET	Giáo dục và đào tạo nghề
VGCL	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
Vietrade	Cục Xúc tiến Thương mại
VHI	Bảo hiểm Y tế Việt Nam
VHLSS	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam
VNCPC	Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam (Đại học Bách Khoa Hà Nội)
VNIES	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
VND	Việt Nam đồng
VNPUD	Mạng lưới những người sử dụng Ma túy Việt Nam
VSS	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
VWU	Hội Liên hiệp Phụ nữ
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
WBRN	Mạng lưới nghiên cứu trên mạng



TÓM TẮT

Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 là khung chương trình và vận hành để thực hiện những hỗ trợ của Liên hợp quốc (LHQ) đối với Chính phủ Việt Nam trong 5 năm tới và xác định rõ cách thức LHQ sẽ “thống nhất hành động” để hỗ trợ các ưu tiên phát triển quốc gia. Kế hoạch chiến lược chung phù hợp với các ưu tiên quốc gia trong Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội 2011-2020 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội 2016-2020, các Mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người.

Để chuẩn bị xây dựng Kế hoạch chiến lược chung, LHQ đã tiến hành Rà soát độc lập Kế hoạch chung 2012-2016, Báo cáo đánh giá chung quốc gia, và Tài liệu tham vấn về Vai Trò, Vị Trí và Quan hệ đối tác của LHQ trong bối cảnh nước có thu nhập trung bình thấp. Đây là quá trình lập kế hoạch chiến lược và bao gồm các cuộc tham vấn rộng rãi ý kiến của Chính phủ, các đối tác phát triển và các cơ quan, tổ chức liên quan khác.

Bối cảnh phát triển

Trong suốt ba thập kỷ kể từ khi thực hiện đường lối cải cách *đổi mới*, Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng kinh tế đáng kể do thực hiện các cải cách thị trường mang tính bền vững và dần dỡ bỏ các rào cản để đưa đất nước hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Những thành tựu đạt được trong công tác giảm nghèo khá ngoạn mục, với tỷ lệ hộ nghèo giảm từ gần 60% trong năm 1993 xuống chỉ còn 7% trong năm 2015.

Với việc ký kết tham gia vào các hiệp định thương mại tự do, nền kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tạo thêm 6,5 triệu việc làm vào năm 2030, chủ yếu là trong các lĩnh vực liên quan đến các ngành công nghiệp sản xuất phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, còn có quan ngại về khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp và của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, do vậy cần phải có một gói chính sách toàn diện để hỗ trợ những chuyển đổi về cơ cấu.

Với sự dịch chuyển từ xuất khẩu các mặt hàng nông sản thô và từ các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động sang sản xuất các mặt hàng đa dạng và phức tạp hơn, quá trình hội nhập toàn cầu của Việt Nam đã giúp tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động tay nghề thấp và trung bình. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có nguy cơ đối mặt với “bẫy thu nhập trung bình” trừ phi có sự dịch chuyển từ tăng trưởng dựa chủ yếu vào đầu tư lớn và nguồn lao động rẻ sang tăng trưởng dựa trên năng suất, tính sáng tạo và bao trùm.

Việt Nam đã thực hiện các mục tiêu MDG rất thành công, với phần lớn các mục tiêu đạt được đầy đủ và trước thời hạn. Tuy nhiên vẫn còn có sự chênh lệch. Mặc dù nhìn chung đất nước đã có nhiều thành công trong phát triển nhưng cần có hiểu biết sâu sắc hơn về nghèo đa chiều và các hình thức, tình trạng dễ bị tổn thương đang diễn ra tại Việt Nam.

Việt Nam đang có sự gia tăng dịch chuyển của dân cư cả trong và ngoài biên giới. Các nhân tố kinh tế, cơ hội việc làm và sinh kế là những yếu tố thúc đẩy người Việt Nam dịch chuyển. Trong lúc di dân ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, cần phải có các biện pháp để đảm bảo an toàn cho dân di cư và bảo vệ các quyền của họ, bao gồm việc phòng chống buôn bán người và bảo vệ cho các nạn nhân của buôn bán người. Tình trạng di cư trong nước cũng góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, với dân số đô thị chiếm khoảng 35% tổng dân số. Người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp đang ngày càng di chuyển nhiều về các thành phố và các trung

tâm công nghiệp để tìm kiếm việc làm được trả lương cao hơn như trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa và các ngành công nghiệp dịch vụ.

Mặc dù bình đẳng giới đã được cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn nhiều vấn đề còn tồn tại. Những định kiến về giới không những ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em gái mà còn gây ảnh hưởng đến các nhóm dân số mà không theo các chuẩn mực giới. Mặc dù Việt Nam đã có những thành công trong thực hiện mục tiêu MDG 3 về bình đẳng giới, tỷ lệ đại diện phụ nữ tham gia vào các vị trí có quyền quyết định ở Việt Nam vẫn còn rất thấp. Tỷ lệ bạo lực giới còn cao và việc thích sinh con trai cũng góp phần vào tình trạng cao về mất cân bằng giới tính khi sinh. Phụ nữ còn phải đối mặt với nhiều rào cản liên quan đến việc tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ, tài sản cũng như các cơ hội giáo dục và đào tạo. Phụ nữ cũng vẫn chủ yếu làm việc trong các khu vực phi chính thức, nơi mà họ chỉ kiếm được khoảng một nửa so với nam giới và phải đối mặt với sự thiếu đảm bảo về việc làm. Tuổi nghỉ hưu sớm của phụ nữ cũng hạn chế các cơ hội và kết quả là họ nhận lương hưu hàng tháng thấp hơn so với nam giới.

Là một quốc gia thu nhập trung bình thấp, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức mới, trong đó có việc giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thiếu ổn định kinh tế vĩ mô, các hình thức mới về nghèo đói và các tình trạng dễ bị tổn thương và tăng sự bất bình đẳng. Mặc dù năm 2012, Đảng đã cam kết xây dựng một hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện đến năm 2020, hệ thống bảo trợ xã hội của Việt Nam vẫn trong tình trạng bị phân mảnh, dẫn đến tình trạng ngày càng gia tăng của “nhóm dân số trung gian bị bỏ qua”.

Các chỉ số sức khỏe cơ bản của Việt Nam cao hơn so với các nước có cùng mức độ phát triển, tuy nhiên sự chênh lệch vẫn còn tồn tại giữa các vùng và các nhóm dân cư, có ảnh hưởng bất cân xứng đến người nghèo, người dân tộc thiểu số và những người sống trong các khu vực khó tiếp cận. Nhiều người trẻ vẫn gặp những khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ sức khỏe tình dục và sinh sản có chất lượng vì các dịch vụ này vẫn chỉ tập trung chủ yếu vào các cặp vợ chồng đã kết hôn. Việt Nam phải đối mặt với các thách thức mới với gánh nặng phức tạp của dịch bệnh và các tác động của phát triển, biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa. Các bệnh không lây nhiễm chiếm gần ba phần tư tổng gánh nặng bệnh tật, và dự kiến sẽ tiếp tục tăng cùng với sự già hóa dân số. Công tác phòng ngừa và kiểm soát bệnh lao, sốt rét và HIV/AIDS vẫn còn nhiều thách thức, trong khi các bệnh mới nổi và nổi lại đang tiếp tục đe dọa.

Việt Nam được xem như là một câu chuyện thành công ở tầm quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, năm 2012 đã đạt tỷ lệ nhập học ở trường tiểu học lên tới 99%, tỷ lệ nhập học ở trung học cơ sở là 87% và tỷ lệ biết chữ đạt 95%. Các bước phát triển đáng kể đã được thực hiện để cải thiện chất lượng học tập và giảng dạy, cũng như những cải thiện về cơ sở vật chất trường học và môi trường học tập tổng thể. Tuy vậy, sự chênh lệch về trình độ học vấn vẫn tồn tại giữa một số nhóm kinh tế xã hội và dân tộc, cụ thể là trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật, trẻ em di cư và những người ở vùng sâu vùng xa và khó tiếp cận, và đặc biệt trong những năm đầu đời. Cũng như các dịch vụ xã hội khác, cải cách xã hội hóa đã dẫn đến việc tăng nhiều các khoản phí, gây ảnh hưởng đến các gia đình có thu nhập thấp và thu nhập trung bình, với các hộ gia đình phải chi tiêu nhiều hơn cho việc đến trường.

Việt Nam hiện phải đối mặt với các nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng do tình hình biến đổi khí hậu và thiên tai, đặc biệt là tại các khu vực dọc theo bờ biển và ở các vùng miền núi. Người nghèo, phụ nữ và trẻ em gái là đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương. Các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu bao gồm bão lụt, hạn hán, tình trạng nước biển xâm nhập mặn đang ngày càng thường xuyên xảy ra, mãnh liệt và khó dự báo hơn, và có nguy cơ hủy hoại các thành quả phát triển vốn còn mong manh.

Nền kinh tế Việt Nam còn phụ thuộc nặng nề vào nhiên liệu hóa thạch và nếu không thay đổi, Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia có lượng khí thải nhà kính lớn trong khu vực. Điều này sẽ dẫn tới sự suy thoái môi trường, tăng các rủi ro thiên tai và làm suy yếu các cơ hội cho sự phát triển bền vững. Những lựa chọn chính sách trong thời gian sắp tới về cơ sở hạ tầng, năng lượng, đô thị hóa, sản xuất và các mô hình tiêu dùng sẽ quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi theo hướng tăng trưởng xanh, giảm lượng khí thải và phát triển bền vững với biến đổi khí hậu.

Sự tham gia của xã hội rất quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định, để đảm bảo các nỗ lực phát triển đều nhằm vào con người. Mặc dù đã có tiến bộ, nhưng vẫn có nhu cầu cấp thiết mở rộng sự tham gia của các cấp cơ sở trong quản trị, bao gồm cả phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi như trẻ em, người di cư và nhóm dân tộc thiểu số, nhóm thiểu số giới và tình dục.

Kể từ khi Việt Nam là thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014-2016, Quốc hội, với sự hỗ trợ của LHQ, ngày càng nỗ lực tham gia thúc đẩy việc thực hiện các khuyến nghị có liên quan đến quyền con người với Chính phủ. Hiến pháp năm 2013 cũng cam kết tăng cường tôn trọng, bảo vệ và đáp ứng các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa hơn nữa¹. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thường có ưu thế hơn so với luật pháp trong nước trong trường hợp luật pháp trong nước mâu thuẫn với các điều ước quốc tế này. Như thế, luật pháp quốc gia cần được hài hòa với các hiệp ước quốc tế và các điều khoản về quyền con người, và Việt Nam nên xem xét việc thành lập một Cơ quan Quốc gia về quyền con người.

Những hạn chế và điểm yếu chính còn tồn tại

Báo cáo phân tích của LHQ đã xác định một số những hạn chế và điểm yếu và nếu được giải quyết một cách có hiệu quả thì có đây thể là chìa khóa để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao tác động cần phải có để hoàn thành được Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững đến năm 2030.

Điều phối trong Chính phủ: Sự phối hợp và hợp tác liên ngành nên được củng cố nhằm đảm bảo trách nhiệm giải trình tốt hơn, khả năng cung cấp dịch vụ hiệu quả hơn và quan hệ đối tác với các đối tác phát triển khác bền vững hơn.

Cơ chế chịu trách nhiệm giải trình của Chính phủ: Các cơ quan cấp quốc gia cần được củng cố để thực hiện vai trò kiểm soát và cân bằng các hoạt động của Chính phủ cũng như để tăng cường tính minh bạch và hệ thống quản lý góp phần ngăn chặn tham nhũng.

Những thách thức trong thực thi: Năng lực quốc gia cần phải được tăng cường để phát triển và thực hiện khung chính sách và quản lý.

Định kiến xã hội: Những thay đổi tiến bộ trong cách nhìn nhận qua nhiều thế hệ khác nhau về các chuẩn mực xã hội và chính trị cần phải là yếu tố cơ bản trong nỗ lực tăng cường sự phát triển công bằng và bền vững.

Hệ thống dữ liệu và quá trình dựa trên bằng chứng: Cần phải được củng cố để góp phần thúc đẩy bình đẳng và phát triển công bằng, trong đó bao gồm việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu.

Chi tiêu công: Hệ thống phân bổ ngân sách cho chi tiêu khu vực công cần phải có trọng tâm hơn và cần phải dựa vào bằng chứng với sự giám sát công mạnh mẽ hơn, tăng cường sự minh bạch hơn và cần được công bố thường xuyên với số liệu có chất lượng cao.

Sự tham gia của người dân: Một môi trường an toàn và thuận lợi là cần thiết để nhân dân được

¹ Báo cáo viên đặc biệt của LHQ về tự do tôn giáo và tín ngưỡng Heiner Bielefeldt Special, chuyến làm việc tại Việt Nam (21 đến 31 tháng 7 năm 2014), A/HRC/28/66/Add.2, 2014. Đoạn 22."

tham gia vào các cuộc đối thoại công về nhu cầu tiếp cận cung cấp dịch vụ và quản trị sự tham gia của người dân và hiệu quả hơn, cũng như tham gia vào các mối quan hệ đối tác trong cung cấp dịch vụ.

Lợi thế so sánh của Liên Hợp Quốc

Với chương trình nghị sự mới về thực hiện các mục tiêu Phát triển bền vững (SDG), LHQ cần phải đáp ứng được những thay đổi của đất nước và đảm bảo tính phù hợp với các ưu tiên phát triển quốc gia, đồng thời phải xem xét các nguyện vọng của Việt Nam ở khu vực và trên toàn cầu. Điều này có nghĩa là hợp tác phát triển thay đổi theo hướng hỗ trợ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật theo nhu cầu và kịp thời hơn, tận dụng các chuyên môn trong lĩnh vực công và tư nhân, với tư cách là khách hàng/đối tác hơn là quan hệ cho và nhận viện trợ.

Các tư vấn và hỗ trợ mang tính khách quan, không thiên vị và dựa trên bằng chứng là các lĩnh vực chính mà Liên hợp quốc có lợi thế so sánh, và LHQ cần tối ưu hoá nỗ lực của mình trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021. Những ưu tiên của LHQ bao gồm:

- Cung cấp các lựa chọn chính sách phát triển khách quan và không thiên vị dựa trên kiến thức tập thể toàn cầu;
- Giúp xây dựng các hướng tiếp cận rõ ràng và thiết thực nhằm hỗ trợ việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững;
- Đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn cần một tiếng nói mạnh mẽ của LHQ về quyền con người, bình đẳng và các cải cách lấy công dân làm trung tâm và không ai bị bỏ lại phía sau; và
- Tăng cường hợp tác Nam-Nam để thúc đẩy các cơ hội cho Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm trong việc hoàn thành các cam kết phát triển của mình.

Kết quả của Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021

Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 được xây dựng với tầm nhìn hướng đến ba nguyên tắc chủ yếu là bao trùm, công bằng và bền vững. Tính kết nối và linh hoạt của SDG yêu cầu Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 cần phải được thực hiện một cách tổng hợp hơn, trong đó mở rộng quan hệ đối tác giữa LHQ, Chính phủ, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, khu vực tư nhân và các đối tác phát triển. LHQ sẽ dựa trên sự hiểu biết tinh tế của mình về tính dễ bị tổn thương và thông qua những bài học kinh nghiệm được đúc rút ra từ thành công và những thách thức còn phải đối mặt của chương trình nghị sự MDG còn dang dở. LHQ cũng sẽ chú trọng xem xét các hình thức dễ tổn thương mới liên quan tới toàn quốc gia, chẳng hạn như các nguy cơ tiềm tàng liên quan đối với Việt Nam là một nước có thu nhập trung bình thấp. LHQ sẽ dựa vào lợi thế so sánh của mình về đưa ra giải pháp tổng thể cho các thách thức phát triển đa chiều phức tạp, trong đó tập trung hơn vào cung cấp dịch vụ tư vấn chính sách chất lượng cao.

Kế hoạch chiến lược chung được chia thành bốn lĩnh vực trọng tâm, theo các chủ đề trọng tâm của SDG (Con người, Hành tinh, Thịnh vượng và Hoà bình) với chín kết quả liên quan. LHQ cũng sẽ chú trọng tới năm chủ đề xuyên suốt quan trọng theo như Báo cáo đánh giá chung quốc gia gồm quyền con người, bình đẳng giới, tham gia của công chúng, dữ liệu để phát triển, và đối tác và sáng tạo.

Quan hệ đối tác

Bản chất, mối quan hệ và sự kết nối giữa các SDG cho thấy tầm quan trọng của công tác điều phối đa ngành và đòi hỏi các quan hệ đối tác mới và chiến lược cũng tham gia trong các nỗ lực có điều phối các bên liên quan. Chính phủ thông qua sự lãnh đạo và điều phối tích cực của mình có vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng các hành động mang tính tập thể. LHQ có vai trò đặc biệt trong việc hỗ trợ quan hệ đối tác đa bên nhằm hướng tới các mục tiêu về quyền con người, toàn diện và công bằng. LHQ cũng sẽ tiếp tục hỗ trợ các hoạt động ở cấp địa phương để hoàn thành các MDG còn dang dở cũng như các vấn đề mới nổi như đô thị hóa và biến đổi khí hậu, và phát triển các mô hình thực tiễn tốt.

Quan hệ đối tác công-tư cũng sẽ trở nên quan trọng vượt qua các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và vươn tới các vấn đề hỗ trợ khu vực doanh nghiệp trở thành đối tác đầy đủ trong thực hiện SDG. Điều này sẽ giúp khu vực này khai thác khả năng của mình để cung cấp các giải pháp sáng tạo, cam kết nguồn lực tài chính và cung cấp cơ hội cho mọi người. Sự tham gia của xã hội là cần thiết và với vai trò quan trọng của các tổ chức và các nhóm được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ trong quá trình thực hiện, mở rộng quy mô và giám sát để đảm bảo cung cấp dịch vụ mang tính đáp ứng nhiều hơn. Chức năng quan trọng khác là tham gia vào đối thoại chính sách và bày tỏ nguyện vọng cũng như các mối quan tâm của công dân để góp phần hợp thức hóa chính sách, luật và các công cụ khác; tổng kết các bài học kinh nghiệm để thông tin cho chính sách và tăng cường phổ biến những bài học kinh nghiệm đó; và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, đưa ra các dịch vụ phù hợp hơn và đáp ứng đúng nhu cầu hơn.

LHQ sẽ cố gắng phối hợp với các đối tác phát triển khác, nhằm tạo điều kiện hỗ trợ công việc lẫn nhau và tránh trùng lặp. Các cơ hội để cùng nghiên cứu chính sách và gắn kết chính sách sẽ được tìm kiếm, với LHQ hỗ trợ mở rộng hoạt động đối thoại đa bên về các chương trình nghị sự về phát triển chung, bao gồm SDG và quyền con người. Các tổ chức tài chính quốc tế và các ngân hàng phát triển tiếp tục đóng vai trò tích cực tại Việt Nam. Thông qua quan hệ đối tác với các tổ chức tín dụng cho vay, LHQ có thể góp phần thúc đẩy tác động phát triển và đóng góp tài chính quy mô lớn để đẩy mạnh mục tiêu phát triển xã hội và bền vững, chẳng hạn như bằng cách đảm bảo sự tham gia của nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất và bằng cách tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu và thiên tai của các hình thức đầu tư hạ tầng.

Quản lý và thực hiện

Cơ cấu quản lý Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 được xây dựng dựa vào kinh nghiệm thực hiện các Kế hoạch chung ở Việt Nam từ năm 2008. Cơ cấu quản lý được thiết kế để đảm bảo quyền làm chủ và lãnh đạo của quốc gia, điều phối hiệu quả việc thực hiện chương trình và thúc đẩy sáng kiến Thống nhất hành động. Cơ cấu quản lý sẽ tạo điều kiện để phù hợp nhất có thể với các ưu tiên của quốc gia, giảm trùng lặp nỗ lực, nâng cao trách nhiệm giải trình theo các nguyên tắc xây dựng chương trình của LHQ và đảm bảo mức độ linh hoạt nhằm đáp ứng các yêu cầu mới trong chu kỳ xây dựng chương trình 5 năm.

Cơ chế quản lý sẽ bao gồm việc thành lập Ban chỉ đạo chung LHQ-Chính phủ cho Sáng kiến Thống nhất hành động, cơ quan rà soát kiểm điểm việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và xây dựng các Nhóm Kết quả LHQ. Kế hoạch chung chiến lược 2017-2021 sẽ do các Cơ quan thực hiện quốc gia và cơ quan tham gia của hệ thống LHQ thực hiện. Nghị định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức và các khoản vay ưu đãi, Thoả thuận Paris cũng như Tuyên

bổ chung Hà Nội sẽ là các văn bản hướng dẫn công tác xây dựng cũng như thực hiện các chương trình và dự án do LHQ hỗ trợ.

Chính phủ và LHQ cùng nỗ lực xác định và huy động các nguồn tài chính không phải là nguồn thường xuyên để thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021. Theo kinh nghiệm thực hiện các Kế hoạch chung trước đây tại Việt Nam, cơ chế phù hợp sẽ được thiết kế nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong các cơ hội cùng đầu tư và chia sẻ chi phí giữa LHQ và Chính phủ. Tổng dự toán ngân sách để đạt được các kết quả về mặt chương trình của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 là 423.348.650 đô la Mỹ. Con số này đã bao gồm khoảng 23% từ nguồn thường xuyên, hoặc là nguồn chính hoặc nguồn đã được đảm bảo, và 77% từ các nguồn khác (đã được đảm bảo hoặc sẽ huy động) cho bốn lĩnh vực trọng tâm của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

LHQ và Chính phủ cùng có trách nhiệm giám sát và đánh giá Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021. Kết quả sẽ được cả hai bên giám sát và đánh giá theo các cách tiếp cận chung của LHQ về quản lý dựa vào kết quả. Sự phù hợp giữa nỗ lực giám sát ở cấp cơ quan tham gia của hệ thống LHQ với Kế hoạch chiến lược chung sẽ được thúc đẩy để đảm bảo hiệu quả cao hơn. LHQ sẽ đảm bảo xây dựng năng lực đầy đủ cho công tác hỗ trợ công tác giám sát, báo cáo và đánh giá. Công tác giám sát cũng sẽ được xây dựng phù hợp nhất có thể với hệ thống thông tin, thống kê quốc gia cũng như hệ thống giám sát và đánh giá quốc gia nhằm thúc đẩy hơn nữa quyền làm chủ quốc gia và trách nhiệm giải trình chung đối với kết quả.

TRANG CHỮ KÝ

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

Giữa

Chính phủ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Và

Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

.....
Ông Nguyễn Chí Dũng

Bộ trưởng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

.....
Ông Kamal Malhotra

Điều phối viên thường trú LHQ



TRANG CHỮ KÝ CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN HỢP QUỐC

.....
Ông JongHa Bae
Trưởng Đại diện FAO

.....
Điều phối viên thường trú LHQ
tại Việt Nam ký thay
Bà Arancha González
Giám đốc điều hành ITC

.....
Điều phối viên thường trú LHQ
tại Việt Nam ký thay
Bà Najat Mokhtar
Giám đốc Bộ phận phụ trách khu vực
Châu Á - Thái Bình Dương IAEA

.....
Bà Marie-Odile Emond
Giám đốc quốc gia UNAIDS

.....
Ông Chang-Hee Lee
Giám đốc Quốc gia ILO

.....
Điều phối viên thường trú LHQ
tại Việt Nam ký thay
Ông Mukhisa Kituyi
Tổng thư ký UNCTAD

.....
Ông David Knight
Trưởng Phái đoàn IOM

.....
Bà Louise Chamberlain
Giám đốc Quốc gia UNDP

.....
Điều phối viên thường trú LHQ
tại Việt Nam ký thay
Bà Dechen Tsering
Giám đốc khu vực Châu Á - Thái Bình
Dương UNEP

.....
Ông Zhen Wang
Phụ trách Văn phòng đại diện tổ chức
UNIDO tại Việt Nam; Trưởng Ban
Châu Á - Thái Bình Dương

.....
Bà Susan Vize
Phụ trách văn phòng UNESCO

.....
Ông Christopher Batt
Phụ trách văn phòng UNODC

.....
Bà Astrid Bant
Trưởng Đại diện UNFPA

.....
Ông Kamal Malhotra
Đại diện UNV

.....
Ông Nguyễn Quang
Giám đốc Chương trình Quốc gia
UN-Habitat

.....
Bà Shoko Ishikawa
Trưởng Đại diện UN Women

.....
Ông Youssouf Abdel-Jelil
Trưởng Đại diện UNICEF

.....
Ông Lokky Wai
Trưởng Đại diện WHO



LỜI NÓI ĐẦU

Chính phủ Việt Nam (sau đây gọi là “Chính phủ”) và Hệ thống Liên Hợp Quốc (LHQ) tại Việt Nam cam kết thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ và LHQ. Kế hoạch chiến lược chung này kết hợp những lợi thế so sánh của các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ trong một khung lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá.

Các cơ quan LHQ tham gia trong kế hoạch bao gồm: Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên hợp quốc (FAO), Cơ quan năng lượng nguyên tử Quốc tế (IAEA), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM), Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Chương trình chung của LHQ về Phòng chống HIV/AIDS (UNAIDS), Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Chương trình Định cư Con người Liên hợp quốc (UN-Habitat), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), Văn phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc (UNODC), Chương trình Tình nguyện Liên hợp quốc (UNV), Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Nâng cao quyền năng cho phụ nữ (UN Women), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO); sau đây gọi là “các Cơ quan tham gia của hệ thống LHQ”².

Thúc đẩy cam kết chung và cùng nhau hợp tác để thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) và mục tiêu phát triển khác đã được quốc tế thông qua trong các Công ước của LHQ, các hội nghị và hội nghị thượng đỉnh mà Chính phủ và các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ đã cam kết, trong đó có Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030 mà Việt Nam là một thành viên;

Thống nhất rằng các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2016-2020, và các chiến lược ngành và khu vực có liên quan, phù hợp với Cam kết Hà Nội về hiệu quả viện trợ (tháng 6/2005) và khuôn khổ pháp lý về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức tại Việt Nam;

Phát huy những tiến bộ và kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch chung 2012-2016, và dựa trên những phân tích đánh giá đã được thực hiện, bao gồm Rà soát độc lập Kế hoạch chung 2012-2016, Báo cáo đánh giá chung quốc gia và Tài liệu tham vấn về Vai Trò, Vị Trí và Quan hệ đối tác của LHQ trong bối cảnh nước có thu nhập trung bình thấp, và những bài học, kinh nghiệm rút ra trong quá trình xây dựng và thực hiện sáu trụ cột của Sáng kiến Thống nhất hành động - các yếu tố góp phần tạo điều kiện để các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ có thể đóng góp hiệu quả hơn cho sự phát triển của Việt Nam, bao gồm Kế hoạch chung, Ngân sách chung, Lãnh đạo chung, Bộ quy tắc quản lý chung, Tiếng nói chung và Ngôi nhà chung xanh LHQ;

Công nhận Việt Nam là quốc gia tiên phong trong thực hiện Sáng kiến Thống nhất hành động và dự liệu trước rằng khi sáu trụ cột cải cách LHQ ngày càng vững mạnh tại Việt Nam, sáng kiến Thống nhất hành động tại Việt Nam sẽ là tấm gương đi đầu cho các quốc gia khác học hỏi tùy theo hoàn cảnh cụ thể của quốc gia đó và trên tinh thần “không có một mô hình phù hợp cho tất cả các quốc gia”;

Khẳng định rằng Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 là văn kiện tổng hợp thể hiện một cách toàn diện công tác lập quy hoạch và theo dõi đánh giá kết quả, tích hợp toàn bộ kinh nghiệm và

² Thuật ngữ “các cơ quan tham gia của Hệ thống Liên Hợp Quốc” bao gồm tất cả các quỹ, tổ chức, cơ quan và chương trình trong hệ thống LHQ. IOM chính thức gia nhập Hệ thống LHQ với tư cách một cơ quan thành viên tại Hội nghị thượng đỉnh lần đầu tiên của LHQ về Đối phó với làn sóng di cư và tị nạn khổng lồ, được tổ chức vào ngày 19/9/2016.

chuyên môn của cả hệ thống LHQ, các đối tác quốc gia và quốc tế, tạo điều kiện để áp dụng các nguyên tắc lập kế hoạch theo quy chuẩn phù hợp với các ưu tiên phát triển quốc gia.

Bước vào giai đoạn mới hợp tác mới phù hợp với Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2016-2020, và

Tuyên bố các cam kết và trách nhiệm ở đây sẽ được hoàn tất trên tinh thần tiếp tục hợp tác chặt chẽ và đối tác tin cậy;

Chính phủ và các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ cùng nhau nhất trí như sau:



GIỚI THIỆU

1. Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 là khung chương trình và vận hành để thực hiện những hỗ trợ của LHQ đối với Chính phủ trong 5 năm tới và xác định rõ cách thức LHQ sẽ “thống nhất hành động” để hỗ trợ các ưu tiên phát triển quốc gia. Kế hoạch chiến lược chung cũng tóm tắt các chương trình mà các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ sẽ thực hiện, phù hợp với các ưu tiên quốc gia trong Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội 2011-2020 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội 2016-2020 và tóm tắt cách thức thực hiện Kế hoạch chung 2016-2020, các Mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người. Hơn nữa, tài liệu này sẽ cụ thể hoá cách thức kế hoạch được thực hiện, bao gồm thỏa thuận đối tác, chiến lược thực hiện, phương cách quản lý, huy động nguồn lực, theo dõi và đánh giá cũng như các cam kết của Chính phủ, LHQ và các nhà tài trợ.
2. Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 được xây dựng tuân theo hướng dẫn của Nhóm Phát triển LHQ (UNDG) cho các cơ quan LHQ tại quốc gia xây dựng Khung hỗ trợ phát triển của LHQ (UNDAF). Quá trình xây dựng này bao gồm tiến hành Rà soát độc lập Kế hoạch chung 2012-2016, Báo cáo đánh giá chung quốc gia, và Tài liệu tham vấn về Vai Trò, Vị Trí và Quan hệ đối tác của LHQ trong bối cảnh nước có thu nhập trung bình thấp và đây là quá trình lập kế hoạch chiến lược và các cuộc tham vấn rộng rãi ý kiến của Chính phủ, cộng đồng tài trợ và các cơ quan, tổ chức xã hội liên quan khác. LHQ công nhận tầm quan trọng của việc hợp tác với các tổ chức và các nhóm được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ vì sự hợp tác này góp phần thúc đẩy các ý tưởng của tổ chức và giúp hỗ trợ công việc của mình. Khung chương trình tổng thể, bao gồm kết quả, chỉ số kết quả, chỉ tiêu và dữ liệu cơ sở đã được thiết kế thông qua quá trình phối hợp chặt chẽ với Chính phủ và tham vấn với các đối tác chính khác bao gồm cả các cơ quan, tổ chức xã hội liên quan khác và các đối tác phát triển.
3. Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 bao gồm các phần sau đây:
 - Phần một giới thiệu tổng quan về bối cảnh phát triển của Việt Nam và lợi thế so sánh của LHQ.
 - Phần hai tóm tắt mục đích chiến lược của Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, và cách thức lồng ghép các vấn đề xuyên suốt vào các kết quả dự kiến trong bốn lĩnh vực trọng tâm.
 - Phần ba mô tả các quan hệ đối tác cần thiết để thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021.
 - Phần bốn mô tả cơ chế quản lý và cơ chế điều phối hỗ trợ cho việc thực hiện kế hoạch và các nỗ lực huy động nguồn lực.
 - Phần năm mô tả Khung ngân sách chung cho Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 và Quỹ Kế hoạch chung.
 - Phần sáu giải thích phương cách Chính phủ và LHQ sẽ giám sát, báo cáo và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 và việc sáng kiến Thống nhất hành động đã góp phần đạt được các kết quả có hiệu quả và hiệu suất như thế nào.
 - Phần bảy nêu những cam kết của tất cả các bên đối với Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021.
 - Phần tám bao gồm những điều khoản pháp lý liên quan đến Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021.

- Cuối cùng là phần phụ lục của Kế hoạch chiến lược chung bao gồm Danh mục các hiệp định hợp tác và hỗ trợ của các cơ quan LHQ, Khung ngân sách chung theo từng cơ quan, Các điều khoản về an ninh của UNDP, Khung kết quả và nguồn lực của Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021.



I. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VÀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA LHQ

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

4. Trong suốt ba thập kỷ kể từ khi thực hiện đường lối cải cách đổi mới, Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng kinh tế đáng kể. Các cải cách nhằm xây dựng thị trường bền vững, dần dỡ bỏ các rào cản để đưa đất nước hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu đã góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm ở mức 7,3% từ năm 1990 đến năm 2010. Nhiều năm trở lại đây, mức tăng trưởng có giảm, nhưng nền kinh tế đã dần hồi phục với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội GDP thực tế 6,21% trong năm 2016. Nền kinh tế đã chuyển dần từ kinh tế dựa vào nông nghiệp sang lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, trong đó nông nghiệp chiếm 17% tổng sản lượng GDP trong năm 2015, giảm nhiều so với 31,8% trong năm 1990. Những thành tựu đạt được trong công tác giảm nghèo khá ngoạn mục, với tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58,1% năm 1993 xuống còn 7% trong năm 2015.³
5. Với việc ký kết tham gia vào các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ có thêm 6,5 triệu việc làm vào năm 2030, chủ yếu là trong các lĩnh vực liên quan đến các ngành công nghiệp sản xuất phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, còn có quan ngại về khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp và của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này có nghĩa là cần phải có một gói chính sách tổng hợp và toàn diện về nông nghiệp, công nghiệp và thị trường lao động để đẩy mạnh những chuyển đổi về cơ cấu.
6. Sự tham gia của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu cũng đồng nghĩa với việc gia tăng các yêu cầu về đảm bảo các chính sách và thông lệ về lao động phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Theo Quyết định 2528/QĐ-TTg, Việt Nam cần phải cải cách khung pháp lý và thể chế về quan hệ công nghiệp theo hướng tôn trọng hoàn toàn Tuyên bố năm 1998 của ILO về những nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc.
7. Trong bối cảnh với các tiến bộ của các hiệp định thương mại tự do mới, đặc biệt là FTA giữa Việt Nam - EU, Chính phủ Việt Nam đã khẳng định cam kết đối với Tuyên bố về những nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc của ILO năm 1998, xem xét nghiêm túc việc phê chuẩn Công ước 87 của ILO về Quyền tự do hiệp hội và về việc bảo vệ quyền được tổ chức; Công ước 98 về Quyền được tổ chức và thương lượng tập thể; và Công ước 105 về xoá bỏ lao động cưỡng bức. Giai đoạn 2017-2021 sẽ là giai đoạn quan trọng nhất để cải cách toàn bộ thể chế thị trường lao động.
8. Việt Nam hiện đang được hưởng giai đoạn lợi tức dân số, với số người trong độ tuổi lao động gấp hai lần so với số người phụ thuộc. Điều này giúp cung cấp một nguồn lớn lao động cho phát triển kinh tế. Với sự dịch chuyển dần từ xuất khẩu nông sản thô (như gạo, cà phê, hạt tiêu và hải sản) và sản xuất hàng hoá sử dụng nhiều sức lao động (quần áo và giày dép) sang các mặt hàng ngày càng đa dạng và phức tạp hơn (ví dụ như điện thoại di động và máy tính), quá trình hội nhập của Việt Nam vào mạng lưới sản xuất toàn cầu đã có công trong việc tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập thấp và trung bình. Tuy nhiên, với sự phổ biến của sản xuất hàng hoá có giá trị gia tăng thấp, Việt Nam vẫn có nguy cơ đối mặt với tình trạng mà một số nhà kinh tế gọi là “bẫy thu nhập trung bình”. Bẫy này cũng có thể xảy đến

³ Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê (Nhà xuất bản thống kê, trong nhiều năm); và dữ liệu trên trang web của Tổng cục Thống kê, tại: <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=7> Lần truy cập cuối cùng vào ngày 17.10.2015.

đối với các thành tựu về phát triển xã hội, liên quan đến quy mô và sự tồn tại dai dẳng của sự bất công, bất bình đẳng và chênh lệch. Để tránh bẫy này sẽ đòi hỏi cần phải dịch chuyển từ tăng trưởng dựa trên sử dụng sức lao động rẻ và đầu tư vốn lớn sang tăng trưởng dựa trên năng suất, đổi mới và tính toàn diện, qua đó đảm bảo sự bền vững môi trường và tạo thêm nhiều việc làm hơn cũng như góp phần để thúc đẩy sự bao trùm và giảm chênh lệch trong phát triển xã hội.

9. Việt Nam đã thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ MDG rất thành công, với phần lớn các mục tiêu đạt được đầy đủ và trước thời hạn. Tuy nhiên sự chênh lệch, kể cả trong việc tiếp cận dịch vụ cơ bản có chất lượng vẫn còn tồn tại giữa các vùng khác nhau, giữa nông thôn với thành thị, giữa các dân tộc, giới tính, và giữa công nhân lành nghề và lao động phổ thông. Tiến độ thực hiện MDG chưa đồng đều trong một số nhóm như những người sống ở vùng sâu vùng xa, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang phải đối mặt với đói nghèo kinh niên và bất bình đẳng trong việc tiếp cận với các dịch vụ so với người Kinh. Các vùng nghèo, chẳng hạn như vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên và các khu vực duyên hải miền Trung hiện chưa có đủ hệ thống đường sá, hệ thống tưới tiêu đầy đủ và tình trạng thiếu điện, cũng như chất lượng giáo dục thấp và chăm sóc sức khỏe chưa công bằng. Hỗ trợ từ Chính phủ thường tập trung vào nhóm người nghèo thu nhập thấp, nhưng được kiểm chứng là vẫn chưa đủ.⁴ Trong khi tình trạng nghèo đói do thu nhập thấp đã giảm đáng kể, tình trạng dễ bị tổn thương hiện nay xuất hiện là do các sự kiện kinh tế bất lợi, các biến động xã hội và rủi ro gây ra bởi các chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thảm họa tự nhiên đang ngày càng trở nên thường xuyên.
10. Một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất ở Việt Nam là những người khuyết tật chiếm khoảng từ 7,8% số người trong độ tuổi từ năm tuổi trở lên (theo điều tra dân số năm 2009) đến 15,3% (theo Bảng phân loại quốc tế về Chức năng, khuyết tật và sức khỏe của WHO).⁵ Những người khuyết tật thường phải đối mặt với các dịch vụ rất hạn chế, các cơ chế bảo trợ xã hội yếu kém,⁶ các cơ hội còn hạn chế để đóng góp cho các hoạt động kinh tế cũng như sự kỳ thị và phân biệt. Hơn nữa, những người trong nhóm có đặc tính liên ngành, chẳng hạn như phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật tiếp tục chịu thiệt thòi. Mặc dù Việt Nam đã có nhiều thành công trong phát triển, bản chất và mức độ tình trạng tổn thương tiếp diễn đã cho thấy cần phải hiểu biết một cách sâu sắc hơn về nghèo đa chiều và các cách khác nhau mà tính dễ bị tổn thương⁷ đang diễn ra tại Việt Nam.
11. Di cư đã trở nên ngày càng quan trọng với Việt Nam do sự gia tăng về số lượng dân di cư trong nước và quốc tế. Những luồng di cư này thường hỗ trợ sự phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng nông thôn dễ bị tổn thương nhất thông qua việc gửi tiền về và phát triển kỹ năng. Tuy nhiên, còn có các thách thức trong cuộc chiến chống lại nạn buôn bán người và đảm bảo các quyền của người di cư được bảo vệ đầy đủ. Đặc biệt phụ nữ và trẻ em có thể bị bóc lột và lạm dụng nhiều hơn bởi những kẻ buôn bán người.⁸

12. Việt Nam đang đô thị hóa nhanh chóng, với dân số đô thị khoảng 33,12 triệu người trong tháng

⁴ Bộ KH vàĐT "Báo cáo quốc gia: Kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, (tháng 9 năm 2015), tại <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/mdg/country-report-mdg-2015.html>; Bộ LĐTB&XH, và UB Dân tộc, Nghiên cứu nghèo dân tộc thiểu số năm 2007 - 2012 (tháng 5 năm 2014), tại <http://mdri.org.vn/publication/ethnic-minority-poverty-2007-2012/>.

⁵ Hội đồng Điều phối quốc gia về người khuyết tật, Báo cáo thường niên về tình trạng của người khuyết tật tại Việt Nam năm 2010, Hà Nội, Tháng 12 năm 2010.

⁶ Bộ LĐTB&XH, Dự thảo Đề án đổi mới trợ giúp xã hội năm 2016; Bộ LĐTB&XH và UNDP/ Stephen Kidd et al, Trợ giúp xã hội ở Việt Nam: đánh giá và đề xuất trợ giúp cải cách (2016), tại trang <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/social-assistance-in-viet-nam.html>.

⁷ VASS và UNDP, Báo cáo quốc gia về phát triển con người (2016), có tại <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/human-development-report-viet-nam-2015.html>.

⁸ Bộ Ngoại Giao, Cục Lãnh sự, Báo cáo đánh giá tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài, công ty AND, Hà Nội, 2012.

6 năm 2010, chiếm 38,6% tổng dân số cả nước.⁹ Di cư trong nước thời gian gần đây đã trở thành một hiện tượng quốc gia, tại tất cả các tỉnh thành của Việt Nam đã có ghi nhận về sự di chuyển của các cá nhân đến các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp lớn hơn. Người lao động nông thôn đang ngày càng di chuyển nhiều về các thành phố và các trung tâm công nghiệp để tìm kiếm việc làm với mức lương cao hơn so với khu vực nông nghiệp, trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa và trong các ngành công nghiệp dịch vụ. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải đảm bảo cho những người di cư trong nước được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội, bao gồm chăm sóc sức khỏe và giáo dục, những dịch vụ này thường chỉ tiếp cận được khi có hộ khẩu tại nơi ở mới hoặc nơi tạm trú. Cả lượng tiền chuyển từ người di cư trong nước và kiều hối từ người di cư nước ngoài đều là nguồn quan trọng đối với quá trình giảm đói nghèo ở nông thôn. Di cư trong nước đến các thành phố cũng góp phần phát triển kinh tế ở các thành phố, điều này cho thấy người dân di cư thuộc tất cả các hình thức khác nhau sẽ được hưởng lợi từ những nỗ lực tăng cường hơn nữa nhằm bảo vệ các quyền của họ, đảm bảo về sức khỏe và hạnh phúc.

13. Bình đẳng giới tại Việt Nam đã được cải thiện theo thời gian nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm. Việt Nam đã thành công trong việc hoàn thành mục tiêu MDG 3 về bình đẳng giới cũng như hoàn thành mục tiêu về xoá bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục tiểu học và trung học.¹⁰ Các đại biểu Quốc hội là nữ trong nhiệm kỳ 2016-2021 đạt ở mức 26,7%, cao hơn mức trung bình 19% của các nước châu Á và mức trung bình toàn cầu 21%.¹¹ Tuy nhiên, tỷ lệ tổng thể của đại diện phụ nữ nắm giữ các vị trí ra quyết định tại Việt Nam vẫn còn rất thấp.¹² Tình trạng bạo lực giới là phổ biến¹³ do mối tương quan quyền lực còn thiếu bình đẳng và quy chuẩn gia đình cũng như thái độ cá nhân và xã hội mà bỏ qua bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trên bình diện tư nhân và công cộng,¹⁴ và tư tưởng trọng nam khinh nữ trong các gia đình cùng với các chính sách kiểm soát sinh đẻ của Việt Nam và công nghệ lựa chọn giới tính cũng góp phần vào tình trạng gia tăng về mất cân bằng giới tính khi sinh.¹⁵ Rào cản cũng tồn tại trong việc tiếp cận của phụ nữ với các nguồn lực, dịch vụ, tư liệu sản xuất, cơ hội giáo dục kỹ thuật và dạy nghề cũng như các cơ hội đào tạo. Những trở ngại này gây nhiều hình thức bất lợi cho phụ nữ trong nghề nghiệp, chất lượng môi trường làm việc và thu nhập cũng như tạo ra khoảng cách tiền lương giữa nam giới và phụ nữ ngày càng tăng, trái với xu hướng ở các nước khác. Phụ nữ vẫn chủ yếu làm việc trong các khu vực phi chính thức, nơi mà họ chỉ kiếm được thu nhập ở mức bình quân 50% thấp hơn nam giới và phải đối mặt với việc làm không đảm bảo. Tuổi nghỉ hưu sớm ở phụ nữ cũng mang lại nhiều hạn chế trong công việc và các cơ hội thăng tiến cũng như đào tạo và kết quả là nữ giới nhận lương hưu hàng tháng thấp hơn so với nam giới.¹⁶ Ngoài ra, định kiến giới tính ảnh hưởng mạnh mẽ không chỉ có

⁹ Con số này chỉ bao gồm những người di cư có đăng ký, và không bao gồm những người di cư làm việc trong khu vực phi chính thức và người di cư theo mùa. Tổng Cục Thống kê, *Di cư và Đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, Xu hướng và Những khác biệt* Báo cáo được chuẩn bị có sự hỗ trợ từ UNFPA dựa trên Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội, năm 2010.

¹⁰ CHXHCN Việt Nam, *Báo cáo quốc gia: Kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, tháng 9 năm 2015.*

¹¹ Như trên.

¹² Bộ Ngoại giao & UNDP, *Bản tin chính sách: Tăng cường năng lực lãnh đạo nữ - Phương cách hiệu quả để tăng tỷ lệ đại diện nữ, tháng 9 năm 2014.*

¹³ Nghiên cứu quốc gia năm 2010 của Tổng cục Thống kê về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam cho thấy 34% phụ nữ từng kết hôn cho biết họ đã bị bạo lực thể xác hoặc tình dục do chồng của họ tại một số thời điểm trong cuộc đời của họ. Phụ nữ đã từng kết hôn, những người đã trải qua một trong hai loại bạo lực lên tới 9% tại thời điểm điều tra. Khi cả ba loại chính của bạo lực - thể xác, tình dục và tinh cảm - được xem là, hơn một nửa (58%) phụ nữ Việt Nam được báo cáo trải qua ít nhất một loại bạo lực gia đình trong suốt cuộc đời của họ. Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng phụ nữ là ba lần nhiều khả năng bị lạm dụng bởi chồng của mình hơn bất kỳ người nào khác.

¹⁴ LHQ tại Việt Nam, *Tài liệu thảo luận của LHQ, Từ bạo lực gia đình đến bạo lực giới tại Việt Nam: Mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực, 2014.*

¹⁵ UNFPA, *Sự ưa thích con trai tại Việt Nam: Ước muốn thâm căn, công nghệ tiên tiến, tháng 11 năm 2011*

¹⁶ Ngân hàng Thế giới & ILSSA, *Báo cáo về Tuổi hưu trí của phụ nữ tại Việt Nam - Bình đẳng giới và Quỹ bảo hiểm xã hội bền vững, Hà Nội, 2009.*

phụ nữ và trẻ em gái, mà còn tới các nhóm thiểu số về tình dục (người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và liên giới (LGBTI)) và những cá nhân không tuân theo các chuẩn mực về giới.¹⁷

14. An sinh xã hội hay hệ thống bảo trợ xã hội của Việt Nam đã có những bước phát triển trong vài thập kỷ qua với một hệ thống định hướng nhằm ngăn chặn và giảm đói nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương ở mọi giai đoạn của cuộc sống. Là một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức mới, trong đó có những thay đổi về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, hình thức nghèo mới nổi lên và các tình trạng dễ bị tổn thương và tăng sự bất bình đẳng. Tất cả những thách thức này đều có tác động trực tiếp đến các chính sách quốc gia về bảo trợ xã hội. Năm 2012, lần đầu tiên Đảng đã thông qua nghị quyết về một số chính sách xã hội lớn cho giai đoạn 2012-2020,¹⁸ khẳng định sẽ thiết lập một hệ thống bảo trợ xã hội phổ quát vào năm 2020.¹⁹ Kể từ khi áp dụng nghị quyết này, và mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể, hệ thống bảo trợ xã hội của Việt Nam vẫn trong tình trạng còn phân mảnh sâu sắc và chưa đáp ứng được một số nhóm đối tượng, đáng lưu ý là nhóm phụ nữ mang thai dễ bị tổn thương và nhóm trẻ em còn chưa được bảo vệ đầy đủ. Việc thiếu đáp ứng nhu cầu này cũng dẫn đến tình trạng ngày càng gia tăng của 'nhóm dân số trung gian bị bỏ qua'²⁰ như những người lao động làm việc trong các lĩnh vực phi chính thức và vì thế khó có thể tiếp cận được với chương trình đóng góp bảo hiểm xã hội và cũng chưa đủ nghèo theo chuẩn nghèo để được nhận hỗ trợ từ các chương trình hỗ trợ xã hội do chính phủ tài trợ. Trong khi chi tiêu cho hệ thống bảo trợ xã hội chỉ xấp xỉ hơn 5% tổng GDP (chỉ dưới mức trung bình trong khu vực), các nguồn trợ cấp xã hội của nhà nước chỉ chiếm khoảng 1,7% GDP và trợ cấp xã hội thường xuyên cho người nghèo chỉ có 0,3% GDP. Ngoài ra, cũng cần phải giới thiệu các tiêu chuẩn cũng như các cơ chế xem xét đánh giá các tổ chức cung cấp dịch vụ thuê ngoài thông qua các hình thức thương mại hoá hay thông qua các quan hệ đối tác công - tư để hoàn thiện quá trình chuyển đổi thành công nhằm hướng tới một hệ thống mà các hỗ trợ cũng có thể do một bên thứ ba hay các tổ chức cộng đồng cung cấp.²¹
15. Tình trạng sức khỏe của người dân Việt Nam nhìn chung đã có nhiều cải thiện trong thập kỷ vừa qua với các chỉ số sức khỏe cơ bản tốt hơn nhiều so với các nước có cùng mức độ phát triển. Trong những năm gần đây Việt Nam đã đáp ứng và vượt kế hoạch nhiều mục tiêu liên quan trong lĩnh vực y tế, tạo các bước tiến quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho tất cả người dân. Trong khi Việt Nam đã đạt được mức tiếp cận rộng rãi trong chăm sóc sức khỏe, vẫn còn có nhiều chênh lệch trong việc đảm bảo chăm sóc sức khỏe giữa các vùng và các nhóm dân cư, gây ảnh hưởng đến người nghèo, người dân tộc thiểu số và những người sống trong khu vực khó tiếp cận. Mức độ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe vẫn còn là vấn đề đối với các gia đình sống ở vùng sâu vùng xa, nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số và một số nhóm dễ bị tổn thương khác như trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em không có giấy khai sinh và phụ nữ. Một số các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận bao gồm: Không có bảo hiểm, hoặc những người có bảo hiểm thì có khi thẻ bảo hiểm y tế bị chậm. Sự non yếu của hệ thống y tế cơ sở, bao gồm việc thiếu cán bộ y tế có tay nghề, cũng như thiếu các loại thuốc thiết yếu và chẩn đoán cũng ảnh hưởng nhiều đến chăm sóc y

¹⁷ USAID & UNDP, *Là LGBT ở châu Á - Báo cáo về Việt Nam, 2014*.

¹⁸ CHXHCN Việt Nam, *Nghị quyết số 15-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*, tháng 6 năm 2012.

¹⁹ Như trên.

²⁰ Viện Khoa học và Xã hội Việt Nam và UNDP, *Báo cáo quốc gia về phát triển con người (2016)*, tại <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/human-development-report-viet-nam-2015.html>

Bộ LĐTB&XH và UNDP/ Stephen Kidd et al, *Trợ giúp xã hội ở Việt Nam: đánh giá và đề xuất trợ giúp cải cách (2016)*, tại <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/social-assistance-in-viet-nam.html>.

²¹ MoLISA và UNDP, *Trợ giúp xã hội ở Việt Nam: đánh giá và đề xuất trợ giúp cải cách*, Kidd et al, Hà Nội, 2016.

tế của nhóm dân cư này.²² Nhiều người trẻ vẫn gặp những khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ sức khỏe tình dục và sinh sản có chất lượng vì các dịch vụ này vẫn chỉ tập trung chủ yếu vào các cặp vợ chồng đã kết hôn. Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức mới trong ngành y tế, với một gánh nặng phức tạp của dịch bệnh và các tác động ngày càng tăng của phát triển, biến đổi khí hậu và toàn cầu hóa. Đã có dấu hiệu về sự thay đổi dịch tễ học, với các bệnh không lây nhiễm hiện nay đã chiếm 73% tổng gánh nặng bệnh tật của dân số và dự kiến sẽ gia tăng cùng với sự già hóa của dân số. Việc phòng ngừa và kiểm soát các bệnh lây nhiễm vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt đối với HIV/AIDS, lao, sốt rét và các bệnh viêm gan siêu vi, ảnh hưởng lớn đến người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương. Các bệnh mới nổi và các bệnh tái nổi lên (như cúm gia cầm, Ebola, và Hội chứng hô hấp Trung Đông (MERS)) và các bệnh gây ra do các con vật trung gian truyền bệnh đang tiếp tục là mối đe dọa. Gần đây, Việt Nam đã bắt đầu mở rộng việc cung cấp dịch vụ thông qua các cải cách về cơ chế tự chủ cho các bệnh viện, quan hệ hợp tác công tư (PPP) và các cơ sở y tế tư nhân. Tuy nhiên, khung pháp lý nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và trách nhiệm tài chính còn chưa phát triển nên dịch vụ y tế vẫn có nguy cơ chưa công bằng và chưa hiệu quả. Những thay đổi mà nhiều người biết đến với thuật ngữ “cải cách xã hội hóa”, đã có những ảnh hưởng lớn tới sự công bằng và hiệu quả của công tác cung cấp dịch vụ y tế, góp phần tác động đến khả năng tiếp cận, khả năng chi trả và sử dụng thuốc.

16. HIV/AIDS vẫn còn là vấn đề nghiêm trọng của y tế công cộng tại Việt Nam^{23,24}. Dự kiến có khoảng 250,000 người nhiễm HIV vào cuối năm 2015.²⁵ Dịch bệnh này tại Việt Nam vẫn tập trung trong nhóm có nguy cơ cao như người tiêm chích ma túy, phụ nữ bán dâm và nam giới có quan hệ tình dục với nam giới. Mặc dù nhiều thành tựu đáng kể đã đạt được trong những năm gần đây trong việc giảm lây nhiễm mới và giảm các ca tử vong liên quan đến AIDS, Việt Nam vẫn cần phải tiếp tục quan tâm hơn nữa đến HIV để duy trì các kết quả đã đạt được, đồng thời cần phải giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người sống chung với HIV cũng như những nhóm dân số có nguy cơ lây nhiễm.²⁶
17. Việt Nam được xem như là một câu chuyện thành công ở tầm quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và Chính phủ liên tục tăng cường hỗ trợ cho giáo dục trên cả nước trong 25 năm qua. Việt Nam đã đạt được phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010. Những tiến bộ ấn tượng trong ngành giáo dục cũng được thể hiện rõ trong các thống kê gần đây. Trong năm 2012, tỷ lệ nhập học ở trường tiểu học đạt lần đầu tiên 99%, tỷ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đạt 94,7% và tỷ lệ nhập học ở cấp trung học cơ sở là 87,2.²⁷ Ngoài ra, đã có bước phát triển đáng kể về chất lượng học tập và giảng dạy, cũng như những cải thiện về cơ sở vật chất trường học và môi trường học tập tổng thể.²⁸ Mặc dù có những thành tựu đáng kể, sự chênh lệch về trình độ học vấn vẫn tồn tại giữa một số nhóm kinh tế xã hội và dân tộc, cụ thể là trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật, trẻ em di cư và những người ở vùng sâu vùng xa và khó tiếp cận,²⁹ đặc biệt trong những năm đầu đời. Cũng như các dịch vụ xã hội khác, cải cách xã hội hóa đã dẫn đến việc tăng nhiều các khoản phí, gây ảnh hưởng đến các gia đình có thu nhập thấp và thu nhập trung bình, các hộ gia đình phải chi phí nhiều hơn cho việc đến trường.³⁰ Hơn nữa, mặc dù nguồn lực đáng kể từ khối nhà nước và tư

²² Bài học từ thực địa. WHO. 2016.

²³ Bộ Y Tế, Báo cáo chung tổng quan ngành Y tế, năm 2015.

²⁴ Bộ Y Tế, Tối ưu hóa đáp ứng dịch HIV ở Việt Nam: Một trường hợp đầu tư, Hà Nội, 2014.

²⁵ UNAIDS & WHO, Báo cáo tiến độ chương trình AIDS toàn cầu, AIDSinfo, 2016.

²⁶ CHXHCN Việt Nam, Báo cáo quốc gia: Kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, tháng 9 năm 2015.

²⁷ CHXHCN Việt Nam, Báo cáo quốc gia: Kết quả 15 năm thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ, tháng 9 năm 2015.

²⁸ Bộ GD&ĐT, Báo cáo quốc gia Giáo dục cho mọi người 2015 của Việt Nam, Hà Nội, 2014.

²⁹ CESCRC, Nhận xét về báo cáo định kỳ thứ 2 và thứ 4 của Việt Nam, Art. 15, E/C.12/VNM/CO/2-4, tháng 12 năm 2014.

³⁰ UNDP và VASS, Báo cáo phát triển con người quốc gia 2015 - Tăng trưởng vì mọi người, Hà Nội, 2015.

nhân đã được sử dụng cho công tác giáo dục nhưng chất lượng học tập, công tác giảng dạy và sự tham gia của học sinh vẫn còn là câu hỏi để ngỏ. Ví dụ như giáo dục giới tính toàn diện không được thực hiện một cách hiệu quả trong nhà trường, lớp trẻ không được trang bị đầy đủ những kỹ năng sống quan trọng.

18. Việt Nam là một trong những quốc gia có nguy cơ cao trước các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai mang lại, đặc biệt ở các khu vực dọc bờ biển và ở các vùng miền núi, trong đó phụ nữ và trẻ em gái là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhiều nhất.³¹ Thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan như hạn hán, nhiễm mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Nguyên và các tỉnh Nam Trung bộ mang lại nguy cơ gây cản trở các thành quả của phát triển. Các biến cố thời tiết nguy hiểm ở Việt Nam đang ngày càng trở nên thường xuyên và dữ dội hơn và rất khó để dự báo do biến đổi khí hậu. Từ những năm 1970, thiên tai đã gây ra hơn 500 người thiệt mạng mỗi năm tại Việt Nam và thiệt hại về mặt kinh tế chiếm tới hơn 1,5% GDP.³² Báo cáo của Việt Nam về dự kiến đóng góp do quốc gia tự quyết định vừa được ra mắt vào tháng 10 năm 2015, cho thấy rằng những chi phí này có thể lên đến 3-5% của GDP vào năm 2030.³³
19. Việt Nam đang đứng trước một thời điểm quan trọng khi lựa chọn chính sách về cơ sở hạ tầng, năng lượng, đô thị hóa, sản xuất và các mô hình tiêu dùng sẽ định hình thành công của quá trình chuyển đổi theo hướng tăng trưởng xanh, phát thải thấp và phát triển ứng phó với biến đổi khí hậu. Nền kinh tế hiện còn phụ thuộc nặng nề vào nhiên liệu hóa thạch. Nếu không có thay đổi trong cách thức tăng trưởng, vẫn tập trung nhiều vào nguyên liệu carbon, Việt Nam sẽ trở thành một tác nhân phát khí thải nhà kính lớn trong khu vực, với mức tăng gấp bốn lần dự kiến lượng khí thải ròng giữa năm 2010 và năm 2030.³⁴ Việc thiếu tiếp cận đến các nguồn tài chính phục vụ biến đổi khí hậu và các công nghệ sạch hơn, cùng với sự lỏng lẻo trong công tác lồng ghép ứng phó thích ứng với khí hậu và tăng trưởng xanh trong quy hoạch phát triển gây nguy hại đến tiến trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Khai thác quá mức và sử dụng không bền vững các nguồn vốn tự nhiên đã góp phần gây suy giảm liên tục nguồn tài nguyên thiên nhiên, kể cả tài nguyên rừng và đa dạng sinh học. Mất đa dạng sinh học và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm ngày càng cao, và biến đổi khí hậu là những rủi ro lớn đối với quá phát triển liên tục và bền vững của Việt Nam.
20. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã tạo ra nhiều các diễn đàn khác nhau để nhân dân tham gia thảo luận việc Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế và các mục tiêu phát triển quốc gia. Những cải tiến trong chất lượng cũng như sự nhất quán của quá trình hoạch định chính sách (lập kế hoạch, thực hiện và giám sát) là rất quan trọng để đảm bảo các kết quả đạt được trong phát triển mang tính bền vững và công bằng hơn. Liên quan chặt chẽ đến quá trình này chính là sự cần thiết để tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định, để đảm bảo rằng mọi người dân được đặt vào trung tâm của những nỗ lực phát triển. Trong báo cáo Rà soát định kỳ phổ quát năm 2014, cộng đồng quốc tế đã thừa nhận một số bước tiến tích cực của Việt Nam đối với việc chấp thuận các khuyến nghị liên quan đến việc cấp tư cách pháp nhân cho các tổ chức và các nhóm theo các quy định ban hành của Chính phủ. Hoạt động tham vấn cộng đồng cũng như việc người dân tham gia xây dựng luật cũng đã được cải thiện nhiều. Việt Nam sẽ hướng tới xây dựng khung pháp lý phù hợp. Mặc dù đã có tiến bộ, nhưng hiện nay vẫn cần thiết phải mở rộng sự tham gia của

³¹ Bộ TN&MT và UNDP, Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, 2015.

³² Báo cáo Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC), trình lên Ban thư ký của Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu UNFCCC, 2015.

³³ Như trên

³⁴ Báo cáo cập nhật 2 năm một lần của Việt Nam trình lên Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu UNFCCC, năm 2014.

cấp cơ sở trong quản trị, bao gồm của cả phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi như trẻ em, người di cư và dân tộc, nhóm thiểu số về giới và tình dục. Pháp luật và chính sách hiện hành cần được cải thiện để tạo điều kiện phát huy tính sáng tạo và nâng cao hiệu quả của các hoạt động của các tổ chức và các nhóm được pháp luật ủng hộ và do đó dỡ bỏ các hạn chế mang đến cho sự đóng góp của các tổ chức này đối với sự phát triển quốc gia. Cả cơ chế thực hành ở cấp địa phương và cơ chế pháp lý để thúc đẩy việc đăng ký và hoạt động đang cần được cải thiện trong các chính sách và luật quốc gia của Việt Nam.

21. Chương trình nghị sự về quyền con người tại Việt Nam tiếp tục phát triển theo hướng cởi mở hơn, thay mặt Nhà nước giải quyết các vấn đề và các công cụ cụ thể liên quan đến quyền con người. Các quyền con người có tầm quan trọng đặc biệt trong việc hoàn thành các nỗ lực phát triển bền vững. Tiến trình báo cáo và lập kế hoạch hành động Công ước về quyền trẻ em năm 2011-2012 (CRC), Công ước năm 2015 về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và Báo cáo Rà soát định kỳ phổ quát giai đoạn 2013-2015 đã có sự tham gia nhiều hơn của các tổ chức phi nhà nước, đây là một tín hiệu tốt cho việc tiếp tục thực hiện các cam kết về quyền con người của Nhà nước trong một khung cảnh cởi mở và toàn diện hơn. Kể từ khi Việt Nam là thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2014-2016, Quốc hội, với sự hỗ trợ của LHQ, ngày càng nỗ lực tham gia thúc đẩy việc thực hiện các khuyến nghị có liên quan đến quyền con người với Chính phủ. Hiến pháp năm 2013 cũng cam kết tăng cường tôn trọng, bảo vệ và đáp ứng các quyền về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa hơn nữa. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thường có ưu thế hơn so với luật pháp trong nước trong trường hợp luật pháp trong nước mâu thuẫn với các điều ước quốc tế này. Như thế, luật pháp quốc gia cần được hài hòa với các hiệp ước quốc tế và các điều khoản về quyền con người, và Việt Nam nên xem xét việc thành lập một Cơ quan Quốc gia về quyền con người. Mặc dù các cơ quan công ước về quyền con người nhìn nhận được rằng các cải cách luật pháp đang diễn ra trong lĩnh vực này là cả một quá trình lâu dài và liên tục nhưng họ cũng bày tỏ lo lắng về những khoảng cách chưa được giải quyết trong các sửa đổi luật gần đây.

Những trở ngại và yếu kém chính còn tồn tại

22. Báo cáo đánh giá chung quốc gia (CCA) đã xác định được một số hạn chế và điểm yếu chính còn lặp đi lặp lại trong nhiều lĩnh vực khi tiến hành phân tích các vấn đề của từng Mục tiêu phát triển bền vững. Nếu những hạn chế này được giải quyết một cách triệt để xuyên suốt các lĩnh vực, những “trở ngại” này có thể trở thành “các yếu tố thay đổi cuộc chơi” và có thể là chìa khóa góp phần mang lại các tác động lớn cần phải có để hoàn thành Chương trình nghị sự phát triển bền vững đến năm 2030 trong khoản thời gian đầy tham vọng.

Điều phối chính phủ: Vì tất cả các mục tiêu phát triển bền vững đều có liên quan mật thiết đến nhau nên công tác điều phối và hợp tác liên ngành rất quan trọng trong việc hoàn thành các Mục tiêu phát triển bền vững này. Phân tích của báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện một đánh giá cơ bản các cơ chế hiện hành và phạm vi nhằm cải thiện công tác điều phối giữa các cơ quan Chính phủ để nâng cao trách nhiệm giải trình, cung cấp dịch vụ và hợp tác với các đối tác phát triển khác.

Cơ chế chịu trách nhiệm giải trình của Chính phủ: Chính phủ, với vai trò là cơ quan thực thi chính của quốc gia, chịu trách nhiệm bảo vệ các quyền con người cho mọi người dân thông qua việc cung cấp hiệu quả và công bằng các dịch vụ y tế, giáo dục và các dịch vụ bảo trợ xã hội, tạo nhiều việc làm tốt, đảm bảo an toàn và công bằng. Những hạn chế còn tồn tại trong lĩnh vực này bao gồm thiếu năng lực của các cơ quan độc lập với Chính phủ để giám sát việc cung cấp dịch vụ. Cũng cần thiết phải kiện toàn các cơ quan xét xử ở cấp trung ương để

các cơ quan này thực hiện vai trò cơ quan bảo vệ công lý và thực hiện việc kiểm soát và cân bằng các hoạt động của Chính phủ cũng như tăng cường sự minh bạch và củng cố hệ thống quản lý nhằm ngăn chặn tham nhũng. Ngoài ra, một hệ thống mạnh để thiết lập các tiêu chuẩn chất lượng và thực thi trong các ngành vẫn còn kém về năng lực.

Những thách thức trong thực thi: Mặc dù Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực pháp luật nhưng vẫn còn có những khoảng cách trong xây dựng và thi hành luật pháp quốc gia, tạo cơ hội và động lực cho những hành vi quản lý yếu kém, tham nhũng và gây nguy hại đến năng lực của Nhà nước để bảo vệ đầy đủ các phúc lợi của tất cả mọi người, kể cả những người dễ bị tổn thương nhất. Cần thiết phải nâng cao năng lực quốc gia để xây dựng và thực hiện các khung chính sách và quản lý được xây dựng trên nền tảng các phân tích chính sách dựa vào bằng chứng và thông qua quá trình tham vấn đáng tin cậy và đáp ứng nhu cầu cần phải có các cơ quan chính sách, quản lý cũng như các cơ quan xét xử mang tính độc lập và được điều phối tốt hơn.

Định kiến xã hội: Báo cáo đánh giá chung quốc gia cho thấy nhiều khuôn mẫu văn hóa và xã hội còn gây ảnh hưởng tiêu cực trên nhiều lĩnh vực khác nhau, cụ thể như tình trạng dinh dưỡng trẻ em và việc tiếp tục theo học của trẻ em đến tiếp cận các dịch vụ y tế của các cá nhân bị nhiễm HIV, lựa chọn nghề nghiệp, thu nhập và tiếp cận các nguồn lực sản xuất của phụ nữ và khả năng phụ nữ và trẻ em gái có thể kiếm tìm được sự hỗ trợ và công bằng khi phải đối mặt với bạo lực phân biệt giới. Những đóng góp nhằm có những thay đổi tiến bộ trong cách nhìn nhận qua nhiều thế hệ khác nhau về các khuôn mẫu xã hội và chính trị cần phải là yếu tố cơ bản trong nỗ lực tăng cường phát triển công bằng và bền vững.

Hệ thống dữ liệu và các quá trình dựa trên bằng chứng: Những hệ thống và quy trình này cần phải được củng cố đặc biệt là việc thu thập và phân tích dữ liệu nhằm thúc đẩy bình đẳng và phát triển công bằng, bao gồm việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu. Tình trạng thiếu các số liệu phân tích đáng tin cậy và các phân tích có chất lượng là một vấn đề gặp phải ở nhiều lĩnh vực được xem xét.

Chi tiêu công: Hệ thống phân bổ ngân sách cho chi tiêu khu vực công cần phải có trọng tâm hơn và cần phải dựa vào bằng chứng. Công tác giám sát công cần phải mạnh mẽ hơn trong các thực hành chi tiêu công và ở tất cả các giai đoạn. Cần tăng cường sự minh bạch và thường xuyên công bố các dữ liệu chất lượng cao. Mặc dù đã có những thay đổi gần đây trong đầu tư công và luật đấu thầu công khai, Việt Nam vẫn cần tiếp tục tăng cường hơn nữa trách nhiệm giải trình trong lĩnh vực này.

Sự tham gia của người dân: Sự tham gia tích cực của người dân trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và giám sát còn rất yếu. Cần tạo ra một môi trường an toàn và thuận lợi để nhân dân có thể tham gia một cách tối đa vào các cuộc đối thoại công và các cuộc tranh luận về sự cần thiết phải có các dịch vụ cơ bản với chất lượng cao và dễ dàng tiếp cận được đến với người dân; quản trị một cách hiệu quả hơn, có sự tham gia của nhiều người, cũng như việc tham gia tích cực trong vai trò là đối tác cung cấp dịch vụ cho Chính phủ.

LỢI THẾ SO SÁNH CỦA LIÊN HỢP QUỐC

23. Mối quan hệ giữa LHQ và Chính phủ đang chuyển mình và được định hình bởi những thách thức phát triển mới, khác nhiều so với những thách thức trước đây mà Việt Nam phải đối mặt khi còn là một quốc gia có thu nhập thấp. Chương trình nghị sự các mục tiêu SDG mới nêu rõ sự cần thiết phải có các giải pháp đa chiều để giải quyết các thách thức phức tạp, điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến cách mà LHQ sẽ hỗ trợ Chính phủ trong thời gian năm năm tiếp theo. Để tiếp tục phù hợp trong giai đoạn mới, các cơ quan của Liên Hợp Quốc phải theo kịp những thay đổi của đất nước, phải hướng tới giải quyết các ưu tiên phát triển quốc

gia, đồng thời phải chú trọng đến nguyện vọng của Việt Nam trong khu vực và quốc tế. Điều này có nghĩa là hợp tác phát triển của LHQ sẽ thay đổi theo hướng tập trung nhiều hơn vào hỗ trợ tư vấn theo nhu cầu và hỗ trợ tổng hợp kỹ thuật với thời gian chuẩn bị ngắn và có sự tham gia của các cơ quan đối tác khác tại Việt Nam, cả trong khu vực công và tư nhân, với tư cách là khách hàng và đối tác chứ không chỉ đơn thuần là quan hệ cho và nhận viện trợ.

24. Sự thay đổi về chất của mối quan hệ này là do những thay đổi của bối cảnh thế giới về hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Trong quá khứ, LHQ là nhà tài trợ chính các nguồn hỗ trợ ODA ở Việt Nam và Việt Nam cũng đã được hưởng lợi từ các chuyển giao kiến thức của phía LHQ. Trong bối cảnh nguồn tài trợ ODA giảm mạnh tại Việt Nam hiện nay, Chính phủ sẽ cần phải huy động nhiều hơn các nguồn lực ngay trong nước và từ các nguồn lực khác trong khi quản lý một cách có chiến lược các khoản vay và nợ liên quan để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hỗ trợ kỹ thuật, phát triển năng lực và hỗ trợ tư vấn chính sách.
25. Việc xác định vai trò của LHQ trong bối cảnh phát triển hiện nay phải dựa vào những lợi thế so sánh của LHQ và các cơ quan LHQ. Báo cáo đánh giá chung quốc gia và các phân tích cấp khu vực và toàn cầu đã chỉ ra ba thế mạnh chính (tư vấn khách quan, không thiên vị và dựa vào bằng chứng; hỗ trợ để đạt được các mục tiêu SDG; và những hỗ trợ theo vai trò sứ mệnh của LHQ), mà LHQ có lợi thế so sánh và là những thế mạnh mà LHQ cần tận dụng và nỗ lực hết mình trong quá trình thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung giai đoạn 2017-2021.

LHQ cung cấp các lựa chọn chính sách phát triển khách quan và không thiên vị dựa trên kiến thức tập thể toàn cầu

26. Với việc cam kết cốt lõi vì lợi ích của nhân dân Việt Nam, cũng như sự tập trung cung cấp tư vấn dựa vào bằng chứng, LHQ đã giành được sự tin tưởng ở mức độ cao và sự công nhận so với các đối tác khác tại Việt Nam. Chính phủ và các đối tác của mình sẽ được hưởng lợi từ các nguồn lực riêng có của LHQ và nếu được khai thác và tận dụng phù hợp các nguồn lực này sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong ứng phó với với tình hình thay đổi của đất hơn.
27. LHQ không trung lập với giá trị, nhưng được thừa nhận là một đối tác khách quan không thiên vị hoạt động phục vụ các quốc gia thành viên “không vì sợ hãi hay vì thiên vị một quốc gia nào”. Sự tham gia, hỗ trợ, tư vấn và vận động dựa trên các khuôn khổ về nhân quyền quốc tế cũng như các hiệp ước và mục tiêu toàn cầu. LHQ sẽ tiếp tục duy trì mối quan hệ lâu dài và đáng tin cậy của mình với Chính phủ, qua đó cho phép cùng tham gia nâng cao năng lực thể chế và quản trị của Việt Nam nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng và nhạy cảm cũng như phát huy tính sáng tạo và củng cố các quan hệ đối tác.
28. LHQ cũng hỗ trợ cung cấp các nghiên cứu chính sách khách quan và dựa vào bằng chứng, cũng như hỗ trợ kỹ thuật tiên tiến và ngoài bản chất không thiên vị, LHQ sẽ nâng cao tính hiệu quả trong các hoạt động tư vấn. Ngoài ra, sức mạnh triệu tập của LHQ cũng giúp LHQ tận dụng quan hệ đối tác nhiều bên liên quan nhằm hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu SDG và mục tiêu phát triển quốc gia. LHQ tập hợp tiếng nói của những người ít được lắng nghe nhưng những đóng góp của họ là cần thiết để có hoàn thiện sự hiểu biết đầy đủ về các thách thức và giải pháp cho phát triển.

LHQ hỗ trợ xây dựng các hướng tiếp cận rõ ràng và thiết thực nhằm thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững

29. Một trong những thế mạnh của các mục tiêu SDG chính là tính toàn diện và đầy đủ của các mục tiêu này, đòi hỏi Việt Nam phải có những nỗ lực phối hợp của các cơ quan chính quyền ở tất cả các cấp để giảm các hoạt động riêng rẽ và yêu cầu hướng giải quyết toàn diện dựa vào sức mạnh tập thể của các cơ quan liên quan. LHQ có thể giúp Việt Nam xây dựng các hướng tiếp cận rõ ràng và thiết thực trong việc hoàn thành các mục tiêu SDG thông qua thúc đẩy sự gắn kết chặt chẽ hơn trong hợp tác phát triển giữa các ngành và giữa các bên liên quan, và hỗ trợ các nỗ lực của Chính phủ trong tham gia các cuộc đối thoại hiệu quả nhằm góp phần xây dựng sự đồng thuận về chương trình nghị sự SDG quốc gia và tăng cường thực hiện những cam kết chung.
30. LHQ cũng có thể hỗ trợ quá trình quản trị toàn diện được thực thi thông qua các cơ chế quản lý dữ liệu và giám sát mạnh mẽ nhằm hỗ trợ Việt Nam giám sát hiệu quả quá trình hoàn thành các mục tiêu quốc gia.
31. Tại Việt Nam, với lợi thế hầu hết các cơ quan LHQ cùng chung trụ sở làm việc tại Ngôi Nhà Xanh chung LHQ tại Hà Nội, LHQ có được một trụ sở duy nhất để hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn đa ngành cho các đối tác quốc gia và đồng thời tạo dựng chế độ 'một cửa' nhằm phục vụ các hoạt động kết nối phối hợp, mạng lưới kiến thức, kinh nghiệm toàn cầu và tiếp cận với chuyên môn của cả các cơ quan thường trú và các cơ quan không thường trú của LHQ.

Yêu cầu LHQ phải có tiếng nói mạnh mẽ trong các vấn đề về quyền con người, bình đẳng, và cải cách lấy con người làm trọng tâm để đảm bảo không người dân nào bị bỏ lại phía sau

32. Các khuôn khổ chính thức của LHQ đặt vấn đề quyền con người lên hàng đầu, đặc biệt là thông qua việc quy định chính thức vấn đề này trong các công ước, hiệp ước và thỏa thuận quốc tế và liên chính phủ. Điều này đồng nghĩa với việc LHQ ủng hộ áp dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả để giảm sự bất bình đẳng và chênh lệch thu nhập và sự giàu có, cũng như khả năng tiếp cận các cơ hội và các dịch vụ giữa các vùng miền địa lý và giữa các nhóm dân tộc, giới tính, khuynh hướng tình dục và giữa các thế hệ. Cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm, có tính đến yếu tố nhạy cảm về giới, tôn trọng quyền con người, tuân thủ các nguyên tắc và tiêu chuẩn của các công cụ quốc tế phù hợp về quyền con người sẽ đảm bảo ưu tiên được dành cho các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất. Công tác lập kế hoạch tổng hợp của LHQ tích cực thúc đẩy bình đẳng thông qua không phân biệt đối xử, trao quyền cho phụ nữ và dân tộc thiểu số, và một hướng tiếp cận đáp ứng về văn hoá, giới và quyền trẻ em.
33. LHQ có trách nhiệm đặc biệt trong vận động và tư vấn cho Chính phủ về các vấn đề về quyền con người quan trọng, bao gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, và văn hóa, trong đó có cả quyền được phát triển. LHQ cũng tạo điều kiện cho sự tham gia của các bên liên quan trong đối thoại, thông qua đó, giúp truyền đạt quan điểm của người dân. LHQ cũng có vai trò quan trọng trong thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền được hưởng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản nhằm đảm bảo phát triển công bằng hơn. Tại Việt Nam hỗ trợ này sẽ tập trung vào việc thực hiện các cam kết quốc tế và các nội dung được nêu trong chương về quyền con người của Hiến pháp năm 2013. LHQ cũng sẽ tiếp tục hỗ trợ Chính phủ trong báo cáo kết quả thực hiện các công ước, quy tắc và các nghĩa vụ quốc tế khác mà Việt Nam đã cam kết.

Hợp tác Nam-Nam thúc đẩy mạng lưới toàn cầu của Việt Nam và tạo cơ hội để Việt Nam chia sẻ các kinh nghiệm của mình trong việc hoàn thành các cam kết phát triển

34. Với sự có mặt của LHQ ở gần 180 quốc gia, các cơ quan LHQ đang hoạt động tại Việt Nam có một mạng lưới tri thức với các chuyên môn khác nhau ở cấp toàn cầu và khu vực. Ngoài ra, sự hỗ trợ năng động của LHQ đối với các tổ chức đa phương khác, chẳng hạn như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã tạo ra khả năng có một không hai nhằm giúp Việt Nam tận dụng được hợp tác Nam-Nam và các hợp tác ba bên. Những hợp tác này sẽ hỗ trợ Việt Nam chia sẻ, thích ứng và đưa ra giải pháp phát triển tốt hơn cho nhiều thách thức mới.
35. Các mối liên kết toàn cầu của LHQ với các viện và chính phủ của các đối tác trên phạm vi rộng các chủ đề khác nhau tạo cơ hội để Việt Nam học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các quốc gia khác. Hoạt động này gồm: tạo điều kiện để các nước khác ở Nam bán cầu học hỏi kinh nghiệm thành công phát triển của Việt Nam cũng như hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy hội nhập quốc tế, và học hỏi từ các nước đang (hoặc đã) trải qua giai đoạn chuyển tiếp như Việt Nam. Những hoạt động này sẽ tập trung vào các lĩnh vực bị tác động khi Việt Nam tham gia nhiều Hiệp định Thương mại Tự do mới; vai trò của Chính phủ đối với hỗ trợ phát triển trong tương lai; và tham gia của Việt Nam vào các vấn đề toàn cầu; và củng cố quan hệ đối tác song phương hoặc khu vực, các quan hệ đối tác này giúp thúc đẩy phát triển và an ninh.



II. KẾT QUẢ CỦA KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021: CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM VÀ KẾT QUẢ

36. Nằm trong mục tiêu dài hạn là hỗ trợ Chính phủ để thực hiện Chương trình nghị sự về Phát triển bền vững 2030 mang tính chuyển đổi và Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), tầm nhìn của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 dựa trên ba nguyên tắc là bao trùm, công bằng và bền vững.
37. Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2016-2020 của Việt Nam, ủng hộ cho quyền làm chủ của quốc gia đối với các hỗ trợ của LHQ. Với vai trò có một không hai của LHQ trong việc thúc đẩy và hỗ trợ thực hiện các tiêu chuẩn và thoả thuận quốc tế bao gồm cả các thoả thuận liên quan đến quyền con người, các cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ sẽ hỗ trợ Chính phủ giảm bất bình đẳng và tổn thương giữa các nhóm khác nhau. Điều này sẽ giúp đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, công bằng và bền vững cho tất cả mọi người dân ở Việt Nam.
38. Khung SDG toàn cầu được Việt Nam và tất cả các nước thành viên LHQ thông qua là một phần không thể tách rời của Chương trình nghị sự 2030. Với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu, khung SDG cân bằng các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường của phát triển bền vững. Do các SDG có liên quan mật thiết với nhau và có tính linh hoạt nên Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 cần phải được thực hiện một cách tổng hợp hơn, trong đó mở rộng quan hệ đối tác giữa LHQ, Chính phủ, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, khu vực tư nhân và các đối tác phát triển để thực hiện thành công tầm nhìn đầy tham vọng của SDG. Để thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, LHQ sẽ dựa vào hiểu biết tinh tế của mình về khả năng dễ tổn thương, nhờ những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thành công và thách thức của chương trình nghị sự MDG còn dang dở. Kế hoạch này bao gồm việc giải quyết nhu cầu của những người chưa được hưởng lợi đầy đủ từ phát triển kinh tế quan trọng của Việt Nam, và của một số nhóm phụ nữ cũng như trẻ em vẫn còn dễ bị tổn thương ở nhiều mục tiêu. Một điều cũng quan trọng là phải xem xét các hình thức dễ tổn thương mới liên quan tới toàn quốc gia, chẳng hạn như tổn thương do thay đổi môi trường và đô thị hoá, và những rủi ro tiềm ẩn đối với Việt Nam là một nước có thu nhập trung bình thấp. LHQ sẽ dựa vào lợi thế so sánh của mình về đưa ra giải pháp tổng thể cho các thách thức phát triển đa chiều phức tạp, trong đó tập trung hơn vào cung cấp dịch vụ tư vấn chính sách chất lượng cao.
39. Kế hoạch chiến lược chung được chia thành bốn lĩnh vực trọng tâm, theo các chủ đề trọng tâm của SDG (Con người, Hành tinh, Thịnh vượng và Hoà bình) với chín kết quả liên quan. Ở mỗi lĩnh vực trọng tâm, LHQ sẽ chú ý tới các điểm liệt kê sau đây (đây được coi là chìa khoá để vượt qua khoảng cách và trở ngại đối với việc thực hiện quyền và thúc đẩy phát triển toàn diện và bền vững hơn ở tất cả các ngành).
- Tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong việc lập kế hoạch, thực hiện, thu thuế và đầu tư để phát triển;
 - Tăng cường năng lực ở trung ương và địa phương để giám sát chặt chẽ và đánh giá các nỗ lực phát triển, bao gồm cả cung cấp dịch vụ cơ bản;
 - Tăng cường các cơ chế điều phối, diễn đàn và thực hành cho hành động của Chính phủ;
 - Khuyến khích các chuẩn mực xã hội tiến bộ hơn để giải quyết tình trạng bất bình đẳng và bất công vẫn đang còn tiếp diễn;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống kiểm tra và giám sát độc lập;
 - Cải thiện hệ thống dữ liệu và các quy trình dựa vào bằng chứng để hướng tới công bằng và bình đẳng trong xây dựng và tiếp cận các dịch vụ cơ bản;
 - Cải thiện các hệ thống phân bổ ngân sách theo hướng tập trung và dựa vào bằng chứng;
 - Nâng cao năng lực quản trị công và vai trò của nhà nước cấp trung ương và địa phương trong việc cung cấp dịch vụ cơ bản chất lượng cao;
 - Hỗ trợ sự tham gia và năng lực của các tổ chức và các nhóm được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ để tham gia vào đối thoại và thảo luận, cũng như tham gia vào các đối tác cung cấp dịch vụ với Chính phủ;
 - Nâng cao nhu cầu của công chúng về dịch vụ chất lượng cao và dễ tiếp cận bằng quản trị hiệu quả hơn;
 - Tăng niềm tin của công chúng vào các thể chế nhà nước và cung cấp dịch vụ của nhà nước;
 - Thiết lập hệ thống xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và giám sát thực thi ở các ngành;
 - Tăng khả năng đáp ứng và “lấy con người làm trọng tâm” ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của Chính phủ, từ lập kế hoạch đến cung cấp, đánh giá.
40. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, LHQ cũng sẽ dựa vào năm chủ đề quan trọng xuyên suốt (nêu trong Báo cáo Đánh giá chung của LHQ về Việt Nam).
- **Quyền con người:** Do vấn đề quyền con người có vai trò trung tâm đối với phát triển bền vững nên LHQ sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ chính sách và kỹ thuật để giúp thực hiện quyền con người cơ bản của người dân Việt Nam. Điều này đòi hỏi sẽ lại phải tập trung vào tăng cường năng lực và nhận thức về quyền con người của cả các cán bộ thực thi cũng như của chính những người dân; xây dựng và duy trì môi trường an toàn và thuận lợi cho đối thoại với nhiều bên liên quan. Điều này cũng đòi hỏi tăng cường tiếp cận tư pháp với sự công bằng và sự tuân thủ các quy định của luật pháp tôn trọng các tiêu chuẩn quốc tế về quy trình pháp lý và tính minh bạch; và thúc đẩy các cơ quan thể chế có trách nhiệm giải trình và khả năng đáp ứng hơn, cũng như thúc đẩy hệ thống giám sát của công chúng. Việc đưa ra chính sách và giám sát thực thi ở tất cả các cấp theo các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người, và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công cơ bản cũng sẽ giúp giảm được các hình thức tổn thương cũ và mới.
 - **Bình đẳng giới:** Bình đẳng giới và tăng quyền của phụ nữ và trẻ em gái có vai trò quan trọng đối với việc hoàn thành các SDG nói chung, đây vừa là mục tiêu cụ thể vừa là một phần trong giải pháp rộng hơn và là vấn đề xuyên suốt nhằm đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam. Trong Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, LHQ sẽ tạo điều kiện phát huy tiềm năng của phụ nữ và trẻ em gái thông qua các nỗ lực có hệ thống nhằm loại bỏ định kiến về giới và phân biệt đối xử trong pháp luật, chính sách và thực hành hiện hành; tăng cường tiếng nói và năng lực của phụ nữ trong quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp; đảm bảo sự an toàn và nâng cao giá trị của phụ nữ và trẻ em gái bằng cách giải quyết vấn đề bạo lực giới và các định kiến xã hội còn mang tính phân biệt đối xử bao gồm cả trong sự tham gia của nam giới và trẻ em nam vào các quan hệ đối tác và điều phối với chính phủ và các đối tác quan trọng khác. Để có những thông tin cụ thể cho những thay đổi tiến bộ này, cần có các phân tích dựa vào bằng chứng được hỗ trợ bởi các dữ liệu phân tách giới, trong đó chú ý tới các nhu cầu theo giới và việc phụ nữ chưa được tiếp cận chưa đầy đủ đối với nguồn lực và cơ hội, đặc biệt là phụ nữ ở các nhóm bị gạt ra bên lề. Điều phối đa ngành chặt chẽ hơn và cơ chế về bình đẳng giới sẽ giúp đạt được các mục tiêu này.

- **Tham gia của công chúng:** SDG đặt con người vào trung tâm của các nỗ lực phát triển, đòi hỏi phải tăng cường sự tham gia của công chúng vào các quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách. Trao quyền cho công dân Việt Nam, để công dân được thông tin và có tiếng nói trong các quyết định có ảnh hưởng tới mình sẽ không chỉ giúp tăng cường chính sách và chương trình mà còn thúc đẩy tốc độ phát triển chung. Để tạo cơ hội cho sự tham gia này cần có chính sách thuận lợi để công dân tham gia vào các cơ chế thực hiện mạnh mẽ hơn ở các cấp, xử lý các thách thức pháp lý và thể chế đối với việc thành lập hội và ngôn luận, đồng thời xây dựng các cơ chế hỗ trợ vận động công chúng cũng như sự tham gia của các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ.
- **Dữ liệu để phát triển:** Quá trình ra quyết định có chất lượng hay không phụ thuộc vào khả năng tiếp cận thông tin đáng tin cậy, và dữ liệu có vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển có trách nhiệm giải trình phù hợp. Để thực thi chính sách hiệu quả, đòi hỏi phải có khả năng đo lường tiến bộ, phải giám sát cũng như đánh giá kết quả hoạt động. Cần có dữ liệu phân tách ở tất cả các ngành nhằm đảm bảo chính sách và chương trình tiếp cận được các nhóm mục tiêu và không để ai bị tụt lại phía sau. LHQ sẽ hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia để xây dựng, quản lý và ứng dụng dữ liệu đã phân tách, đóng góp cho hệ thống quản lý thông tin cải tiến, và hỗ trợ thể chế hoá văn hoá dựa vào kết quả ở cấp trung ương và địa phương. Các tổ chức và các nhóm được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ cũng sẽ tham gia và đóng vai trò ý nghĩa vào chu kỳ chính sách dựa vào bằng chứng, từ hỗ trợ xây dựng dữ liệu đến giám sát. Sẽ tìm cơ hội tận dụng được các công nghệ mới và sáng tạo để cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng dữ liệu có chất lượng.
- **Quan hệ đối tác và Sáng tạo:** Để thực hiện chương trình nghị sự SDG, LHQ sẽ hỗ trợ Chính phủ tạo lập nhiều quan hệ đối tác mới và chiến lược nhằm phục vụ phát triển theo hệ thống và ngành tại Việt Nam. Điều này có nghĩa là sẽ phải tìm kiếm các vấn đề chung và các cách thức tiếp cận mà các bên quan tâm, cũng như mở rộng và đa dạng hoá đối tác nhằm đáp ứng nhu cầu và nắm bắt cơ hội. LHQ tiếp tục góp phần ủng hộ và thúc đẩy sáng tạo giúp tìm ra cách thức mới, công nghệ mới và giải pháp sáng tạo trong việc thực hiện và tổ chức chương trình, trong quản lý và giám sát tài chính với mục tiêu cuối cùng là giảm được chi phí, nâng cao hiệu quả hỗ trợ phát triển và duy trì khả năng thích ứng, linh hoạt và đáp ứng trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:



LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 1: ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI

Mục đích chiến lược

41. Các dịch vụ xã hội chất lượng và hệ thống bảo trợ xã hội công bằng, toàn diện được triển khai nhằm đảm bảo người dân Việt Nam được sống khỏe mạnh, được giáo dục, thoát khỏi đói nghèo và giúp phát huy tối đa tiềm năng của người dân.

Lý giải lĩnh vực trọng tâm

42. Việt Nam đã đạt được tiến bộ rất lớn trong công tác giảm đói nghèo, chủ yếu nhờ tăng trưởng kinh tế nhanh và rộng và nhiều chính sách trực tiếp hỗ trợ người nghèo. Tuy nhiên, mặc dù cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã giúp cho hàng triệu người thoát đói nghèo song chương trình nghị sự MDG vẫn chưa được hoàn thành và liên quan đến các nhóm dễ tổn thương, chẳng hạn như các cộng đồng dân tộc thiểu số và sống ở vùng sâu, vùng xa và nhóm người có nguy cơ cao hoặc sống với HIV. Tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị ngày càng tăng và thị trường lao động phi chính thức còn lớn, bằng chứng ngày càng rõ là đói nghèo đa chiều và tổn thương kinh tế-xã hội phức tạp gây ảnh hưởng tới nhóm gọi là “nhóm dân số trung gian bị bỏ qua”, là những người thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp, chủ yếu bao gồm lao động trong khu vực phi chính thức. Người di cư và phụ nữ chiếm số đông trong nhóm tổn thương đặc biệt cao này. Chính phủ đã tiến hành cải cách toàn diện các hệ thống bảo trợ xã hội hướng tới xây dựng các hệ thống toàn diện, hiệu quả và chặt chẽ hơn, và đang hoàn thành Quy hoạch tổng thể về Cải cách hỗ trợ xã hội theo đó thúc đẩy hướng tiếp cận theo vòng đời. Việc thực hiện tầm nhìn của Quy hoạch tổng thể này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ phát triển kinh tế xã hội đã đạt được trong những năm qua.
43. Trong lĩnh vực y tế, Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi đất nước phát triển và cơ cấu dân số thay đổi. Tuy tình hình y tế cơ bản của Việt Nam đã được cải thiện nhiều, vẫn còn có sự chênh lệch tồn tại giữa các vùng và các nhóm dân cư. Đặc điểm dịch tễ học tại Việt Nam đang có sự thay đổi sang các bệnh không lây nhiễm và các bệnh mãn tính, điều này thách thức năng lực của ngành y tế trong việc cung cấp các dịch vụ sức khỏe chất lượng và công bằng, đặc biệt với nhóm người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương. Các bệnh lây nhiễm mới xuất hiện, bao gồm đại dịch cúm và mối đe dọa đang tiếp diễn từ các bệnh gây ra do các con vật trung gian truyền nhiễm cũng gây áp lực cho hệ thống y tế. Các dạng thách thức mới trong ngành y tế đến cùng quá trình phát triển. Ví dụ như đô thị hóa đang tạo ra các hình thức đói nghèo và bệnh tật mới do điều kiện nhà ở và vệ sinh kém và tình hình này càng trở nên phức tạp do các cơ chế chưa rõ ràng trong tiếp cận với y tế và bảo trợ tài chính cho người di cư. Các mối đe dọa về các bệnh truyền nhiễm mới nổi và các trường hợp khẩn cấp y tế công cộng do giao thương và đi lại quốc tế ngày càng gia tăng đòi hỏi Việt Nam phải củng cố hơn nữa năng lực quốc gia để ngăn chặn, phát hiện và nhanh chóng phản ứng với các biến cố và phải phù hợp với các Quy định Y tế Quốc tế (2005). An toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề từ các bệnh do thực phẩm bẩn gây ra đến ngộ độc và cần sự quan tâm đặc biệt và các quy định trong năm năm tiếp theo.

Khi Việt Nam ngày càng gia nhập vào quá trình toàn cầu hóa và trở nên tích cực hơn trong quan hệ thương mại và các cam kết, ngành y tế sẽ bị ảnh hưởng theo nhiều cách khi sự di chuyển của các nhóm dân cư và khi thương mại biên giới dẫn theo những nguy cơ về các bệnh mới nổi. Mặt khác, các thỏa thuận thương mại, đặc biệt các điều khoản quy định mà vượt qua những sự linh hoạt trong các khía cạnh thương mại về quyền sở hữu trí tuệ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiếp cận hàng hóa ngành y tế công cộng, đặc biệt là các loại thuốc cần

thiết. Việc phụ thuộc ngày càng cao vào các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và quá trình “xã hội hóa” ngày càng sâu rộng cũng như sự thay đổi về quản lý đang đặt ra nhiều thách thức mới liên quan đến quy định của lĩnh vực chăm sóc y tế và tiếp cận không bình đẳng đối với chăm sóc y tế bao gồm các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục. Điều này đang ảnh hưởng tới một bộ phận lớn dân cư, đặc biệt là người dễ tổn thương - chẳng hạn như người có thu nhập thấp, người di cư, người già, những người sống ở vùng khó khăn và phụ nữ.

Các hình thức nhiễm HIV mới đang xuất hiện và tiếp cận với phòng chống, điều trị HIV và các dịch vụ liên quan đến HIV khác là không nhất quán. Kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục xảy ra đối với những người sống chung với HIV, người tiêm chích ma túy, phụ nữ bán dâm và nam giới có quan hệ tình dục với nam giới gây trở ngại đến các tiến bộ trong phòng chống và điều trị HIV. Tình trạng kỳ thị và phân biệt đối xử dai dẳng cùng với sự thu hẹp nhanh chóng các nguồn đóng góp của nhà tài trợ quốc tế cũng đe dọa các thành tựu đạt được trong ứng phó với HIV qua nhiều năm nỗ lực liên tục và tập trung. Các chương trình chiến lược như hỗ trợ xét nghiệm và điều trị theo bảo hiểm y tế xã hội, và tạo điều kiện để các nhóm cộng đồng tham gia cung cấp các dịch vụ về HIV nhiều hơn nhằm tạo sự bền vững và hiệu quả trong hoàn thành mục MDG về HIV còn dang dở và góp phần đưa Việt Nam nhanh chóng thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững SDG.

44. Đói nghèo và suy dinh dưỡng triền miên vẫn còn xảy ra ở một số tỉnh thành. Tuy nhiên, việc xoá bỏ mọi hình thức đói nghèo có thể đạt được nếu các biện pháp can thiệp được dựa trên bằng chứng và được thiết kế phù hợp và có sự hỗ trợ phân bổ ngân sách đầy đủ cũng như có được các cam kết về mặt chính trị. Tỷ lệ người dân có thể tiếp cận nước sạch cũng đang tăng dần, mặc dù vẫn còn nhiều người chưa được tiếp cận đầy đủ, điều này thể hiện sự chênh lệch ở phạm vi lớn hơn. Ngoài ra, quá trình tư nhân hoá đang diễn ra trong lĩnh vực y tế và nước đang gia tăng thách thức về mặt giám sát dịch vụ để đảm bảo chất lượng và công bằng trong tiếp cận các dịch vụ cơ bản và giám sát thực thi các tiêu chuẩn chất lượng. Trên 17% dân số, tức khoảng 15 triệu dân, đang không sử dụng nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh không hợp vệ sinh và phần lớn bộ phận dân cư này hiện sống ở các vùng nông thôn.
45. Mặc dù đã đạt được thành công đáng kể trong lĩnh vực giáo dục song một số nhóm vẫn còn bị tụt hậu như nhóm người dân tộc thiểu số và trẻ em khuyết tật, là những người phải đối mặt với nhiều rào cản về tài chính, xã hội và văn hóa khi tiếp cận giáo dục. Sự gia tăng của di dân trong nước và quốc tế thường dẫn tới việc gia đình bị ly tán khi một hoặc cả cha mẹ đều đi làm xa trong một khoảng thời gian dài. Các nghiên cứu đã cho thấy trẻ em bị ảnh hưởng đặc biệt vì tình trạng này, bao gồm cả về sức khỏe và tinh thần lẫn giáo dục. Chất lượng giáo dục cũng là một mối lo ngại ngày càng tăng do sự không phù hợp giữa nội dung giảng dạy và với những kiến thức mà sinh viên cần phải trang bị để có thể gia nhập vào thị trường lao động. Để giải quyết vấn đề này, các tổ chức và chương trình giảng dạy phải tập trung vào thanh niên và khả năng hành nghề của họ. Ngoài ra, cũng cần phải tập trung nâng cao khả năng tiếp cận phù hợp với độ tuổi với các hình thức giáo dục từ sớm nhằm đạt được kết quả học tập tối ưu trong các giai đoạn sau vì hiện tại cơ hội này chỉ có ở những người dân giàu có. Việt Nam cũng cần phải chuyển đổi từ bảo đảm giáo dục cơ bản sang cung cấp cơ hội để học tập suốt đời cho mọi công dân.
46. Về mặt bình đẳng giới, cần giải quyết một cách hệ thống sự chênh lệch giữa nam và nữ về mặt kinh tế, xã hội và chính trị nếu muốn đạt được mục tiêu của Chương trình nghị sự phát triển đến 2030 về xoá bỏ bất bình đẳng giới. Mặc dù tỉ lệ tử vong trên cả nước của bà mẹ và trẻ em đã giảm nhiều song một số nơi vẫn có tỉ lệ tử vong cao. Nhu cầu của phụ nữ về dịch vụ chăm sóc y tế sinh sản và sức khỏe tình dục vẫn chưa được đáp ứng, tỷ lệ mất cân bằng giới tính sinh và bạo lực giới vẫn còn là một quan ngại nghiêm trọng, và mặc dù đã có tiến bộ về tăng

cường khả năng tiếp cận của trẻ em gái với giáo dục song đa số phụ nữ vẫn làm trong khu vực phi chính thức do thiên lệch về giới trong giáo dục và đào tạo, do thực tế thị trường lao động, và phụ nữ thường phải chịu các gánh nặng bất bình đẳng về chăm sóc và giúp việc gia đình. Cần phải thúc đẩy các dịch vụ chăm sóc con cái và gia đình với chất lượng tốt và phù hợp với khả năng tài chính cũng như các khoản đầu tư xã hội khác giúp giảm và phân phối lại trách nhiệm chăm sóc gia đình và việc nhà.³⁵

Dự kiến kết quả và các hoạt động hỗ trợ chiến lược

47. Kết quả 1.1: Giảm đói nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương

Đến năm 2021, tất cả người dân đều được hưởng lợi từ các hệ thống bảo trợ xã hội cũng như các dịch vụ hỗ trợ giảm nghèo toàn diện và công bằng nhằm giảm tình trạng nghèo đa chiều và dễ bị tổn thương.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Tăng cường các thể chế và khung chính sách, trong đó tập trung vào những cơ chế và khung chính sách giúp thúc đẩy nhạy cảm văn hóa và giới, tăng quyền cho cộng đồng địa phương và phụ nữ, và mở rộng đối tác với các tổ chức và các nhóm cụ thể được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ cũng như khu vực tư nhân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020. Cung cố năng lực thực hiện ở các cấp khác nhau nhằm xóa bỏ tình trạng đói nghèo cố hữu, giải quyết tình trạng dễ tổn thương mới và giải quyết các nhu cầu có công ăn việc làm tốt/việc làm trong khu vực công trong các nhóm dân tộc thiểu số.
- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chính sách để hỗ trợ thay đổi chính sách quốc gia nhằm hướng tới hệ thống bảo trợ xã hội quốc gia toàn diện, đáp ứng giới, dựa vào vòng đời và quyền nhiều hơn (bao gồm cả bảo hiểm y tế xã hội, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ xã hội và chăm sóc xã hội), hệ thống này sẽ tăng khả năng chống chịu của các nhóm dễ tổn thương. Những nhóm này bao gồm người dân tộc thiểu số, người già, người tàn tật, người nhiễm HIV, người di cư, người làm trong khu vực phi chính thức, nạn nhân bạo lực giới/bạo lực gia đình, người làm nghề mại dâm, LGBTI, phụ nữ và trẻ em.
- Tăng cường năng lực trung ương và địa phương để xây dựng và thực hiện chính sách dựa vào bằng chứng và có sự tham gia của các bên nhằm giám sát và giải quyết hiệu quả vấn đề đói nghèo đa chiều, cô lập và bất bình đẳng tại khu vực nông thôn và thành thị, nhất là đối với dân tộc thiểu số, người di cư, phụ nữ, trẻ em, người trẻ tuổi, người già, người tàn tật và người nhiễm HIV.

48. Kết quả 1.2: Công bằng trong chăm sóc sức khỏe

Đến năm 2021, tất cả người dân, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất, được hưởng lợi từ các hệ thống, dịch vụ y tế toàn diện và công bằng và thúc đẩy môi trường có lợi cho sức khỏe.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Thu thập các bằng chứng để theo dõi các xu hướng sức khỏe, bao gồm cả giám sát bệnh và các vấn đề sức khỏe mới, nhằm hỗ trợ xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch y

³⁵ UN Women, *Hướng tới Bình đẳng giới ở Việt Nam: Để tăng trưởng bao trùm có lợi cho phụ nữ*, 2016.

tế quốc gia và giám sát tiến bộ cũng như trách nhiệm giải trình kết quả đạt được mục tiêu y tế dựa vào quyền con người và trên cơ sở công bằng, trong đó tập trung vào các chỉ số liên quan đến sức khỏe của SDG và các chỉ số MDG chưa hoàn thành, và quyền về sức khỏe phù hợp với các nghĩa vụ của công ước và các điều ước quốc tế.

- Thúc đẩy và vận động xây dựng chính sách và chiến lược đổi mới về y tế, nước và vệ sinh, an ninh lương thực và an toàn vệ sinh thực phẩm công bằng, và tạo điều kiện đối thoại chính sách đa ngành nhằm thúc đẩy chính sách phối hợp đa ngành trong y tế, giải quyết các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và tác động của phát triển đến y tế, trong đó chú trọng tới người nghèo và nhóm dân cư dễ tổn thương khác và tập trung vào phụ nữ và trẻ em gái từ khi sinh ra, để phát huy đầy đủ khả năng của mình để góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững.
- Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật để thiết lập hệ thống y tế có khả năng chống chịu, đáp ứng và thay đổi và cho phép Việt Nam thực hiện được bảo hiểm y tế toàn dân bao gồm cả sức khỏe sinh sản và tình dục, đồng thời cung cấp dịch vụ y tế công bằng, thông qua cả việc ứng dụng công nghệ y tế hiệu quả. Hệ thống y tế này cũng sẽ giúp Việt Nam phòng chống bệnh tật ở người, động vật và thực vật, thúc đẩy môi trường lành mạnh và đáp ứng với những trường hợp khẩn cấp về y tế công cộng và những vấn đề phát triển có tác động đến y tế, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, đô thị hóa, công nghiệp hóa, hội nhập toàn cầu và di cư dân số.
- Cung cấp tư vấn kỹ thuật và chính sách nhằm hỗ trợ cơ quan y tế để phòng chống các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm, xây dựng các chương trình mới và sáng tạo để đáp ứng nhu cầu mới bao gồm chăm sóc người già và y tế môi trường, giải quyết bất bình đẳng và những khoảng cách hiện có trong các chương trình y tế bao gồm cả chăm sóc thiết yếu sớm cho trẻ sơ sinh.
- Cung cấp tư vấn kỹ thuật để tiếp tục nâng cao năng lực quốc gia bền vững và hợp tác để đảm bảo an toàn sức khỏe cộng đồng thông qua việc lập kế hoạch có sự chuẩn bị, phòng ngừa, phát hiện sớm và phản ứng nhanh với các bệnh mới nổi và các biến cố khẩn cấp y tế công cộng, và để tăng cường thực hiện các Quy định Y tế Quốc tế (2005).
- Triệu tập, lãnh đạo và tăng cường phối hợp cũng như đối tác ở các ngành để đảm bảo ứng phó có điều phối trong các vấn đề y tế quan trọng, bao gồm cả an ninh y tế công cộng, trường hợp khẩn cấp về y tế và dinh dưỡng, quyền và nhu cầu của nhóm dân số dễ bị tổn thương.
- Đảm bảo chất lượng của dịch vụ y tế bằng cách tăng cường quản trị và quy định trong ngành y tế, và tạo điều kiện phổ biến kiến thức cũng như áp dụng các qui định và tiêu chuẩn quốc tế.

49. Kết quả 1.3: Công bằng trong giáo dục, đào tạo và học tập chất lượng

Đến năm 2021, tất cả người dân, đặc biệt những người dễ bị tổn thương nhất, được hưởng lợi từ những dịch vụ và hệ thống giáo dục chất lượng, toàn diện và công bằng và có nhiều cơ hội học tập suốt đời được mở rộng.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Hỗ trợ cải cách giáo dục, đặc biệt tập trung vào tăng cường các hệ thống và trách nhiệm giải trình của chính phủ nhằm thiết lập cơ chế cung cấp tài chính hướng tới công bằng từ cấp mầm non đến trung học phổ thông, khuyến khích các chiến lược học tập linh hoạt, đào tạo nghề và cơ hội học tập suốt đời, cải tiến các chính sách giáo dục, và tăng cường công

tác lập kế hoạch, giám sát và khung thể chế dựa vào bằng chứng và sử dụng dữ liệu phân tích có chất lượng.

- Tăng cường năng lực của chính phủ để cung cấp giáo dục toàn diện, trong đó tập trung vào trẻ em gái, trẻ em khuyết tật, con cái của người di cư và chăm sóc chất lượng cao và giá cả hợp lý, hỗ trợ học tập sớm và khả năng sẵn sàng tới trường của trẻ dưới 4 tuổi, đặc biệt chú ý tới các nhóm dễ tổn thương, thông qua cả việc tăng cường Chăm sóc và Phát triển Trẻ thơ Toàn diện dựa vào cộng đồng ở vùng sâu vùng xa.
- Ủng hộ quản trị trường học hiệu quả và sự tham gia của tất cả học sinh và gia đình vào các quá trình quản trị trường học, và tăng nhu cầu về môi trường học tập nhạy cảm với văn hoá, công bằng và toàn diện cho tất cả trẻ em gái, trẻ em trai, nam và nữ.
- Khuyến khích chuyển sang chương trình giáo dục tổng quát dựa vào năng lực, chương trình này tổng hợp các chủ đề về giảm rủi ro do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, công dân toàn cầu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, văn hoá và di sản.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:



LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 2: ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI KHÍ HẬU VÀ BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Mục đích chiến lược

50. Việt Nam ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Lý giải lĩnh vực trọng tâm

51. Mặc dù Việt Nam đã cam kết giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và đảm bảo bền vững môi trường song mô hình kinh tế - xã hội của Việt Nam vẫn gây ra phát thải lượng khí nhà kính lớn, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường, và làm tăng các nguy cơ về khí hậu và thiên tai cũng như ảnh hưởng tới cơ hội phát triển bền vững.

52. Nếu không có biện pháp giảm thiểu mạnh mẽ thì Việt Nam sẽ trở thành một nước phát thải khí

nhà kính lớn trong khu vực với tổng lượng phát thải tăng dự kiến 4 lần trong thời gian từ năm 2010 đến 2030.³⁶ Điều này sẽ ảnh hưởng tới việc hoàn thành SDG13 và các mục tiêu về biến đổi khí hậu nêu trong Thỏa thuận Paris trong khuôn khổ Công ước khung LHQ về Biến đổi khí hậu. Việt Nam cũng đang ngày phụ thuộc nhiều hơn vào nhiên liệu hóa thạch mặc dù có nhiều cơ hội để tăng cường hiệu quả năng lượng ở một số ngành quan trọng, chẳng hạn như phát điện, giao thông và xây dựng, cộng với chưa khai thác tiềm năng của năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió và nhiên liệu sinh khối. Nếu không có công nghệ sạch thì phát thải từ các nhà máy nhiệt điện sử dụng than sẽ tiếp tục gây ra nhiều nguy cơ cho môi trường và sức khỏe.

53. Các thành phố là động lực chính để phát triển kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, phát triển đô thị lại chưa đi đôi với phát triển đầy đủ cơ sở hạ tầng cơ bản, nhà ở tối thiểu, giao thông ít phát thải và cung cấp dịch vụ công bằng. Áp lực ngày càng tăng đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ đặc biệt ảnh hưởng tới những người được coi là dễ chịu rủi ro nhất, bao gồm người di cư, người lao động trong lĩnh vực không chính thức, người tàn tật và phụ nữ trong các nhóm này.
54. Việt Nam đặc biệt chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu. Trong vòng ba thập kỷ qua,³⁷ mỗi năm Việt Nam chịu tổn thất do thiên tai gây ra chiếm khoảng 1,5% GDP. Biến đổi khí hậu đe dọa sinh kế cũng như cơ sở vật chất và sức khỏe của cộng đồng địa phương, và ảnh hưởng tới tốc độ phát triển của Việt Nam. Ở các khu vực đô thị, mức độ tổn thương còn cao hơn do đầu tư kém cho cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và quy hoạch không gian không có được các thông tin đầy đủ về rủi ro. Một số vùng thường xuyên phải chịu các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ, bão, hạn hán và xâm nhập mặn, gây rủi ro nghiêm trọng cho hàng triệu người, cơ sở hạ tầng quan trọng và sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Việt Nam cũng phụ thuộc vào các hoạt động trên biển và tài nguyên biển để duy trì tăng trưởng kinh tế, do đó sẽ chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, chẳng hạn như nước biển dâng, axit hóa đại dương và tần suất bão tăng.
55. Việt Nam cũng là một trong những nước có mức đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam lại phụ thuộc rất nhiều vào khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và mất đa dạng sinh học vẫn tiếp tục, thậm chí còn nghiêm trọng hơn do phá vỡ và chuyển đổi môi trường sống, ô nhiễm, khai thác quá mức và đánh bắt phi pháp cũng như buôn lậu động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Suy thoái môi trường, ô nhiễm và giảm sút chất lượng cũng như số lượng tài nguyên thiên nhiên tiếp tục ảnh hưởng tới cơ hội về sinh kế, an ninh lương thực và sức khỏe con người, và gây tổn hại đến quá trình phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia.

Dự kiến kết quả và các hoạt động hỗ trợ chiến lược

56. Kết quả 2.1: Phát triển các-bon thấp, chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu

Đến năm 2021, Việt Nam đẩy nhanh chuyển dịch theo hướng phát triển bền vững và tăng trưởng xanh hướng tới nền kinh tế các-bon thấp, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong đó đặc biệt chú trọng tới việc trao quyền cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Hỗ trợ cho việc nội địa hoá các thỏa thuận, tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế và nghĩa vụ của

³⁶ Báo cáo cập nhật 2 năm một lần của Việt Nam trình lên Công ước khung LHQ về biến đổi khí hậu (UNFCCC), 2014..

³⁷ Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Xác định của Việt Nam, trình lên Ban thư ký của Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu, 2015.

Việt Nam theo các công ước quốc tế,³⁸ thông qua việc xây dựng và sửa đổi khung pháp lý, chính sách, chiến lược, quy trình lập kế hoạch và lập ngân sách để thực hiện, giám sát, báo cáo và đánh giá một cách hiệu quả.

- Tăng cường năng lực và tạo điều kiện để Việt Nam tham gia tích cực và mang tính xây dựng vào các diễn đàn khu vực cũng như quốc tế về biến đổi khí hậu và giảm rủi ro thiên tai, bao gồm trong các quan hệ đối tác và trao đổi kiến thức Nam-Nam và Bắc-Nam.
- Nâng cao năng lực thể chế, hợp tác và điều phối giữa các bộ ngành và giữa các cơ quan trung ương với địa phương, và hợp tác với các tỉnh để tăng cường giải pháp về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và đối phó với rủi ro thiên tai, và thúc đẩy phát triển khu vực thông qua lập kế hoạch, lập ngân sách và quản trị một cách đổi mới.
- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thực hành tốt và đổi mới để mở rộng qui mô hiệu quả nguồn lực và năng lượng tái tạo, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời để sản xuất điện, giảm phát thải khí nhà kính, và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu cũng như thiên tai.
- Cải tiến việc cung cấp công nghệ, dữ liệu và thông tin cho công tác dự báo thời tiết và cảnh báo sớm cho người dân và cộng đồng địa phương nhằm hỗ trợ cho những hành động phù hợp để đối phó hiệu quả với thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan.
- Tăng quyền cho cộng đồng, phụ nữ và người dễ tổn thương để họ trở thành nhân tố mang lại thay đổi, những người có thể dẫn đầu hoạt động ở cấp địa phương, bao gồm cả chia sẻ kiến thức và kỹ năng, giảm nhẹ tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, bao gồm bạo lực giới/bạo lực gia đình và để họ tham gia hiệu quả vào quá trình lập kế hoạch cũng như ra quyết định.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực và cải cách tài chính để tăng cường tiếp cận và huy động tài chính trong nước và quốc tế, từ cả hai nguồn tư nhân và nhà nước.³⁹

57. Kết quả 2.2: Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Đến năm 2021, Việt Nam tăng cường quản lý bền vững các dịch vụ liên quan đến nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đồng thời cải thiện chất lượng môi trường song song với việc góp phần vào triển khai thực hiện các thỏa thuận môi trường đa phương.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Hỗ trợ lồng ghép các nghĩa vụ của Việt Nam quy định tại một số công ước⁴⁰ quốc tế liên quan vào khung pháp lý, chính sách, chiến lược, quy trình lập kế hoạch và lập ngân sách quốc tế; tăng cường năng lực cho các bộ và cơ quan có trách nhiệm về thực hiện và giám sát thực hiện chính sách.
- Hỗ trợ việc lập kế hoạch và kiểm soát các khu vực kinh tế và công nghiệp tạo ra số lượng lớn chất thải, ô nhiễm và suy thoái môi trường, kiểm soát; và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp xanh mới.

³⁸ SDGs, Thỏa thuận Paris, Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu, Khung hành động Sendai về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn.

³⁹ Nguồn tài chính công quốc tế bao gồm các quỹ dọc như Quỹ khí hậu xanh, Quỹ môi trường toàn cầu, và nguồn ODA; tài chính công quốc gia là cả dự án đầu tư và chi thường xuyên. Nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một phần tài chính khí hậu quốc tế.

⁴⁰ SDG, Công ước về Đa dạng sinh học, Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen, chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen theo Công ước về Đa dạng sinh học, công ước bảo tồn các khu di sản văn hóa và tự nhiên thế giới, Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp, Hiệp định của LHQ về đàn cá lưỡng cư và di cư xa, Hiệp định quốc tế về các biện pháp bảo vệ cảng của quốc gia - FAO, Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và Công ước Minamata về Thủy ngân, Công ước của LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, và Công ước của LHQ về phòng chống tham nhũng.

- Thúc đẩy các định mức, tiêu chuẩn, thực hành tốt, công cụ và phương pháp quốc tế để nâng cao công tác đánh giá và bảo tồn vốn tự nhiên cũng như đa dạng sinh học, phòng chống hiệu quả ô nhiễm môi trường, và quản lý cũng như xử lý bền vững hóa chất nguy hại và chất thải.
- Nâng cao nhận thức của người dân “mọi người đều có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”⁴¹ và giúp người dân thực hiện quyền của mình được không khí, thực phẩm, nước và đất sạch và các quyền liên quan.
- Tăng cường năng lực thể chế, điều phối giữa các bộ và cơ quan, giữa các cơ quan trung ương và tỉnh, và tạo điều kiện cho các đối tác cũng như đối thoại giữa Chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, nhằm đưa ra và tăng cường các giải pháp về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường để cải thiện sinh kế cũng như lợi ích của cộng đồng.
- Giới thiệu các công cụ giám sát mới (như chỉ số giám sát kết quả hoạt động liên quan đến môi trường), quản lý dữ liệu sáng tạo và báo cáo để hỗ trợ công tác giám sát của Quốc hội và người dân nhằm giải quyết các mối quan ngại của công chúng liên quan đến chất lượng môi trường và dịch vụ hệ sinh thái.

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 3: THÚC ĐẨY SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐỐI TÁC

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:



Mục đích chiến lược

58. Việt Nam chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng toàn diện, bền vững và dựa trên tăng năng suất và một thị trường lao động công bằng, hiệu quả và toàn diện hơn giúp đảm bảo việc làm tốt và cơ hội cho tất cả mọi người.

Lý giải lĩnh vực trọng tâm

59. Sự phát triển của Việt Nam được thế giới biết đến như một câu chuyện thành công về kinh tế.

⁴¹ Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Dòng vốn đầu tư nước ngoài được duy trì cùng với tăng trưởng thương mại và tự do hoá đầu tư đã giúp thúc đẩy sản xuất công nghiệp và nông nghiệp cũng như tăng trưởng kinh tế nói chung.

60. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế trong thập kỷ vừa qua đã bị chậm lại, yếu kém về cơ cấu và thể chế ngày càng rõ, năng suất giảm và tăng trưởng kém toàn diện hơn. Mức chênh lệch về mặt địa lý và giữa cộng đồng dân tộc khác nhau ngày càng lớn. Như vậy, Việt Nam đang phát triển kinh tế với tốc độ khác nhau và sự bất kịp về tăng trưởng giữa các nhóm có lý do để chứng minh. Sự thịnh vượng của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi quá trình hội nhập khu vực và quốc tế thông qua quá trình tự do hóa thương mại, dòng vốn lớn hơn và lao động di cư ngày càng di chuyển nhiều hơn và các tác động tiềm năng về một cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Mặc dù tạo ra nhiều cơ hội lớn song quá trình này có thể làm tăng thêm mức độ bất bình đẳng và tổn thương.
61. Tương tự, sự tham gia của Việt Nam vào nhiều hiệp định thương mại tự do cũng tạo ra một mức rủi ro nào đó vì Việt Nam phải đối mặt với cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt. Với nền sản xuất có giá trị gia tăng thấp và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế còn hạn chế, Việt Nam có thể phải đối mặt với suy thoái kinh tế.
62. Chìa khóa để Việt Nam tăng cường thịnh vượng kinh tế chính là chuyển từ tăng trưởng rộng dựa vào nhân công và nguyên liệu rẻ cộng với huy động vốn sang tăng trưởng dựa vào năng suất, đổi mới và toàn diện. Sự tăng trưởng này sẽ bền vững hơn về mặt môi trường và sẽ tạo ra nhiều việc làm tốt hơn.
63. Tiếp cận việc làm tốt một cách công bằng, nhất là trong các ngành năng suất cao và ở khu vực nông thôn, vẫn còn là thách thức lớn. Thị trường lao động chủ yếu vẫn mang tính không chính thức và quá trình chính thức hóa diễn ra trong những năm gần đây đang chứng minh. Ngoài ra, các nguồn đầu tư vào bảo trợ xã hội cơ bản (đặc biệt là hỗ trợ xã hội) vẫn chưa đủ và chưa cân bằng, và do đó người lao động nghèo chưa được đầu tư hiệu quả ở những giai đoạn quan trọng trong cuộc đời mình (chào đời, thời thơ ấu, khuyết tật, ốm đau, và hưởng lương hưu khi về già).
64. Kể từ khi tiến hành công cuộc *Đổi mới*, người dân Việt Nam ngày càng có nhiều cơ hội được làm việc, học tập, thăm và sinh sống ở nước ngoài. Di cư lao động hiện nay chủ yếu nằm ở nhóm lao động có tay nghề thấp và trung bình trong ngành chế tạo, xây dựng, đánh bắt thủy sản và giúp việc gia đình. Các nhóm di cư ngày càng đa dạng và khó mô tả cũng như khó định lượng được do quy mô di cư tăng. Một số lao động di cư cũng dễ bị lạm dụng và bóc lột.
65. Việt Nam đã cam kết tăng cường đối tác phát triển toàn cầu và có thể hỗ trợ nỗ lực khu vực cũng như quốc tế trong việc thúc đẩy hợp tác Nam-Nam. Đồng thời, Việt Nam cũng cần phải đa dạng hóa ngay các phương án cung cấp tài chính cho phát triển, tăng cường năng lực huy động nguồn lực trong nước và huy động nguồn lực trong quan hệ đối tác với khu vực tư nhân.

Dự kiến kết quả và các hoạt động hỗ trợ chiến lược

66. Kết quả 3.1: Mô hình tăng trưởng kinh tế mới

Đến năm 2021, các chính sách tăng trưởng và thể chế của Việt Nam hỗ trợ mô hình kinh tế mới mang tính toàn diện, bền vững và dựa trên tăng năng suất, gạt hái lợi ích từ tự do hóa thương mại, di cư và hội nhập quốc tế.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Cung cấp hỗ trợ tăng cường năng lực và các đầu vào nghiên cứu để hỗ trợ mô hình tăng trưởng kinh tế mới nhấn mạnh đến sự toàn diện và bền vững. Các chủ đề nghiên cứu bao gồm việc làm năng suất và bền vững, nhất là cho thanh niên và phụ nữ, doanh nghiệp xã hội và xanh, tài chính trong nước và quốc tế, phát triển công nghiệp toàn diện và bền vững, chương trình nghị sự đô thị mới, quản trị và quản lý di cư, phát triển nông thôn mới, và bảo vệ các di sản địa phương và quốc gia.
- Tạo điều kiện cho quá trình chuyển sang chính thức và tăng cường năng lực cung ứng của các chuỗi giá trị, sức cạnh tranh thương mại và nông nghiệp dựa vào năng suất bằng cách thúc đẩy sáng tạo, công nghệ mới, thử nghiệm tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng thương hiệu, giám sát thị trường, chia sẻ thông tin, ứng dụng chỉ dẫn địa lý và đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ với trọng tâm đặc biệt vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Hỗ trợ môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch và công bằng cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh bằng cách củng cố khung pháp lý, giảm thời gian cũng như chi phí đăng ký kinh doanh điện tử và cung cấp các công cụ quản lý điện tử thông qua một cổng điện tử của Việt Nam.
- Thu hút sự tham gia của cả đối tượng nhà nước và phi nhà nước vào việc tăng cường dịch vụ khuyến nông cho các cộng đồng làm nông nghiệp khó khăn.
- Mở rộng các hệ thống và chính sách khoa học, công nghệ và sáng tạo trên cả nước thông qua tăng cường hợp tác khoa học quốc tế về những thách thức quan trọng liên quan tới phát triển bền vững.
- Hỗ trợ thực hiện các cam kết/thỏa thuận kinh tế quốc tế, đặc biệt là cộng đồng ASEAN, tuân thủ WTO và các FTA thế hệ mới, và hỗ trợ các cơ quan trung ương và địa phương và các doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế.

67. Kết quả 3.2: Thị trường lao động toàn diện và mở rộng cơ hội cho tất cả

Đến năm 2021, thị trường lao động công bằng hơn và toàn diện đảm bảo việc làm bền tốt và cơ hội cho tất cả, đặc biệt các nhóm bị gạt ra ngoài lề và các vùng địa lý khó khăn.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Tăng cường quan hệ đối tác với khu vực tư nhân thông qua thúc đẩy quyền của người lao động và quan hệ hợp tác hiệu quả tại nơi làm việc trong ngành chế tạo và dịch vụ, nâng cao trách nhiệm xã hội và ứng xử có trách nhiệm trong kinh doanh trên “Diễn đàn doanh nghiệp thực hiện SDG ở Việt Nam”, bao gồm cả trách nhiệm về tăng quyền cho phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc.
- Hỗ trợ nghiên cứu chính sách và tăng cường năng lực cho người xây dựng chính sách, người cung cấp dịch vụ và mạng lưới doanh nghiệp của phụ nữ; và thí điểm các mô hình cũng như chiến lược để thúc đẩy khởi nghiệp của phụ nữ và đảm bảo lợi ích từ hội nhập khu vực cũng như tăng trưởng kinh tế.
- Cải thiện công tác quản lý lao động và tuân thủ luật pháp về lao động thông qua thực thi và giám sát hiệu quả luật pháp về lao động, giúp chính thức hóa hơn nữa thị trường lao động.
- Tăng cường năng lực trong nước và sức cạnh tranh về cung cấp dịch vụ và năng suất của

các nhóm khó khăn, đặc biệt là người nghèo, nông dân và người dân tộc thiểu số, bao gồm cả việc ứng dụng cách tiếp cận theo chuỗi giá trị.

- Tăng cường các cơ chế thể chế trong thị trường lao động, đảm bảo chia sẻ công bằng kết quả của tăng trưởng kinh tế thông qua cải cách luật và đối thoại xã hội hiệu quả cũng như quan hệ công nghiệp vững vàng.
- Tăng cường khung chính sách dựa vào bằng chứng và năng lực của quốc gia và địa phương về xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách cũng như chương trình hỗ trợ cho các nhóm khó khăn (chẳng hạn như người di cư, người giúp việc, người già và phụ nữ), việc làm, bảo vệ và tiếp cận việc làm bền vững, và tạo cơ hội bình đẳng cho các nhóm này, trong đó có xét đến những thay đổi về dân số.
- Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng thông qua việc cải thiện hệ thống đào tạo nghề, hỗ trợ quản lý nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, và vừa học vừa làm.

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 4: THÚC ĐẨY CÔNG LÝ, HÒA BÌNH VÀ QUẢN TRỊ TOÀN DIỆN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:



Mục đích chiến lược

68. Việt Nam tăng cường công tác quản trị và thượng tôn pháp luật, tôn trọng và bảo vệ các quyền con người và xóa bỏ phân biệt đối xử, hướng tới một xã hội công bằng và hòa nhập hơn.

Lý giải lĩnh vực trọng tâm

69. Những thay đổi mà một nước có thu nhập trung bình như Việt Nam đang trải qua cần phải gắn với quá trình ra quyết định năng động và toàn diện ở cấp cơ sở. Nhiều nỗ lực đang được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng đáp ứng của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cần phải cố gắng hơn nữa để nâng cao hiệu lực cũng như trách nhiệm giải trình của các thể chế này, sao cho các thể chế này có thể giải quyết được tình trạng bất bình đẳng, tình trạng này đặc biệt ảnh hưởng tới các nhóm dễ tổn thương, phụ nữ, thanh niên và trẻ em. Đây sẽ là chìa khóa để đáp ứng đầy đủ mong đợi ngày một lớn của người dân đối với dịch vụ công có chất lượng cao và dễ tiếp cận của người dân đang ngày càng thịnh vượng và nắm bắt đầy đủ thông tin.

70. Những thành tựu gần đây đã tạo cơ hội cho Việt Nam vượt qua các công cụ truyền thống trong việc đảm bảo đầu vào và sự tham gia của người dân vào đối thoại chính sách cũng như quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp. Việc sử dụng công nghệ hiện đại, đặc biệt trong điều kiện các phương tiện truyền thông xã hội và ứng dụng di động ngày càng phổ biến cho phép thể chế quản trị tận dụng được các hình thức tham gia mới của công dân.

71. Chính phủ đã tăng cường cam kết tuân thủ hơn nữa các cơ chế quốc tế về quyền con người.

Sự thay đổi đang diễn ra của hệ thống luật pháp trong nước cho thấy Việt Nam sẵn sàng thực hiện các nguyên tắc của quản trị tốt, thúc đẩy bình đẳng giới, giải quyết mọi hình thức phân biệt đối xử và bạo lực trong lĩnh vực công và tư, và tôn trọng cũng như bảo vệ các quyền cơ bản. Cần có nhiều nỗ lực có căn cứ để đảm bảo sao cho ngành tư pháp ở tất cả các cấp đều tuân thủ pháp luật một cách nhất quán và tôn trọng các tiêu chuẩn quốc tế về quy trình pháp lý và minh bạch. Cần có hệ thống tư pháp độc lập hơn để hỗ trợ cho sự phát triển của quốc gia và bảo vệ quyền con người, đặc biệt phải đóng vai trò là trọng tài trung lập và hiệu quả để đảm bảo sao cho các cơ quan khác của chính phủ tuân thủ hiến pháp, luật pháp và các cam kết quốc tế về tư pháp của Việt Nam.

Dự kiến kết quả và các hoạt động hỗ trợ chiến lược

72. Kết quả 4.1: Quy trình ra quyết định có sự tham gia và các thể chế mang tính phản hồi

Đến năm 2021, các quy trình ra quyết định minh bạch và có sự tham gia đồng thời củng cố các thể chế có trách nhiệm giải trình, trong đó các chính sách và cơ chế triển khai đáp ứng được nhu cầu của tất cả mọi người, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương, phụ nữ, thanh thiếu niên và trẻ em.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Hỗ trợ các chiến lược quốc gia về chống tham nhũng và rửa tiền thông qua tăng cường khung luật pháp quốc gia, nâng cao nhận thức và giám sát của công chúng, và thúc đẩy sự minh bạch trong kinh doanh, bao gồm cả ứng dụng sáng tạo và công nghệ.
- Giải quyết các lẽ thói và thực hành xã hội nguy hại và cần loại trừ (chẳng hạn như tảo hôn và lựa chọn giới tính) và những định kiến là gốc rễ của phân biệt đối xử, bao gồm cả những định kiến liên quan đến giới, xu hướng tính dục, tuổi tác, dân tộc, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp, bằng cách nâng cao tính đa dạng trong lãnh đạo và ra quyết định, nhận thức về quyền và các cách diễn đạt thay thế đối với chuẩn mực xã hội và giới.
- Hỗ trợ các hệ thống đã được tăng cường của quốc gia trong việc thu thập, tính toán, báo cáo và phân tích dữ liệu theo khung SDG, trong đó đảm bảo khả năng chia dữ liệu theo nhóm dễ tổn thương, bao gồm cả dữ liệu về giới, điều kiện kinh tế - xã hội, tuổi tác, dân tộc và tình trạng sức khỏe.
- Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức liên quan được tăng quyền và tham gia có ý nghĩa vào quá trình xây dựng, giám sát và thực hiện chính sách, thông qua hỗ trợ khung luật pháp thuận lợi, và hỗ trợ có mục tiêu cho các tổ chức và các nhóm theo các quy định ban hành của Chính phủ và giới truyền thông để thúc đẩy sự tham gia, bình đẳng giới và quyền của trẻ em, thanh niên cũng như các nhóm dễ tổn thương khác.
- Hỗ trợ việc xây dựng, giám sát và thực hiện các diễn đàn quốc gia để thanh niên tham gia tích cực vào đời sống dân sự, chính trị và cộng đồng, bao gồm cả xây dựng năng lực và thúc đẩy tinh thần tự nguyện.
- Hỗ trợ để cơ quan quốc gia và địa phương đạt hiệu quả hơn, minh bạch hơn và phù hợp với ưu tiên về tăng cường lập kế hoạch, lập dự toán và thực hiện thông qua các phương tiện có sự tham gia nhiều hơn, đáp ứng hơn về giới và dựa vào quyền.

73. Kết quả 4.2: Bảo vệ quyền con người, pháp quyền và tăng cường tiếp cận công lý

Đến năm 2021, công tác bảo vệ quyền con người được tăng cường nhờ vào những cải thiện trong hệ thống tư pháp, tuân thủ chặt chẽ hơn nguyên tắc pháp quyền, gia tăng bình đẳng giới và ngăn chặn hiệu quả mọi hình thức phân biệt đối xử và bạo lực.

Các hoạt động hỗ trợ chiến lược của LHQ

- Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật cho quá trình cải cách thể chế, pháp luật và việc thi hành pháp luật, thúc đẩy bình đẳng giới, liêm chính và trách nhiệm giải trình trong khu vực công và tư, và tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người.
- Hỗ trợ chức năng và tăng cường năng lực của các thể chế pháp quyền, ở cả cấp quốc gia và địa phương, trong đó tập trung cụ thể vào việc giúp cho các nhóm dễ tổn thương có khả năng tiếp cận công lý, bao gồm cả nạn nhân của phân biệt đối xử và bạo lực, người dân tộc thiểu số, người nghèo, nhóm đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính (LGBTI), người sử dụng ma túy, người làm nghề mại dâm và người mắc HIV, cũng như phụ nữ, thanh niên và trẻ em.
- Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chiến lược và dịch vụ phòng chống, bảo vệ và hỗ trợ đa ngành nhằm đối phó hiệu quả với tình trạng bạo lực (bao gồm cả bạo lực đối với trẻ em, bạo lực tình dục và bạo lực giới, bạo lực gia đình và các hành vi nguy hiểm như lựa chọn giới tính, tảo hôn và buôn bán người) theo tiêu chuẩn và yêu cầu quốc tế.
- Tăng cường các hoạt động can thiệp để nâng cao kiến thức và nhận thức của người dân về quyền con người, trong đó tập trung vào quy trình pháp lý và quyền của những người phạm pháp, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bao gồm cả bạo lực tình dục và bạo lực giới, quyền của người dân tộc thiểu số và loại bỏ sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV và các quyền của nhiều nhóm dễ bị tổn thương khác, trong đó có người nghèo.
- Hỗ trợ các cơ chế cải thiện chất lượng và tính độc lập của hoạt động thực thi công lý, bao gồm cả tiếp nhận và trả lời phản hồi của công chúng, tạo điều kiện để công chúng giám sát các thủ tục tư pháp đồng thời nâng cao nhận thức cũng như năng lực cho cán bộ pháp lý, an ninh về bảo vệ quyền con người.



III. QUAN HỆ ĐỐI TÁC

74. Bản chất, quan hệ và mối liên quan chặt chẽ giữa các SDG sẽ tác động tới hoạt động của LHQ trong giai đoạn 2017-2021 và cả sau đó, và cho thấy rõ tầm quan trọng của sự điều phối đa ngành giữa các cơ quan LHQ. Như đã nêu trong Báo cáo Đánh giá Chung về Việt Nam, mối liên quan này có ảnh hưởng tới LHQ và có nghĩa là sẽ phải tăng cường gắn kết trong việc lập chương trình, đảm bảo cách tiếp cận phát triển lấy con người làm trung tâm, nhạy cảm về giới và tôn trọng các quyền con người ở mọi lĩnh vực hoạt động và cách làm việc xuyên suốt, đa ngành và theo vấn đề hơn.
75. Để hoàn thành được các mục tiêu SDG cũng cần phải có quan hệ đối tác mới và chiến lược theo từng chủ đề và đòi hỏi những nỗ lực có điều phối của nhiều bên liên quan. Tầm quan trọng của đối tác trong phát triển không phải là ý tưởng mới. Đối tác có nhiều bên đóng vai trò quan trọng trong chương trình nghị sự MDG và góp phần vào thành công của chương trình. Tuy nhiên, ngày càng thấy rõ rằng thành công việc hoàn thành được mục tiêu SDG phụ thuộc vào sự tham gia hiệu quả của tất cả các bên. Các quan hệ đối tác phát triển dựa vào tính đa dạng và bổ sung lẫn nhau về nhiệm vụ của từng đối tác, và những đối tác này cần được khai thác tối ưu để đạt kết quả tốt hơn. Các quan hệ đối tác giúp xác định con đường theo đuổi lợi ích chung của các đối tác có chung mục đích, và giúp Chính phủ nuôi dưỡng hành động tập thể, thông qua sự lãnh đạo và điều phối tích cực của mình.

Chính phủ và LHQ, thông qua hình thức đối tác, thúc đẩy phát triển toàn diện, công bằng và bền vững

76. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 cho thấy thay đổi lớn trong quan hệ Việt Nam - LHQ. Kế hoạch này hoàn toàn công nhận Việt Nam là nước có thu nhập trung bình, được xây dựng theo SDG và thách thức phát triển mới, và sẽ tạo điều kiện đáp ứng nhanh với thực trạng phát triển đang thay đổi không ngừng của Việt Nam. Chính phủ hiện đang phát triển nguồn nhân lực và năng lực để xây dựng một nhà nước phúc lợi hiện đại hơn, trong đó không còn đói nghèo, bị loại trừ khỏi xã hội và tình trạng dễ tổn thương được giải quyết một cách có hệ thống. Trong tương lai, LHQ sẽ là một đối tác đưa ra hỗ trợ mà Việt Nam yêu cầu trong các lĩnh vực có lợi thế so sánh và nhiệm vụ phát triển, và vượt ra ngoài các hỗ trợ phát triển truyền thống.
77. Mặc dù LHQ không phải là đối tác phát triển duy nhất ở Việt Nam có khả năng hỗ trợ Chính phủ, song LHQ có vai trò đặc biệt trong việc giúp Việt Nam bao quát được đầy đủ các chính sách và đối tác có nhiều bên để đạt được mục tiêu về quyền con người, hoà nhập và công bằng. Hoạt động này được củng cố bằng các chuẩn mực và tiêu chuẩn quốc tế giúp tạo đòn bẩy cho nhiều đóng góp của tất cả các bên nhằm hoàn thành chương trình nghị sự phát triển của Việt Nam và SDG. Sự có mặt của LHQ cùng với việc LHQ luôn sát cánh cùng Chính phủ như một đối tác tin cậy và có thể tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cải cách kinh tế xã hội đang tiếp diễn.
78. Để củng cố các hỗ trợ tập trung hơn vào những đối tượng hưởng lợi tại các tỉnh thành có tiếp nhận hỗ trợ thường là những người dân chưa được hưởng lợi từ thành công của MDG, LHQ sẽ tiếp tục hoạt động ở cấp chính quyền địa phương và tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược với chính quyền của các tỉnh để giải quyết các chương trình chưa được hoàn thành cũng như các vấn đề đang nổi lên như đô thị hóa và biến đổi khí hậu, và phát triển các mô

hình thực tiễn tốt. Quan hệ đối tác ở các thành phố lớn có thể xây dựng một trung tâm nhằm mở rộng hợp tác sáng tạo để phát triển cùng với doanh nghiệp, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ ở các khu đô thị khác.

79. Trong giai đoạn 2017-2021, trọng tâm quan trọng nhất của LHQ là giúp thúc đẩy chính sách và quan hệ đối tác nhằm khởi động quá trình của quốc gia về SDG. Hoạt động này có thể gồm: hỗ trợ Chính phủ có chiến lược quản lý tốt hơn ODA và đầu tư công, và làm trung gian cho các đối tác quốc tế, chẳng hạn như hợp tác Nam-Nam.
80. Để đạt các mục tiêu nêu trong Chương 2, LHQ ở Việt Nam sẽ tham gia vào các quan hệ đối tác chiến lược với nhiều bên liên quan khác ở các cấp khác nhau.

Khối doanh nghiệp đang trở thành lực lượng để phát triển và đổi mới về dịch vụ công

81. Chính phủ đã bày tỏ ý định tăng đóng góp tài chính từ nhiều nguồn khác, bao gồm cả khu vực tư nhân (cả trong nước và quốc tế) thông qua các hình thức đối tác công-tư. Khu vực tư nhân trong những năm gần đây đã tham gia cùng với các cơ quan LHQ và đối tác phát triển khác trong các vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi là không dừng lại chỉ ở trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, vì khối doanh nghiệp đang trở thành đối tác đầy đủ trong thực hiện SDG, khai thác năng lực của khối này để đưa ra các giải pháp sáng tạo, cam kết nguồn lực tài chính và cung cấp cơ hội cho tất cả mọi người.
82. LHQ dự định phối hợp khai thác vai trò của khu vực doanh nghiệp nhằm bổ sung cho vai trò quy phạm cũng như vai trò cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách và vai trò triệu tập của LHQ. LHQ sẽ hỗ trợ Chính phủ xây dựng khuôn khổ thuận lợi để khu vực doanh nghiệp đóng góp nguồn lực trong nước cho phát triển và xác định cũng như tìm kiếm cơ hội thúc đẩy tiêu chuẩn chặt chẽ về trách nhiệm giải trình và giám sát các hình thức đối tác công - tư.

Sự tham gia của nhân dân giúp cải thiện kết quả phát triển và đưa người dân trở thành đối tác thực sự

83. Thu hút sự tham gia của công chúng vào quá trình phát triển là đặc biệt cần thiết tại các quốc gia có thu nhập trung bình, nơi nhiều người dân có mong muốn có được tiếng nói của mình trong các chính sách và chương trình. Các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện, nhân rộng và giám sát để đảm bảo cơ chế cung ứng dịch vụ có hiệu quả hơn trong việc đáp ứng các nhu cầu.
84. Trong bối cảnh hiện nay, LHQ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác giữa Chính phủ và các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ và đảm bảo những tổ chức này được hỗ trợ để thực hiện một số chức năng chủ đạo. Những chức năng này gồm tổ chức để mọi người tham gia và bày tỏ tiếng nói của mình; xác định cơ hội để thu hút sự tham gia của công dân vào lập kế hoạch, thực hiện và giám sát dự án; tìm kiếm trách nhiệm giải trình của người thực thi nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu phát triển và cam kết quốc tế; và tăng cường triển vọng đạt được mức độ công bằng cao hơn, nhất là với thanh niên và phụ nữ. Các chức năng quan trọng khác gồm: tham gia vào đối thoại chính sách và bày tỏ quan tâm của công dân để giúp đưa ra chính sách, luật và các công cụ khác phù hợp; tổng kết các bài học kinh nghiệm để thông tin cho chính

sách và tăng cường phổ biến những bài học kinh nghiệm đó; và tận dụng năng lực thực hiện mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, đưa ra các dịch vụ phù hợp hơn và đáp ứng nhu cầu hơn.

Các đối tác phát triển quốc tế xác định nhiều lợi ích kinh tế khu vực và song phương giúp đẩy nhanh chương trình nghị sự phát triển kinh tế xã hội

85. Mặc dù bối cảnh hỗ trợ phát triển ở Việt Nam đã thay đổi rất nhiều trong những năm gần đây, với nhiều phái đoàn nước ngoài đang từng bước đóng cửa các chương trình hỗ trợ song phương của mình sau khi Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình thấp, song một số nhà tài trợ vẫn tiếp tục hỗ trợ tích cực. Những nhà tài trợ này đóng vai trò là cầu nối đến nguồn tri thức, nguồn vốn và các doanh nghiệp ở nước của họ và tạo cơ hội lớn để phát triển quan hệ song phương thịnh vượng với Việt Nam.
86. Khi thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, LHQ sẽ cố gắng phối hợp với các đối tác phát triển khác, nhằm thúc đẩy một cách chiến lược hoạt động của mỗi bên và tránh trùng lặp và dẫm chân lên nhau như đôi khi gặp phải trước đây do sự trùng lặp này hạn chế tiềm năng đầu tư. Cơ hội để cùng nghiên cứu chính sách và gắn kết chính sách sẽ được tìm kiếm, và LHQ cũng sẽ phấn đấu mở rộng đối thoại nhiều đối tác về các chương trình nghị sự đã cùng nhau đưa ra, bao gồm SDG và quyền con người. Các cơ hội cho các quan hệ đối tác linh hoạt và đổi mới ngoài các dự án và nguồn vốn cụ thể cũng sẽ được xem xét.
87. Các định chế tài chính quốc tế và ngân hàng phát triển tiếp tục hoạt động rất tích cực tại Việt Nam, tuy nhiên các khoản vay đang dần chuyển sang các khoản vay ít ưu đãi hơn trước đây. Mức độ viện trợ ODA giảm nói chung đã làm giảm sút nguồn vốn đầu tư khỏi các lĩnh vực phát triển năng lực mềm, trong khi tài trợ và cho vay đầu tư vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cùng với đầu tư vào các ưu tiên thương mại có vai trò đặc biệt vai trò quan trọng để Việt Nam có thể đạt được tiến bộ trong việc hoàn thành các mục tiêu SDG. LHQ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Chính phủ trong giai đoạn chuyển tiếp của các hoạt động hỗ trợ của các nhà tài trợ trong các ngành. Thông qua quan hệ đối tác với các tổ chức cho vay, LHQ cũng có cơ hội thúc đẩy tác động phát triển và đóng góp tài chính quy mô lớn để đẩy mạnh mục tiêu phát triển xã hội và bền vững, chẳng hạn như bằng cách đảm bảo có sự tham gia của bộ phận dân cư dễ bị tổn thương nhất và bằng cách tăng cường khả năng chống chịu đối với khí hậu và thiên tai trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.



IV. QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN

88. Cơ chế quản lý tổng thể Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được xây dựng trong bối cảnh cả Chính phủ và LHQ đều mong muốn tiếp tục thực hiện Sáng kiến Thống nhất hành động và phù hợp với các quy tắc vận hành chuẩn cho các quốc gia thực hiện cách tiếp cận Thống nhất hành động, do Nhóm Phát triển LHQ (UNDG) xây dựng.
89. Cơ cấu quản lý Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 dựa trên kinh nghiệm từ thực hiện các Kế hoạch chung ở Việt Nam từ năm 2008. Cơ chế quản lý được thiết kế nhằm đảm bảo quyền làm chủ và lãnh đạo của quốc gia, điều phối hiệu quả việc cung cấp chương trình và thúc đẩy chương trình nghị sự Thống nhất hành động. Cơ cấu quản lý sẽ cố gắng tạo điều kiện để phù hợp với các ưu tiên của quốc gia, giảm trùng lặp nỗ lực, nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực hiện các nguyên tắc xây dựng chương trình của LHQ và đảm bảo mức độ linh hoạt nhằm đáp ứng các yêu cầu mới trong chu kỳ xây dựng chương trình 5 năm.
90. Các yếu tố cơ bản của cơ chế quản lý sẽ bao gồm việc thành lập Ban chỉ đạo chung LHQ-Chính phủ cho Sáng kiến Thống nhất hành động, cơ chế đánh giá để thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và thiết lập các Nhóm Kết quả LHQ nội bộ.
91. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được quốc gia thực hiện dưới sự điều phối chung của Ban chỉ đạo chung LHQ - Chính phủ. Các cơ quan thực hiện của Chính phủ cho chương trình của từng cơ quan LHQ cụ thể được nêu trong Phụ lục I.iv. Các Bộ ban ngành Chính phủ, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và các cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ sẽ thực hiện hoạt động của các chương trình. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được thực hiện thông qua việc xây dựng các kế hoạch hoạt động cho từng Nhóm Kết quả và văn kiện dự án chung và/hoặc cụ thể của từng cơ quan LHQ cũng như các kế hoạch hoạt động liên quan. Đây là các tài liệu mô tả kết quả cụ thể dự kiến hoàn thành và sẽ là tài liệu ràng buộc giữa các cơ quan LHQ với từng đối tác thực hiện về việc sử dụng nguồn lực. Các tài liệu dự án chung và/hoặc của từng cơ quan sẽ được xây dựng tuân thủ quy trình của Chính phủ và LHQ. Trong phạm vi có thể, các cơ quan LHQ và cơ quan thực hiện sẽ xây dựng ở mức tối thiểu các tài liệu thực hiện các can thiệp chương trình. Tuy nhiên, khi cần và phù hợp, văn kiện dự án chung hoặc của từng cơ quan và các kế hoạch hoạt động tương ứng có thể được xây dựng dựa vào và sử dụng các thông tin liên quan trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

Ban chỉ đạo chung LHQ - Chính phủ cho Sáng kiến thống nhất hành động

92. Ban chỉ đạo chung sẽ do Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Điều phối viên thường trú LHQ đồng chủ trì. Đây là cơ quan ra quyết định cao nhất về Sáng kiến Thống nhất hành động và Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 ở Việt Nam. Thành viên của Ban chỉ đạo chung gồm đại diện từ các Bộ ngành và nhóm các cơ quan LHQ tại Việt Nam (UNCT). Ban chỉ đạo chung đưa ra hướng dẫn chính sách về các vấn đề thực hiện Sáng kiến Thống nhất hành động, trong đó đặc biệt tập trung vào việc gắn kết với các ưu tiên phát triển của quốc gia. Ban chỉ đạo chung đánh giá tình hình thực hiện Sáng kiến và đề xuất biện pháp để đạt được kết quả một cách hiệu quả và hiệu lực. Chức năng, trách nhiệm và thành viên cụ thể của Ban chỉ đạo chung sẽ được

quy định cụ thể trong điều khoản tham chiếu cùng với Chính phủ.

Cơ chế Đánh giá kiểm điểm Hàng năm Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021

93. Hàng năm sẽ tổ chức họp kiểm điểm để LHQ trình bày kết quả thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, nêu ra thách thức và kết quả chính dự kiến của năm sau. Các cuộc họp hàng năm sẽ do Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Điều phối viên thường trú LHQ đồng chủ trì, và sẽ có sự tham dự của tất cả các cơ quan liên quan chính tới Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, bao gồm thành viên UNCT, các đối tác của Chính phủ, Bộ ngành trung ương, cơ quan thực hiện, đối tác phát triển và các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ.

Nhóm các cơ quan LHQ tại Việt Nam

94. Nhóm các cơ quan LHQ (UNCT) gồm Trưởng đại diện của tất cả các cơ quan LHQ thường trú và không thường trú tại Việt Nam, các quỹ và các chương trình. UNCT là nhóm liên cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất về điều phối và ra quyết định, đồng thời quản lý chung việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. UNCT hoạt động theo Bộ quy tắc ứng xử của UNCT và các thành viên phải chịu trách nhiệm giải trình cho nhau về việc sử dụng hợp lý các nguồn lực, hoàn thành các kết quả dự kiến và tuân thủ các nguyên tắc lập chương trình của Hỗ trợ phát triển của LHQ,⁴² và quá trình thực hiện Sáng kiến Thống nhất hành động. Điều này bao gồm cung cấp nguồn lực tài chính, con người và các nguồn lực cần thiết khác để hoàn thành các cam kết liên quan đến việc đạt được kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Điều phối viên thường trú LHQ đóng vai trò lãnh đạo nhóm và có sự trợ giúp của Văn phòng Điều phối viên thường trú LHQ để thực hiện chức năng của mình, đồng thời cung cấp các hỗ trợ để thúc đẩy các nỗ lực của UNCT trong thực hiện Sáng kiến Thống nhất hành động và trong điều phối thực hiện, giám sát và đánh giá Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

95. UNCT sẽ tiếp tục nỗ lực thúc đẩy các nguyên tắc chính của Sáng kiến Thống nhất hành động về tăng cường hiệu quả và hiệu suất của toàn hệ thống LHQ. Điều phối hiệu quả trong hệ thống LHQ sẽ giúp thực hiện thành công kế hoạch và xây dựng các chương trình có thể đo lường được. Ngoài ra, UNCT còn thành lập các nhóm công tác liên cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý dựa trên kết quả, quyền con người, các vấn đề về hành chính phục vụ chương trình, truyền thông và quản lý rủi ro do thiên tai cũng như các nhóm chuyên đề và nhóm công tác khác, để đảm bảo trách nhiệm giải trình của UNCT đối với các cam kết về bình đẳng giới.

Các Nhóm Kết quả của LHQ

96. Các Nhóm Kết quả LHQ sẽ được thành lập để dẫn dắt thực hiện lập kế hoạch, giám sát và báo cáo kết quả chung dựa vào các phân nhóm cán bộ theo từng lĩnh vực hoạt động và chức năng trong Ngôi nhà xanh chung LHQ. Các Nhóm Kết quả LHQ sẽ phù hợp với và được điều phối trong khuôn khổ của các nhóm công tác kỹ thuật do Chính phủ chủ trì và các nhóm đối tác khác trong phạm vi rộng hơn, nếu có.

97. Kế hoạch hoạt động của các Nhóm Kết quả sẽ được xây dựng dựa trên các tham vấn với các cơ quan đối tác chính phủ trước khi thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Cơ chế lập kế hoạch thiết thực và phù hợp nhất sẽ được thiết kế đảm bảo tuân thủ các quy tắc và thủ

⁴² Các nguyên tắc cốt lõi cơ bản của công tác lập kế hoạch của LHQ ở cấp quốc gia là: 1) các quyền con người, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; 2) Phát triển bền vững và khả năng chống chịu; 3) không bỏ lại ai phía sau; và 4) trách nhiệm giải trình (như trong Hướng dẫn xây dựng Khung Hỗ trợ Phát triển LHQ của UNDP, cập nhật năm 2016).

tục của các cơ quan LHQ tham gia và đảm bảo có sự tham gia của các cơ quan chính phủ cũng như báo cáo cho các cơ quan chính phủ.

QUY TRÌNH LÀM VIỆC

98. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 do các cơ quan thực hiện quốc gia và cơ quan LHQ thực hiện. Nghị định về quản lý và sử dụng nguồn viện trợ chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ cũng như Cam kết Paris và Tuyên bố chung Hà Nội về Hiệu quả viện trợ sẽ là các văn bản hướng dẫn thiết kế cũng như thực hiện các chương trình và dự án do LHQ hỗ trợ.
99. Là một phần trong Sáng kiến Thống nhất hành động, LHQ đã đầu tư khá nhiều nguồn lực cho ba lĩnh vực cụ thể: Tiếp cận hài hoà về chuyển kinh phí (HACT), Quy chế chung về quản lý chương trình, dự án (HPPMG), và Hướng dẫn của LHQ-EU về Định mức Chi phí Địa phương trong Hợp tác Phát triển với Việt Nam (Định mức chi phí LHQ-EU). Ban đầu, sáng kiến HPPMG và HACT được UNDP, UNICEF và UNFPA thực hiện. Trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, LHQ sẽ tiếp tục thực hiện hai sáng kiến này và tích cực tìm cơ hội để mở rộng một phần hoặc toàn bộ, sự tham gia của các cơ quan LHQ khác trong phạm vi có thể nhất. Trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, tất cả các cơ quan tham gia của LHQ sẽ tiếp tục thực hiện Định mức chi phí LHQ-EU.

Cách tiếp cận hài hoà về chuyển kinh phí (HACT)

100. Vào tháng 4/2005, Nhóm Phát triển LHQ (UNDG) đã chia sẻ nguyên tắc của HACT với Chính phủ để các tổ chức UNDP, UNICEF và UNFPA và các Cơ quan thực hiện áp dụng. Đến năm 2007, sáng kiến HACT bắt đầu được áp dụng tại Việt Nam. HACT là khung hài hoà việc quản lý chuyển kinh phí từ các cơ quan tham gia LHQ đến các Cơ quan thực hiện trong nước. Dựa vào cách tiếp cận quản lý rủi ro, HACT dự kiến giảm được chi phí giao dịch cho LHQ và các Cơ quan thực hiện trong nước, thúc đẩy sử dụng các hệ thống quốc gia, và tăng cường năng lực quốc gia về quản lý chương trình cũng như trách nhiệm giải trình. Đến năm 2014, UNDG đưa ra khung HACT mới và khung này đang được các tổ chức nói trên áp dụng cho Việt Nam.
101. Tất cả các khoản kinh phí chuyển cho Cơ quan thực hiện đều phải dựa trên bản kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án đã được thống nhất giữa Cơ quan thực hiện đó và tổ chức LHQ. Các khoản kinh phí cho các hoạt động được nêu chi tiết trong bản kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án có thể được các cơ quan LHQ chuyển theo các phương thức sau đây:
 - Chuyển tiền trực tiếp cho Cơ quan thực hiện:
 - a. Trước khi bắt đầu triển khai các hoạt động (chuyển tiền trực tiếp), hoặc
 - b. Sau khi các hoạt động đã hoàn thành (hoàn ứng);
 - Thanh toán trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ hoặc bên thứ ba về các nghĩa vụ mà Cơ quan thực hiện triển khai trên cơ sở yêu cầu do cán bộ được chỉ định của Cơ quan thực hiện ký;
 - Thanh toán trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ hoặc bên thứ ba về các nghĩa vụ mà Cơ quan LHQ trực tiếp thực hiện các hoạt động đã được thống nhất với Cơ quan thực hiện.
102. Các khoản kinh phí chuyển trực tiếp phải được yêu cầu và thực hiện cho các giai đoạn thực hiện chương trình trong vòng ba tháng. Việc thanh toán cho các khoản chi đã được phê duyệt phải được yêu cầu và thực hiện theo quý hoặc sau khi hoàn thành hoạt động. Các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ không có nghĩa vụ thanh toán các khoản do Cơ quan thực hiện

chi vượt quá hoặc ngoài số kinh phí đã được phê duyệt.

103. Sau khi hoàn thành hoạt động, mọi kinh phí còn dư sẽ được hoàn lại hoặc xây dựng các hoạt động mới theo thỏa thuận giữa Cơ quan thực hiện và các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ.
104. Các hình thức chuyển kinh phí, quy mô khoản thanh toán, cũng như phạm vi và tần suất các hoạt động kiểm tra đảm bảo chất lượng sẽ có thể dựa vào kết quả đánh giá rủi ro trong quản lý tài chính (đánh giá vi mô) Cơ quan thực hiện của Chính phủ hoặc của Cơ quan thực hiện ngoài hệ thống LHQ. Một công ty tư vấn có năng lực, chẳng hạn như một công ty kiểm toán nhà nước do các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ lựa chọn có thể tiến hành hoạt động đánh giá này. Cơ quan thực hiện cũng tham gia vào việc lựa chọn công ty tư vấn.
105. Các hình thức chuyển kinh phí, quy mô khoản thanh toán, cũng như phạm vi và tần suất các hoạt động kiểm tra đảm bảo chất lượng sẽ có thể được điều chỉnh trong quá trình thực hiện chương trình, trên cơ sở kết quả giám sát chương trình, giám sát cũng như báo cáo chi tiêu, kiểm tra tại chỗ và kiểm toán.
106. Để chuẩn bị cho Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, đánh giá chung của LHQ về hệ thống quản lý tài chính công quốc gia (đánh giá vĩ mô) sẽ được triển khai trong năm 2016.

Quy chế chung về quản lý chương trình, dự án (HPPMG)

107. HPPMG được Chính phủ Việt Nam và ba cơ quan LHQ (UNDP, UNICEF và UNFPA) cùng xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý và thực hiện các chương trình và dự án do LHQ hỗ trợ và có hiệu lực từ 1/7/2010. HPPMG hướng dẫn xây dựng, quản lý và thực hiện các chương trình và dự án do LHQ hỗ trợ và được hy vọng là công cụ hữu ích để quản lý và thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và từng chương trình, dự án; và sẽ góp phần tăng cường minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. Trong năm 2015, HPPMG đã được rà soát sau 5 năm thực hiện và hiện đang hoàn chỉnh việc cập nhật.

Định mức Chi phí Địa phương trong Hợp tác Phát triển với Việt Nam (Định mức chi phí EU-LHQ)

108. Sau một cuộc khảo sát cơ sở về hệ thống định mức cho các khoản Cho vay và Viện trợ ODA, được thực hiện vào tháng 11/2006 đã phát hiện được nhiều khác biệt lớn về định mức chi phí giữa các nhà tài trợ. Để giải quyết vấn đề này, định mức chi tiêu chung giữa các nhà tài trợ đã được xây dựng. Định mức chi tiêu được ký kết giữa các bên được rà soát thường xuyên để đảm bảo phù hợp với Định mức chi phí của Chính phủ và phản ánh được thay đổi giá cả thị trường.

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

109. Các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ sẽ hỗ trợ xây dựng và thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Những hoạt động này có thể bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ tiền mặt, cung cấp hàng hóa và thiết bị, dịch vụ mua sắm, đi lại, kinh phí cho các hoạt động vận động, nghiên cứu, tư vấn, xây dựng chương trình, giám sát và đánh giá, các hoạt động đào tạo và hỗ trợ về nhân sự. Một phần hỗ trợ của các cơ quan trong hệ thống LHQ có thể được cung cấp tới các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ như thống nhất trong khuôn khổ từng kế hoạch hoạt động và văn kiện dự án.

110. Những hỗ trợ bổ sung có thể gồm tiếp cận với các hệ thống thông tin toàn cầu của các cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ, mạng lưới các văn phòng quốc gia và các hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan LHQ, bao gồm danh sách tư vấn cũng như các nhà cung cấp dịch vụ phát triển, và tiếp cận với những hỗ trợ do mạng lưới các cơ quan chuyên môn, các quỹ và các chương trình của LHQ cung cấp.
111. Các cơ quan của hệ thống LHQ sẽ cử cán bộ và chuyên gia để tham gia các hoạt động xây dựng chương trình, hỗ trợ chương trình và hỗ trợ kỹ thuật, cũng như các hoạt động giám sát và đánh giá.
112. Tùy theo đánh giá kiểm điểm hàng năm và tiến độ thực hiện chương trình, nguồn vốn của các cơ quan LHQ sẽ được phân bổ theo năm và phù hợp với Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Ngân sách này sẽ được xem xét và chi tiết hóa kỹ hơn trong kế hoạch hoạt động và văn kiện dự án. Theo thống nhất giữa Chính phủ và các cơ quan LHQ, đối với các nguồn vốn mà các nhà tài trợ không yêu cầu phân bổ cho hoạt động cụ thể nào của các cơ quan LHQ có thể dùng để tái phân bổ cho các hoạt động khác của chương trình.
113. Chính phủ và LHQ sẽ cùng nỗ lực xác định và huy động các nguồn tài chính cho phần chưa được huy động từ nguồn chính để thực hiện Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021. Theo kinh nghiệm thực hiện các Kế hoạch chung trước đây tại Việt Nam, các cơ chế phù hợp sẽ được thiết kế nhằm đảm bảo các cơ hội cùng đầu tư và chia sẻ chi phí giữa LHQ và Chính phủ được linh hoạt.
114. LHQ và Chính phủ sẽ tiếp tục xem xét sử dụng các cơ chế quỹ tín thác hiện có và sẽ có đề hỗ trợ huy động nguồn lực nhằm hoàn thành Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Chiến lược huy động nguồn lực chung sẽ được LHQ và Chính phủ cùng xây dựng để định hướng các nỗ lực chung và đảm bảo sự thành công của những nỗ lực này.



V. KHUNG NGÂN SÁCH CHUNG VÀ QUỸ KẾ HOẠCH CHUNG

KHUNG NGÂN SÁCH CHUNG

115. Khung Ngân sách chung là khung tài chính tổng hợp nguồn ngân sách dự kiến cần, nguồn ngân sách sẵn có và ngân sách dự kiến huy động của các cơ quan LHQ nhằm đạt được kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Khung Ngân sách chung dự kiến sẽ là tài liệu tham chiếu duy nhất và tổng quát về tình hình tài chính của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 vào mọi thời điểm trong giai đoạn 5 năm.

116. Tổng dự toán ngân sách để đạt được các kết quả về mặt chương trình của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 là 423.348.650 đô la Mỹ. Con số này bao gồm 96.254.080 đô la Mỹ từ nguồn ngân sách thường xuyên,⁴⁴ nguồn ngân sách chính hoặc đã được huy động (đã được đảm bảo), và 327.094.570 đô la Mỹ từ các nguồn khác⁴⁵ (đã được đảm bảo hoặc sẽ huy động) cho bốn lĩnh vực trọng tâm của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

117. Yêu cầu nguồn lực chung để đạt được kết quả theo chương trình của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Đơn vị: đô la Mỹ

Lĩnh vực trọng tâm	Kết quả	Nguồn lực thường xuyên	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	Nguồn lực cần huy động	Tổng
FA1	1.1	22.601.366	1.308.800	46.643.830	70.553.996
	1.2	18.653.595	12.624.143	53.238.501	84.516.239
	1.3	2.677.180	708.800	14.258.834	17.644.814
Tổng phụ		43.932.141	14.641.743	114.141.165	172.715.049
FA2	2.1	8.198.300	11.588.800	50.163.400	69.950.500
	2.2	2.047.100	20.731.800	21.941.200	44.720.100
Tổng phụ		10.245.400	32.320.600	72.104.600	114.670.600
FA3	3.1	6.107.250	8.137.050	21.432.950	35.677.250
	3.2	6.663.500	4.208.800	8.600.000	19.472.300
Tổng phụ		12.770.750	12.345.850	30.032.950	55.149.550
FA4	4.1	17.699.763	2.874.569	22.705.712	43.280.044
	4.2	11.606.026	5.952.922	19.974.459	37.533.407
Tổng phụ		29.305.789	8.827.491	42.680.171	80.813.451
Tổng		96.254.080	68.135.684	258.958.886	423.348.650

⁴⁴ **Nguồn thường xuyên:** đây là dòng vốn đến từ những cam kết có tính dự báo cao hơn hàng năm hoặc hai năm một lần hoặc là các khoản đóng góp đã được đánh giá từ các nước thành viên (đặc biệt trong trường hợp các Quỹ và các Chương trình - trong đó cơ quan quản lý các Quỹ và Chương trình quyết định các gói ngân sách chính cho toàn bộ chu kỳ thực hiện chương trình). Do đặc tính này và do chu kỳ có thể biết trước được (mặc dù tổng ngân sách mỗi lần có thể khác nhau) nên nguồn vốn này có thể xác định được với tính dự báo rất cao trong toàn bộ chu kỳ chương trình. Nguồn vốn từ các cơ quan chuyên môn khác nhau tuân thủ theo những chu kỳ ngân sách khác nhau và mức độ sẵn có của các nguồn vốn này do các cơ chế tài trợ riêng rẽ tuyên bố theo quy định của các cơ quan quản lý nguồn vốn. Dự tính ngân sách trong những trường hợp này là những dự tính trong điều kiện tốt nhất.

⁴⁵ **Nguồn không thường xuyên (nguồn khác):** Những nguồn tiền không thuộc nguồn chính/bổ sung và được phân bổ cụ thể, có tính dự báo thấp hơn và phụ thuộc vào nỗ lực huy động nguồn lực cả ở cấp quốc gia và toàn cầu. Tuy nhiên, những loại nguồn có mục tiêu chi rõ ràng (ở cấp toàn cầu thường gọi là các khoản vốn theo "lĩnh vực") không cho phép các cơ quan LHQ hoặc UNCT sử dụng linh hoạt cho việc khác. Nguồn lực từ các thỏa thuận chia sẻ chi phí với nhà tài trợ cho các dự án cụ thể (không thuộc các loại hình liệt kê ở trên) cũng được đưa vào dự kiến. Dự kiến các nguồn lực khác có xét tới (i) những nguồn lực đã được đảm bảo, cũng như những nguồn lực đã được cam kết mạnh mẽ và/hoặc đề xuất chắc chắn và (ii) phần thiếu hụt tài chính, đòi hỏi có nỗ lực huy động của một cơ quan LHQ hoặc của UNCT.

118. Ngân sách chỉ mang tính dự kiến và là cơ sở để huy động nguồn lực. Tổng ngân sách đối với các nguồn thường xuyên cũng mang tính dự kiến vì nguồn ngân sách này có thể còn phụ thuộc vào cơ quan quản lý của các cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ cũng như các quyết định quản lý trong nội bộ LHQ.
119. Khung ngân sách chung hàng năm hoặc hai năm sẽ được xây dựng cùng với kế hoạch hoạt động hàng năm/hai năm của các Nhóm Kết quả LHQ để thông tin về các yêu cầu nguồn lực cho thực hiện kế hoạch hoạt động của các Nhóm Kết quả đó.
120. Chính phủ, thông qua các cơ quan đối tác thực hiện, sẽ có những khoản đóng góp đối ứng cần thiết cho việc thực hiện các dự án chung hoặc của từng cơ quan cụ thể và các chương trình dự án được xây dựng trong Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021.
121. Ngoài các yêu cầu về ngân sách được chi tiết hóa trong ma trận kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, và được tóm tắt ở trên, còn có yêu cầu ngân sách khác liên quan tới việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Các yêu cầu này bao gồm chi phí cho nhân sự và hoạt động của Văn phòng Điều phối viên thường trú và Nhóm Truyền thông LHQ, và các mục khác. Trước đây, những chi phí này được lấy từ các nguồn lực huy động riêng từ Kế hoạch chung.

QUỸ KẾ HOẠCH CHUNG

122. Quỹ Kế hoạch chung tại Việt Nam được xây dựng nhằm hỗ trợ cho việc huy động, phân bổ và giải ngân nguồn lực một cách nhất quán cho Kế hoạch chung, dưới sự chỉ đạo của Điều phối viên thường trú LHQ. Quỹ Kế hoạch chung là phương tiện để các nhà tài trợ huy động nguồn lực ở cấp quốc gia nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện mục tiêu của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 cũng như những sáng kiến mới đáp ứng nhu cầu mới nổi trong bối cảnh của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.
123. Văn bản pháp lý về hoạt động của Quỹ Kế hoạch chung gồm:
- Bản ghi nhớ giữa các cơ quan LHQ tham gia, Cơ quan quản lý hành chính Quỹ và Điều phối viên thường trú LHQ;
 - Điều khoản tham chiếu của Quỹ Kế hoạch chung, trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, cơ cấu quản trị và quản lý, quy định về kiểm toán và báo cáo của Quỹ Kế hoạch chung; và
 - Thoả thuận Hành chính chuẩn giữa các nhà tài trợ và Cơ quan quản lý hành chính Quỹ.
124. Văn phòng Quỹ Tín thác Đa biên tại New York cung cấp dịch vụ quản lý hành chính cho Quỹ Kế hoạch chung. Tất cả thông tin tài chính được đăng tải trên trang web: <http://mptf.undp.org/>.



VI. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

125. LHQ và Chính phủ cùng có trách nhiệm giám sát và đánh giá Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021, phù hợp với trách nhiệm chung trong việc thực hiện Kế hoạch. Kết quả nêu trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và kết quả thực hiện lồng ghép các chiến lược Thống nhất hành động sẽ được cả hai bên giám sát và đánh giá theo các cách tiếp cận của LHQ về quản lý dựa vào kết quả, nêu trong Sổ tay hướng dẫn Quản lý theo kết quả của UNDG.
126. Các kiến nghị và đề xuất về giám sát và đánh giá nêu trong Báo cáo Rà soát độc lập Kế hoạch chung 2012-2016 và Kiểm toán Thống nhất hành động sẽ cung cấp thông tin cho việc xây dựng các công cụ giám sát phù hợp với điều kiện và các hoạt động đánh giá. Sự gắn kết giữa nỗ lực giám sát ở cấp cơ quan tham gia hệ thống LHQ và Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được thúc đẩy để đảm bảo hiệu quả cao hơn. LHQ sẽ bảo đảm có đủ năng lực hỗ trợ cho việc tổ chức giám sát, báo cáo và đánh giá.
127. Giám sát Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 cũng sẽ phù hợp, trong phạm vi có thể nhất, với hệ thống quốc gia về thông tin, thống kê cũng như đánh giá và giám sát để tăng cường quyền làm chủ và trách nhiệm giải trình chung đối với các kết quả do LHQ và các đối tác trong nước thực hiện thành công. Do Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 lấy các mục tiêu SDG làm trọng tâm nên các chỉ số trong Khung Kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 đã được lựa chọn kỹ lưỡng từ các chỉ số SDG được thông qua trên toàn cầu. Hy vọng rằng khung kết quả này sẽ hỗ trợ sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia, trong khi vẫn đảm bảo được rằng LHQ hỗ trợ nghiên cứu và/hoặc khảo sát ban đầu, khi chưa có dữ liệu từ các hệ thống quốc gia, nhất là dữ liệu đã phân tách. Sử dụng và xây dựng dữ liệu đã phân tách được coi có vai trò quan trọng để hỗ trợ mong muốn của Chương trình nghị sự 2030 là không để ai bị tụt lại.
128. Ở cấp thực hiện, kế hoạch hoạt động chung là cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, báo cáo và đánh giá Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021 dựa vào kết quả. Kết quả chung ngắn hạn và trung hạn sẽ được giám sát thông qua một số chỉ số định lượng và chuẩn đối sánh phù hợp vốn đã được xác định dựa vào khả năng đạt được các yếu tố cơ bản để thành công. Sẽ đặc biệt chú trọng tới xây dựng và áp dụng các công cụ để đo lường kết quả nghiên cứu, tư vấn và vận động chính sách. Cũng sẽ chú ý tới giám sát các chủ đề xuyên suốt đã nêu trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, bao gồm quyền con người, bình đẳng giới, tham gia và hỗ trợ xây dựng cũng như sử dụng dữ liệu.
129. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được định kỳ rà soát và điều chỉnh nếu cần để đảm bảo luôn phù hợp. Báo cáo kết quả sẽ được chuẩn bị vào giữa và cuối chu kỳ thực hiện, trong đó nêu bật đóng góp quan trọng cho kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và phản ánh bài học kinh nghiệm chính. Các lĩnh vực trọng tâm và/hoặc kết quả sẽ được cập nhật thường xuyên, giúp đảm bảo cho việc phân tích thách thức và bài học kinh nghiệm có thể đưa thông tin phản hồi kịp thời cho quá trình ra quyết định quản lý và đảm bảo sao cho các đối tác Thống nhất hành động được cung cấp thông tin về tiến độ thực hiện.
130. Sẽ phối hợp với Chính phủ thực hiện đánh giá tin cậy, độc lập, công bằng và minh bạch Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 để xác định thành tựu chính, bài học kinh nghiệm, thực hành tốt, khó khăn cũng như thách thức cần có biện pháp khắc phục, và thông tin cho việc xây dựng khung chiến lược tiếp theo. Đánh giá này sẽ có cân nhắc đến thực tế rằng Kế hoạch

Chiến lược chung 2017-2021 được thực hiện trong bối cảnh Sáng kiến Thống nhất hành động. Đánh giá sẽ được thiết kế và thực hiện theo định mức và tiêu chuẩn của Nhóm Đánh giá LHQ (UNEG). Lịch đánh giá cho giai đoạn 2017-2021 và kho báo cáo đánh giá các dự án cũng như chương trình sẽ được xây dựng và cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo Đánh giá Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ dựa vào các bằng chứng sẵn có và được lập kế hoạch kịp thời, tránh trùng lặp với hoạt động đánh giá cụ thể của từng cơ quan LHQ.

131. Các cơ quan thực hiện của Chính phủ nhất trí phối hợp với các cơ quan LHQ để tiến hành giám sát tất cả các hoạt động được hỗ trợ bằng kinh phí chuyển khoản và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với hồ sơ tài chính liên quan và nhân sự chịu trách nhiệm quản lý kinh phí do các cơ quan LHQ cung cấp. Trên tinh thần đó, các cơ quan thực hiện của Chính phủ nhất trí với các hoạt động sau:

- Các cơ quan LHQ hoặc đại diện của các cơ quan này tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất tại chỗ hồ sơ tài chính; nếu phù hợp, và theo quy định tại các điều khoản cụ thể của các văn kiện liên quan và hợp đồng với các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ.
- Giám sát theo chương trình đối với các hoạt động, trên cơ sở các tiêu chuẩn và hướng dẫn của các cơ quan LHQ về đi thực địa và giám sát hiện trường.
- Mỗi cơ quan LHQ, phối hợp với các cơ quan LHQ khác (nếu muốn và tham vấn ý kiến của Bộ điều phối liên quan), sẽ xây dựng một kế hoạch kiểm toán hàng năm, trong đó ưu tiên kiểm toán các đối tác thực hiện nhận được lượng kinh phí tài trợ lớn từ các cơ quan LHQ và những cơ quan thực hiện cần nâng cao năng lực quản lý tài chính.



VII. CAM KẾT CỦA TẤT CẢ CÁC BÊN

CAM KẾT CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Chính phủ

132. Chính phủ, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan LHQ, sẽ làm tất cả trong phạm vi quyền hạn của mình để đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Chính phủ sẽ cung cấp và tập hợp kết quả, dữ liệu, số liệu thống kê và các thông tin khác để các cơ quan LHQ có thể phân tích và đánh giá kết quả cũng như thành công của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021. Thành công của Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021 cũng sẽ phụ thuộc vào cán bộ liên quan của các cơ quan thực hiện. Các cơ quan thực hiện của Chính phủ sẽ cung cấp cán bộ có năng lực của mình, có kỹ năng kỹ thuật cần thiết, và cung cấp thời gian cũng như nguồn lực cần để thực hiện thành công kết quả dự kiến. Các cơ quan LHQ sẽ cố gắng xây dựng năng lực cho cán bộ chính phủ và qua đó tạo điều kiện thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

133. Chính phủ, thông qua các đối tác thực hiện, sẽ đảm bảo sao cho các đóng góp đối ứng kịp thời và đầy đủ để thực hiện Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021.

134. Chính phủ sẽ ủng hộ nỗ lực của các cơ quan LHQ trong việc vận động vốn để đáp ứng nhu cầu của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 và sẽ hợp tác với các cơ quan LHQ. Hỗ trợ này bao gồm: khuyến khích Chính phủ của nhà tài trợ tiềm năng cung cấp vốn cần thiết cho các cơ quan của hệ thống LHQ để thực hiện các hợp phần chưa có kinh phí của chương trình và tiếp tục các cuộc đối thoại về một khung chương trình và cơ chế giúp thúc đẩy nỗ lực huy động nguồn lực của các cơ quan LHQ cho Kế hoạch này từ khu vực tư nhân, cả trong nước và quốc tế cũng như từ các cá nhân, các công ty và các quỹ tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện⁴⁶

135. Các khoản tiền mặt hỗ trợ cho đi lại, lương, thù lao và các chi phí khác sẽ được quy định ở mức tương xứng với các mức áp dụng trong nước, nhưng không cao hơn mức của LHQ (như đã nêu trong các thông tư của Ủy ban Dịch vụ dân sự quốc tế).

136. Các cơ quan thực hiện sẽ sử dụng báo cáo FACE (Phê duyệt ngân sách và Xác nhận chi tiêu) gồm các dòng hoạt động trong kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án, để đề nghị tạm ứng ngân sách hoặc để bảo đảm sự thỏa thuận giữa cơ quan LHQ liên quan sẽ giải ngân hoặc thanh toán trực tiếp cho các khoản chi trong kế hoạch. Cơ quan thực hiện sẽ sử dụng biểu FACE để báo cáo việc sử dụng khoản kinh phí nhận được; chỉ định cán bộ được ủy quyền cung cấp thông tin chi tiết về tài khoản, đề nghị và xác nhận việc sử dụng kinh phí. Biểu FACE sẽ do (các) cán bộ được chỉ định của cơ quan thực hiện ký xác nhận.

137. Kinh phí chuyển cho đối tác thực hiện chỉ được sử dụng cho mục đích của các hoạt động và trong khung thời gian đã được thống nhất trong kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án.

⁴⁶ Các nội dung trong phần này áp dụng cho cơ quan đối tác thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ của các cơ quan LHQ áp dụng Cách tiếp cận hài hòa về chuyển kinh phí (HACT) tại Việt Nam, cụ thể là UNDP, UNFPA và UNICEF.

138. Các cơ quan thực hiện của Chính phủ và các đối tác thực hiện trong nước phải sử dụng kinh phí tiếp nhận được theo đúng các quy định, chính sách và thủ tục đã ban hành của quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, cần đảm bảo khoản tiền đó được sử dụng cho các hoạt động đã thống nhất trong kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án và đảm bảo nộp báo cáo theo quý tình hình sử dụng tất cả các khoản tiền nhận được cho cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ liên quan trong vòng 6 tháng kể từ khi nhận được kinh phí. Trong trường hợp các quy định, chính sách và thủ tục trong nước không thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế thì sẽ áp dụng nguyên tắc, quy định, chính sách và thủ tục tài chính cũng như nguyên tắc, quy định, chính sách và thủ tục khác có liên quan của cơ quan LHQ.
139. Trong trường hợp cơ quan thực hiện là các tổ chức phi chính phủ quốc tế/ tổ chức liên chính phủ quốc tế thì khoản kinh phí nhận được sẽ được sử dụng đúng theo các tiêu chuẩn quốc tế. Tương tự như ở trên, cần đảm bảo khoản tiền đó được sử dụng cho các hoạt động đã thống nhất trong kế hoạch hoạt động hoặc văn kiện dự án và đảm bảo nộp báo cáo tình hình sử dụng tất cả các khoản tiền nhận được cho cơ quan LHQ liên quan trong vòng 6 tháng kể từ khi nhận được kinh phí.
140. Để tạo điều kiện cho việc kiểm toán theo kế hoạch và kiểm toán đột xuất, từng cơ quan thực hiện tiếp nhận kinh phí từ cơ quan LHQ liên quan sẽ tạo điều kiện để cơ quan LHQ hoặc đại diện của cơ quan LHQ đó tiếp cận kịp thời với:
- Toàn bộ sổ sách tài chính tạo thành hồ sơ giao dịch liên quan đến việc chuyển kinh phí từ cơ quan LHQ liên quan và các tài liệu khác liên quan; và
 - Toàn bộ tài liệu và nhân sự liên quan đến hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ của cơ quan thực hiện mà theo đó kinh phí được điều chuyển qua bộ phận này.
141. Phát hiện sau mỗi cuộc kiểm toán sẽ được báo cáo cho cơ quan thực hiện, các cơ quan thuộc hệ thống Chính phủ và cơ quan LHQ liên quan. Sau đó, từng cơ quan thực hiện sẽ:
- Nhận và xem xét báo cáo kiểm toán do cơ quan kiểm toán phát hành;
 - Kịp thời đưa ra ý kiến chấp nhận hoặc bác bỏ khuyến nghị của cơ quan kiểm toán với cơ quan cấp kinh phí của LHQ để cơ quan kiểm toán đưa các ý kiến này vào báo cáo kiểm toán cuối cùng trước khi gửi cho cơ quan liên quan đó của LHQ;
 - Kịp thời tiến hành những biện pháp để thực hiện các khuyến nghị của cơ quan kiểm toán đã được chấp nhận; và
 - Hàng quý, báo cáo với các cơ quan LHQ về những hoạt động đã triển khai nhằm thực hiện các khuyến nghị đã được chấp nhận.
142. Trong trường hợp chuyển tiền trực tiếp hay hoàn ứng, các cơ quan tham gia của LHQ sẽ thông báo cho cơ quan thực hiện về khoản tiền đã được các cơ quan tham gia của LHQ phê duyệt và sẽ giải ngân cho cơ quan thực hiện trong vòng 30 ngày.
143. Trong trường hợp thanh toán trực tiếp các nghĩa vụ của đối tác thực hiện cho bên cung ứng dịch vụ hoặc bên thứ ba, trên cơ sở yêu cầu thanh toán do cán bộ được chỉ định của đối tác thực hiện ký, hoặc các nghĩa vụ của các cơ quan LHQ đối với bên cung ứng dịch vụ hoặc bên thứ ba nhằm hỗ trợ các hoạt động đã được thỏa thuận với các đối tác thực hiện, các cơ quan tham gia của LHQ sẽ thực hiện thanh toán trong vòng 30 ngày.

144. Các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm trực tiếp nào theo thỏa thuận hợp đồng được ký kết giữa cơ quan thực hiện và bên cung ứng dịch vụ thứ ba.

145. Khi các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ và cơ quan LHQ khác chuyển kinh phí cho cùng một cơ quan thực hiện thì tất cả các cơ quan LHQ sẽ cùng nhau tiến hành hoặc điều phối việc giám sát chương trình, giám sát tài chính và kiểm toán.

CAM KẾT CỦA LHQ

146. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 thể hiện cam kết đầy đủ của các cơ quan tham gia trong hệ thống LHQ nhằm tìm kiếm kinh phí và hỗ trợ ưu tiên quốc gia như thể hiện trong kết quả phát triển nêu tại Chương II (Kết quả của Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021) và cung



VIII. BỐI CẢNH PHÁP LÝ

cấp hỗ trợ một cách hiệu quả nhất theo nguyên tắc về hiệu quả viện trợ đã đưa ra trong Tuyên bố Paris và Tuyên bố chung Hà Nội.

147. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 đề cập đến các hoạt động về mặt chương trình được thực hiện từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và sẽ có hiệu lực sau khi văn kiện được tất cả các bên liên quan ký kết.
148. Chính phủ sẽ tôn trọng các cam kết với từng cơ quan tham gia của LHQ theo các điều khoản của Thoả thuận cơ bản tương ứng nêu trong Phụ lục I.i.
149. Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 liên quan tới và điều chỉnh tất cả văn kiện dự án được ký giữa Chính phủ và bất kỳ cơ quan LHQ nào sau ngày ký Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021, và không có hiệu lực đối với những văn kiện chương trình hoặc dự án được ký với Chính phủ trước ngày đó.
150. Nội dung của phần chú thích bên dưới cũng như các Phụ lục của tài liệu này là một phần không thể tách rời và có giá trị pháp lý như nội dung chính của Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021.

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

151. Trong trường hợp có bất cứ thay đổi quan trọng nào đòi hỏi phải thay đổi các mục tiêu hoặc kéo dài thời gian và mở rộng phạm vi của các hợp phần của chương trình đã nêu trong kế hoạch, Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 có thể điều chỉnh với sự đồng thuận của các bên và bằng văn bản như sau:
 - a. Nếu thay đổi do Chính phủ đề xuất, Chính phủ sẽ chính thức yêu cầu Điều phối viên thường trú và các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ, và những sửa đổi phù hợp đối với Kế hoạch chung 2017-2021 sẽ được tiến hành sau khi hoàn tất các thủ tục liên quan.
 - b. Nếu thay đổi do các cơ quan tham gia của hệ thống LHQ đề xuất, các cơ quan LHQ liên quan sẽ thông qua Điều phối viên thường trú LHQ chính thức yêu cầu Chính phủ Việt Nam, và những sửa đổi phù hợp đối với Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 sẽ được tiến hành sau khi hoàn tất các thủ tục liên quan.

CHẤM DỨT KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

152. Trong trường hợp một bên không làm tròn nghĩa vụ của mình theo Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 này:
 - a. Nếu bên sai phạm là một trong các cơ quan của LHQ thì Chính phủ có thể: (i) tạm dừng việc thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với bên sai phạm và thông báo với bên đó bằng văn bản về quyết định này hoặc (ii) chấm dứt Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 với bên sai phạm và thông báo với bên đó bằng văn bản trước sáu mươi (60) ngày về quyết định này.

- b. Nếu bên sai phạm là Chính phủ thì cơ quan LHQ liên quan sẽ đơn phương hoặc cùng với tất cả các cơ quan khác của LHQ, có thể: (i) tạm dừng việc thực hiện các nghĩa vụ của mình và thông báo với bên sai phạm bằng văn bản về quyết định này hoặc (ii) chấm dứt Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 bằng cách thông báo với bên sai phạm bằng văn bản trước sáu mươi (60) ngày.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

153. Mọi tranh chấp giữa Chính phủ và một cơ quan tham gia của hệ thống LHQ sẽ được giải quyết theo các điều khoản trong Thỏa thuận cơ bản giữa cơ quan đó với Chính phủ, được nêu trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 này. Mọi tranh chấp giữa các cơ quan LHQ sẽ được giải quyết riêng giữa các cơ quan LHQ bằng các cách đã được xác định trong cơ chế giải quyết tranh chấp đã được UNDG thông qua.

CÔNG ƯỚC CỦA LHQ VỀ QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ

154. Chính phủ sẽ áp dụng các điều khoản trong Công ước về Quyền ưu đãi và miễn trừ của LHQ⁴⁷, trong trường hợp có thể được, đối với quyền sở hữu, vốn, tài sản, cán bộ và các chuyên gia của các cơ quan này đến làm việc tại Việt Nam. Ngoài ra, Chính phủ sẽ dành cho các cơ quan LHQ và các cán bộ hoặc những người khác đại diện thực hiện công việc của các cơ quan này quyền ưu đãi, miễn trừ và các điều kiện như quy định trong các văn bản thỏa thuận về hợp tác và hỗ trợ giữa các Cơ quan LHQ và Chính phủ. Chính phủ chịu trách nhiệm giải quyết mọi trường hợp khiếu kiện, có thể từ bên thứ ba đối với Cơ quan LHQ liên quan, cán bộ, chuyên gia đến làm việc tại Việt Nam, hoặc những người khác đại diện thực hiện công việc của các cơ quan này và đảm bảo họ không bị phung phí do bất kỳ khiếu kiện và trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ các hoạt động trong khuôn khổ các thỏa thuận về hợp tác và hỗ trợ liên quan, trừ trường hợp có bất cứ khiếu kiện và trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ các hoạt động theo các thỏa thuận về hợp tác và hỗ trợ, trừ trường hợp cả Chính phủ và Cơ quan LHQ cụ thể cùng nhất trí rằng khiếu kiện và các trách nhiệm pháp lý đó là do sơ suất hoặc hành vi cố ý sai trái của Cơ quan LHQ đó hoặc của cán bộ hoặc những người khác đại diện thực hiện công việc của cơ quan đó.

- a. Thỏa thuận này không bao hàm sự khước từ của LHQ hay bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức nào của LHQ đối với bất kỳ quyền ưu đãi hoặc miễn trừ nào mà các cơ quan này được hưởng hoặc sự chấp nhận của các cơ quan này với quyền xét xử của các tòa án của bất cứ quốc gia nào đối với các tranh chấp phát sinh từ Thỏa thuận này.
- b. Không nội dung nào trong văn bản này hoặc liên quan đến văn bản này được coi là sự từ bỏ, một cách rõ ràng hay ngụ ý, quyền ưu đãi và miễn trừ của LHQ và/hoặc các cơ quan trực thuộc, theo Công ước về quyền ưu đãi và miễn trừ của LHQ ngày 13 tháng 2 năm 1946, và không có điều khoản nào trong Kế hoạch Chiến lược chung 2017-2021 này hoặc bất kỳ Hợp đồng hoặc Cam kết nào được diễn giải hoặc áp dụng theo cách, hoặc ở mức độ mâu thuẫn với các quyền ưu đãi và miễn trừ đó.

⁴⁷ Ngoài ra, theo như Thỏa thuận Hợp tác và Hỗ trợ, hoặc Thỏa thuận Cơ bản trong nhiều trường hợp đã ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Cơ quan chuyên môn thì Chính phủ sẽ áp dụng các điều khoản phù hợp trong Công ước về Quyền ưu đãi và miễn trừ đối với các cơ quan chuyên môn cho Cơ quan cũng như nhân viên, ngân sách, tài sản của Cơ quan này.



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I.i - THỎA THUẬN HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ

	Cơ quan	Thỏa thuận	Ngày ký
1	FAO	Hiệp định đại diện ký kết giữa FAO của LHQ và Chính phủ ngày 27 tháng 1 năm 1978	27/01/1978
2	IAEA	Hiệp định sửa đổi bổ sung về cung cấp hỗ trợ kỹ thuật của IAEA (RSA) Hiệp định thứ năm để mở rộng Hiệp định khu vực năm 1987 về Hợp tác Nghiên cứu, Phát triển và Đào tạo liên quan đến Khoa học và Công nghệ hạt nhân (RCA)	01/05/1983 18/02/2012
3	ILO	Hiệp định về việc thành lập văn phòng ILO tại Hà Nội đã được ký kết ngày 04 tháng 2 năm 2002	04/02/2002
4	IOM	IOM đã ký Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác (MOU) với Chính phủ Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 (thay thế Bản ghi nhớ ngày 26 tháng 9 năm 1991 trước đó)	19/08/2010
5	ITC	Hiệp định cơ bản chuẩn do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 sẽ được áp dụng với ITC với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978
6	UNAIDS	UNAIDS đã hoạt động tại Việt Nam từ năm 1996, cũng trong khuôn khổ UNDP SBAA, và được công nhận là có tư cách tương đương với một cơ quan đầy đủ	21/03/1978
7	UNCTAD	SBAA do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 được áp dụng với UNCTAD với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978
8	UNDP	Chính phủ và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (sau đây gọi tắt là UNDP) đã tham gia một thỏa thuận cơ bản để quản lý hỗ trợ của UNDP cho quốc gia (Hiệp định cơ bản tiêu chuẩn (SBAA) ngày 21 tháng 3 năm 1978	21/03/1978
9	UNEP	Chiến lược phát triển trung hạn đã được Đại hội đồng LHQ về môi trường thông qua và các Chương trình hoạt động cho giai đoạn 2014-2017, 2018-2021	Tháng 5/2014
10	UNESCO	Thỏa thuận liên quan đến việc thành lập văn phòng UNESCO tại Hà Nội, Việt Nam đã được ký kết với Chính phủ ngày 13 tháng 9 năm 1999	13/09/1999
11	UNFPA	Hiệp định cơ bản chuẩn do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 sẽ được áp dụng với UNFPA với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978

	Cơ quan	Thỏa thuận	Ngày ký
12	UN-Habitat	UN-Habitat hoạt động dưới sự quản lý của UNDP	18/10/2008
13	UNICEF	Hiệp định hợp tác cơ bản (BCA) đã được ký kết giữa Chính phủ và UNICEF vào ngày 12 tháng 2 năm 1979	12/02/1979
14	UNIDO	SBAA do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 được áp dụng với UNIDO với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978
15	UNODC	SBAA do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 được áp dụng với UNODC với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978
16	UNV	UNV hoạt động dưới sự quản lý của UNDP	11/09/2003
17	UN Women	SBAA do UNDP và Chính phủ ký kết ngày 21 tháng 3 năm 1978 được áp dụng với UN Women với những sửa đổi chi tiết cho phù hợp	21/03/1978
18	WHO	Hiệp định cơ bản được ký kết giữa Chính phủ và WHO ngày 06 tháng 2 năm 1980 và Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 này, cùng với các kế hoạch hoạt động hai năm một lần, là các kế hoạch hợp tác được đề cập đến trong Hiệp định cơ bản	06/02/1980

PHỤ LỤC I.ii - NGÂN SÁCH CHO KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG THEO TỪNG CƠ QUAN

Đơn vị: Đô la Mỹ

Cơ quan	Nguồn lực thường xuyên (a)	Nguồn lực khác (được đảm bảo) (b)	Nguồn lực cần huy động (c)	Tổng (d) = (a)+(b)+(c)
FAO	4.350.000	15.900.000	9.800.000	30.050.000
IAEA	961.900	1.213.000	212.200	2.387.100
ILO	13.192.500	4.000.000	17.500.000	34.692.500
IOM		3.000.000	3.000.000	6.000.000
UNAIDS	206.749	230.000	1.586.818	2.023.567
UNCTAD	1.400.000	100.000	1.150.000	2.650.000
UNDP	23.301.000	21.750.000	88.250.000	133.301.000
UNEP	1.500.000	-	2.000.000	3.500.000
UNESCO	749.000	2.100.000	5.750.000	8.599.000
UNFPA	16.200.000	-	6.800.000	23.000.000
UN-Habitat		2.600.000	9.300.000	11.900.000
UNICEF	22.110.000	-	50.000.000	72.110.000
UNIDO	130.000	8.800.000	16.450.000	25.380.000
UNODC	-	5.000.000	7.395.000	12.395.000
UNV	50.000	130.280	582.320	762.600
UN Women	1.701.000	-	4.200.000	5.901.000
WHO	10.374.431	3.312.404	32.232.548	45.919.383
Tổng	96.254.080	68.135.684	258.958.886	423.348.650

PHỤ LỤC I.iii - CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ AN NINH CỦA UNDP

Bất kỳ phụ lục bổ sung nào nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của một cơ quan của hệ thống LHQ sẽ là thỏa thuận song phương giữa cơ quan đó với Chính phủ.

Mỗi cơ quan thực hiện cam kết nỗ lực đảm bảo không sử dụng bất kỳ một khoản kinh phí nào nhận được từ UNDP theo Văn kiện Dự án (Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021 và Kế hoạch hoạt động liên quan) để hỗ trợ cho các cá nhân và tổ chức dính líu tới khủng bố và đảm bảo rằng không một đơn vị nhận kinh phí nào của UNDP dưới đây có tên trong danh sách của Ủy ban Hội đồng Bảo an được thành lập theo nghị quyết số 1267 (1999). Có thể truy cập danh sách này trên trang web <https://www.un.org/sc/suborg/en/sanctions/un-sc-consolidated-list>. Điều khoản này phải được ghi rõ trong tất cả các hợp đồng phụ hay thỏa thuận phụ ký kết trong khuôn khổ hoặc bổ sung thêm cho từng Dự án cụ thể dưới đây.

Nội dung ở trên cũng được áp dụng cho các Dự án trong Kế hoạch chung này khi cơ quan thực hiện là một tổ chức liên chính phủ có ký thỏa thuận cơ bản tiêu chuẩn với UNDP.

Khi UNDP và các cơ quan khác của LHQ là cơ quan thực hiện, các cơ quan này sẽ phải a) tuân thủ các chính sách, thủ tục và các quy định của hệ thống quản lý an ninh và an toàn LHQ và b) nỗ lực đảm bảo không sử dụng bất cứ khoản kinh phí dự án/kinh phí của UNDP nào nhận được theo Văn kiện Dự án để hỗ trợ cho các cá nhân và tổ chức dính líu tới khủng bố và đảm bảo rằng không một đơn vị nhận kinh phí nào của UNDP dưới đây có tên trong danh sách của Ủy ban Hội đồng Bảo an được thành lập theo nghị quyết số 1267 (1999). Có thể truy cập danh sách này trên trang web <https://www.un.org/sc/suborg/en/sanctions/un-sc-consolidated-list>. Điều khoản này cũng cần được ghi rõ trong tất cả các hợp đồng phụ hay thỏa thuận phụ ký kết trong khuôn khổ từng Văn kiện dự án.

PHỤ LỤC I.IV - KHUNG KẾT QUẢ VÀ NGUỒN LỰC CỦA KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC CHUNG 2017-2021

Ghi chú:

- Các cơ quan LHQ sẽ phân công đầu mối để cung cấp số liệu cho các chỉ số (khi các số liệu được công bố) để tổng hợp thành Cơ sở dữ liệu Kế hoạch Chiến lược Chung. Việc hoàn thành chỉ tiêu là trách nhiệm chung của các cơ quan LHQ, Chính phủ và các đối tác nhằm đóng góp vào kết quả mong đợi.
- Khung kết quả này sẽ được điều chỉnh và cập nhật qua cơ chế kiểm điểm hàng năm cho thống nhất với Chương trình hành động quốc gia SDG và Bộ chỉ số VSDG do Chính phủ ban hành.

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 1: ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI

Các dịch vụ xã hội chất lượng và hệ thống bảo trợ xã hội công bằng, toàn diện được triển khai nhằm đảm bảo người dân Việt Nam được sống khỏe mạnh, được giáo dục, thoát khỏi đói nghèo và giúp phát huy tối đa tiềm năng của người dân.

Kết quả 1.1: Giảm nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương

Đến năm 2021, tất cả người dân đều được hưởng lợi từ các hệ thống bảo trợ xã hội cũng như các dịch vụ hỗ trợ giảm nghèo toàn diện và công bằng nhằm giảm tình trạng nghèo đa chiều và dễ bị tổn thương.

Lý do:

Mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ ấn tượng trong nhiều lĩnh vực phát triển xã hội và thực tế đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu MDG, nhưng những mục tiêu MDG chưa hoàn thành hiện nay lại liên quan đến các nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương như các cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng dân cư vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, tình trạng dễ bị tổn thương không chỉ tồn tại ở những cộng đồng này: những hình thức nghèo đa chiều và thiệt thòi mới cũng đã xuất hiện. Các nhóm dân cư lớn như các nhóm “cận nghèo” và người lao động thu nhập trung bình thấp thuộc khu vực không chính thức dễ bị tổn thương trước những cú sốc bất ngờ nhưng lại không được tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội vì các dịch vụ này chủ yếu hướng vào người lao động trong những khu vực chính thức và những người nghèo nhất. Nhóm “dân số trung bình dễ bị bỏ qua” này cùng với các nhóm khác như người dân nhập cư, phụ nữ, người cao tuổi, trẻ vị thành niên, trẻ em, người khuyết tật, người nhiễm HIV và người có xu hướng tình dục và bản dạng giới khác biệt là những đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương. Trách nhiệm chăm sóc gia đình không cùng cơ hội việc làm bất bình đẳng đã làm gia tăng tình trạng thiệt thòi về mặt kinh tế - xã hội và tình trạng dễ bị tổn thương nhiều tầng cho phụ nữ. Để chương trình nghị sự 2030 thành công đòi hỏi phải thay đổi phương pháp tiếp cận tổng hợp để có thể cải thiện năng lực hệ thống trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội đồng thời đa hóa tiềm năng của mỗi cá nhân giúp họ tham gia và đóng góp vào hoạt động phát triển đất nước. Việc thực hiện thành công các mục tiêu SDG và đạt được các kết quả trong khuôn khổ Chiến lược chung giai đoạn 2017 – 2021 sẽ phụ thuộc vào việc thực hiện thành công những cải cách có hệ thống và khả năng tiếp cận được mọi người dân thuộc các khu vực khác nhau khi triển khai các chính sách và chương trình lấy người dân làm trung tâm nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và phát huy tối đa tiềm năng của họ.

Những mục tiêu MDG chưa hoàn thành sẽ đòi hỏi những nỗ lực tập trung và liên tục nhằm phổ cập tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng để đối phó với những thách thức có hệ thống là tình trạng dễ bị tổn thương và nghèo đa chiều. Mặc dù lĩnh vực y tế và giáo dục đã đạt được những tiến bộ tích cực nhưng vẫn cần phối hợp nỗ lực nhằm cải thiện các chỉ số chưa hoàn thành liên quan đến các mục tiêu MDG chưa hoàn thành và có liên quan mật thiết với nhau như gánh nặng kép do bệnh tật gây ra, tiến bộ không đồng đều trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, tình dục, sinh sản và trẻ em, tình trạng thất còi và vấn đề vệ sinh. Bên cạnh đó, những mối nguy cơ thường trực từ những tình huống khẩn cấp trong y tế cộng đồng cũng góp phần làm cho những nhóm dân cư này dễ bị tổn thương.

Những dịch vụ xã hội để tiếp cận ở mức giá hợp lý giúp giải phóng phụ nữ và trẻ em gái khỏi những công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công cũng là yếu tố thiết yếu đảm bảo phụ nữ không bị bỏ lại phía sau. Việc giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương một cách hiệu quả thông qua phổ cập tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản chất lượng cao sẽ không chỉ đảm bảo mỗi cá nhân được sống khỏe mạnh và hạnh phúc mà còn đẩy nhanh tiến trình phát triển nguồn nhân lực của quốc gia. Áp lực về tình trạng bất bình đẳng và chênh lệch ngày càng gia tăng đã trở thành một ưu tiên mới của Việt Nam và đòi hỏi phải có biện pháp ứng phó mới đối với những thách thức chính như tình trạng dễ bị tổn thương, nghèo đa chiều và thiệt thòi. Những mục tiêu MDG chưa hoàn thành cũng đặt ra nhu cầu mới đó là cải cách và đổi mới công tác cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản trong đó bao gồm Giáo dục, Y tế và Bảo trợ Xã hội cùng với nhận thức rằng việc giải quyết những vấn đề dễ bị tổn thương và các nguy cơ khác nhau của các cộng đồng dễ bị tổn thương không chỉ đòi hỏi tăng cường kinh tế phải nhanh mà còn cần có sự đầu tư xã hội cao hơn, các phương pháp tiếp cận đa dạng và các biện pháp đổi mới sáng tạo để giải quyết hiệu quả nhiều vấn đề thiếu hụt. Việc cải cách toàn diện các hệ thống bảo trợ xã hội trên một nền tảng bảo trợ xã hội thống nhất và bảo trợ theo toàn bộ chu trình vòng đời sẽ là khởi đầu cho một hệ thống bảo trợ xã hội bao trùm, hiệu quả và thống nhất trong đó mỗi liên kết với các dịch vụ xã hội được cải thiện chính là yếu tố then chốt giúp Việt Nam tiếp tục quỹ đạo phát triển kinh tế và xã hội nhanh trong những năm gần đây.

	Nguồn lực thường xuyên	22.601.366
Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	1.308.800
	Nguồn lực cần huy động	46.643.830
	Tổng	70.553.996
Đối tác chính	Quốc hội, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ NNPTNT, Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Tài Chính, Bộ GDĐT, Bộ VHNT&DL, TCTK, VGCL, VCCI, VCA, DOLISA, CEAMA, VASS, Hội Phụ nữ Việt Nam, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Cơ quan Xúc tiến Thương mại Việt Nam, Hội nghề nghiệp phụ nữ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, cộng đồng dân tộc thiểu số, các nhóm tự lực; các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, các tổ chức nghiên cứu và tư vấn, các đơn vị học thuật, hiệp hội kinh doanh.	
Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp	FAO, ILO, IOM, UNDP, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNV, UN Women, ITC	
Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)
1.1.1. Tỷ lệ người nghèo theo chuẩn quốc tế, phân tổ theo giới tính, tuổi, tình trạng việc làm và vị trí địa lý (thành thị/nông thôn) (Chỉ số SDG 1.1.1)	3,23% sử dụng chuẩn nghèo quốc tế \$1,9PPP (2012)	Giảm tỷ lệ nghèo (sử dụng chuẩn nghèo quốc gia, tức chuẩn nghèo đa chiều) từ 1,0- 1,5% mỗi năm (Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2016-2020)
1.1.2. Tỷ lệ người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia, phân tổ theo giới tính và nhóm tuổi (Chỉ số SDG 1.2.1)	9,88% hộ gia đình nghèo 5,22% hộ gia đình cận nghèo (2016, theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia)	Giảm tỷ lệ nghèo (sử dụng chuẩn nghèo quốc gia, tức chuẩn nghèo đa chiều) từ 1,0- 1,5% mỗi năm (Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2016-2020)
		Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
		Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) (Hai năm một lần)
		Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) (Hai năm một lần)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
1.1.3. Tỷ lệ nghèo ở nam giới, phụ nữ và trẻ em ở mọi lứa tuổi trong tất cả các chiểu nghèo theo chuẩn quốc gia (Chỉ số SDG 1.2.2)	21,3% (theo báo cáo NHDR2015 sử dụng số liệu từ cuộc Điều tra VHLSS 2012)	Giảm tỷ lệ nghèo (sử dụng chuẩn nghèo quốc gia, tức chuẩn nghèo đa chiều) từ 1,0- 1,5% mỗi năm (Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2016-2020)	Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) (Hai năm một lần)
1.1.4. Tỷ lệ dân số nằm trong hệ thống bảo trợ xã hội, phân tổ theo giới tính, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người thất nghiệp, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ có thai, trẻ sơ sinh, nạn nhân tai nạn lao động, người nghèo và người dễ bị tổn thương (Chỉ số SDG 1.3.1)	VSI: 21,1% lực lượng lao động (2014); VHI: 73% dân số (2015); Quỹ hưu trí xã hội (trên 80 tuổi): 1,56 triệu người (70% dân số trên 80 tuổi) (2014); Trợ cấp khuyết tật: 800.000 người khuyết tật nặng và 183.500 người gặp vấn đề tàn tật kinh nghiêm trọng (2014, ước tính tổng số người khuyết tật là 7,2 triệu người); Khoảng 200.000 trẻ em và người có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ em cơ nhỡ, trẻ mồ côi, người nhiễm HIV, người già neo đơn...), (2014); Hơn 5 triệu trẻ em thuộc các hộ nghèo và hộ dân tộc thiểu số được miễn học phí, hỗ trợ giáo dục, ăn tại trường và tiền trợ cấp cho 9 tháng học mỗi năm. (2014)	Bảo hiểm Y tế toàn dân (2025) Lưu ý: các chỉ tiêu khác hiện đã có trong DỰ THẢO Kế hoạch tổng thể Cải cách trợ cấp xã hội nhưng tài liệu này chưa được phê chuẩn	BHXH Việt Nam (VSI), BHYT Việt Nam (VHI), MOLISA (Cục Bảo trợ XH – dữ liệu hành chính) (Hàng năm)
1.1.5. Các hệ thống theo dõi và phân bổ nguồn lực công cho việc thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ được thiết lập (dựa theo Chỉ số SDG 5.c.1)	Bổ sung sau (2016)	Bổ sung sau (2016)	Bổ sung sau (2016)
1.1.6. Tỷ trọng thời gian để làm các công việc nội trợ và chăm sóc không được trả thù lao, phân tổ theo giới tính, độ tuổi và địa điểm (Chỉ số SDG 5.4.1)	Bổ sung sau (2016)	Bổ sung sau (2016)	Bổ sung sau (2016)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
1.1.7. Tỷ lệ chi tiêu cho y tế và giáo dục từ tiền túi của người dân trên tổng chi tiêu (đóng góp cho mục tiêu SDG 3.8)	Chi tiêu cho y tế: 3,8 % (trong tổng chi tiêu cho y tế ở mức 6.6% GDP) được chi trả từ nguồn bảo hiểm y tế và tiền túi của người bệnh. Chi cho giáo dục là 2,3 % (trong tổng chi tiêu cho giáo dục là 7,8% GDP) (2012)	Chi tiêu cho y tế của hộ gia đình: 3% Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình: 1,8% (2020)	Y tế: Tai khoản Y tế Quốc gia (Hàng năm) Giáo dục: Đánh giá Chi tiêu Công của Ngân hàng Thế giới (Thỉnh thoảng) Y tế và Giáo dục: Điều tra mức sống hộ gia đình (Hai năm một lần)
<p>Kết quả 1.2: Công bằng trong chăm sóc sức khỏe</p> <p>Đến năm 2021, tất cả người dân, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất, được hưởng lợi từ các hệ thống, dịch vụ y tế toàn diện và công bằng và thúc đẩy môi trường có lợi cho sức khỏe.</p>			
<p>Lý do:</p> <p>Đảm bảo đời sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho người dân ở mọi lứa tuổi là rất thiết yếu đối với phát triển bền vững. LHQ đã định nghĩa phát triển bền vững là đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại tới nhu cầu của thế hệ tương lai. Trong phạm vi định nghĩa này, chăm sóc sức khỏe là một điều kiện tiên quyết thiết yếu đối với phát triển bền vững. Đầu tư vào chăm sóc sức khỏe đồng nghĩa với việc vun đắp cho các thể hệ khỏe mạnh, năng động và có năng suất lao động cao để đóng góp vào sự phát triển bền vững của quốc gia. Bên cạnh đó, việc phổ cập tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần và sinh sản, bao gồm các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phải là một phần không thể tách rời của phương pháp tiếp cận lấy con người làm trung tâm đối với phát triển bền vững. Sự phát triển kinh tế và xã hội trong những năm gần đây đã góp phần cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe nói chung nhưng những tiến bộ đạt được chưa đồng đều. Sự chênh lệch về kết quả y tế vẫn tồn tại giữa các vùng miền và các nhóm dân cư và vẫn còn dai dẳng. Kết quả y tế yếu kém đã ảnh hưởng không tương xứng lên người nghèo, người cao tuổi, các công đồng dân tộc thiểu số, người bị kỳ thị và gạt ra ngoài lề, những người sinh sống ở vùng sâu, vùng xa và phụ nữ, đối tượng chủ yếu chịu trách nhiệm chăm lo công việc gia đình. Tình trạng mất công bằng xuất phát từ một số yếu tố như địa vị kinh tế, độ tuổi, giới, dân tộc, ngôn ngữ, cách địa lý, các phong tục văn hóa, xã hội và giáo dục. Mặc dù một số yếu tố này mang tính cố hữu nhưng tính phức tạp và nghiêm trọng của các yếu tố này đã gia tăng do những rào cản chính khó phá bỏ khiến dịch vụ y tế, trong đó có các dịch vụ sức khỏe tinh thần, sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, còn thiếu, khó tiếp cận và ngoài khả năng chi trả của người dân. Việc củng cố hệ thống y tế và xây dựng mối quan hệ đối tác với các công đồng, người dân và khu vực tư nhân giúp tăng cường an ninh y tế, mở rộng bao phủ y tế, tạo dựng môi trường khỏe mạnh và ngăn ngừa cũng như phòng chống bệnh dịch, cải thiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần, sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, sẽ góp phần quan trọng vào việc đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi của mọi người dân ở mọi độ tuổi.</p>			

	Nguồn lực thường xuyên	18.53.595
Ngân sách dự kiến	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	12.624.143
(Đơn vị: Đô la Mỹ)	Nguồn lực cân huy động	53.238.501
	Tổng	84.516.239
Đối tác chính	Quốc hội, Bộ Y tế, Bộ NNPTNT, Bộ Công Thương, Bộ LĐTĐ, Bộ Công An, Bộ Tư pháp, Bộ TNMT, VPCP, Tòa án nhân dân tối cao, CARMAN, Trung tâm AIDS thành phố Hồ Chí Minh, VAAC, VSS, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, khu vực tư nhân, các trường đại học, UBND một số tỉnh chọn lọc.	
Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp	FAO, IAEA, UNAIDS, UNFPA, UNICEF, UNODC, WHO	
Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)
1.2.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi <-2 SD dựa vào trung vị của chuẩn tăng trưởng trẻ em của WHO) (Chỉ số SDG 2.2.1)	23,9% (dự tính cho năm 2016)	21,5% (2020)
1.2.2. Tỷ suất tử vong mẹ (Chỉ số SDG 3.1.1)	54 (2015) Ghi chú: dựa trên con số ước tính của LHQ	52 (2020)
1.2.3. Tỷ trọng ca sinh có hỗ trợ của cán bộ y tế lành nghề (Chỉ số SDG 3.1.2)	93,8% (2014)	98% (2020)
1.2.4. Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi (Chỉ số SDG 3.2.1)	21,6 trên 1.000 trẻ (dự tính năm 2016)	20,4 trên 1.000 trẻ (2020)
1.2.5. Số ca nhiễm HIV mới trên 1.000 người chưa bị nhiễm bệnh (phân tử theo giới tính, tuổi và những nhóm dân số chính) (Chỉ số SDG 3.3.1)	14.000 trong tổng dân số trưởng thành (ước tính, 2015)	Bổ sung sau Ghi chú: cần thảo luận thêm với VAAC, và cần phải có Kế hoạch 5 năm HIV được CP thông qua
1.2.6. Số trường hợp nhiễm viêm gan B trên 100.000 dân (Chỉ số SDG 3.3.4)	20% (2015)	Giảm 30% (tương đương với 1% tỷ lệ nhiễm HBV ở trẻ em) (2020)
		Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
		Điều tra dinh dưỡng quốc gia (5 năm/lần) và giám sát (Hàng năm)
		Dữ liệu định kỳ (Hệ thống thông tin quản lý y tế - HMIS) của Bộ Y tế và TCTK (Hàng năm)
		Báo cáo về sức khỏe bà mẹ và trẻ em / KHHGD của Bộ Y tế (từ HMIS) (Hàng năm)
		Dữ liệu định kỳ (HMIS) từ Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê (hàng năm)
		Mô hình ước lượng HIV (ước lượng và dự báo HIV dựa trên ước lượng quy mô dân số, hệ thống giám sát, và số liệu chương trình (Hàng năm)
		Lập mô hình, dựa trên dữ liệu giám sát của Bộ Y tế (5 năm một lần)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
1.2.7. Tỷ lệ tử vong do các bệnh tim mạch, ung thư, tiểu đường hoặc bệnh hô hấp mãn tính (Chỉ số SDG 3.4.1)	17% (Xác suất tử vong ở độ tuổi từ 30-70 tuổi từ 4 bệnh chính trong nhóm bệnh không truyền nhiễm) (2014)	Giảm 10% so với dữ liệu cơ sở (Năm đặt chỉ tiêu sẽ được xác định sau khi thảo luận với CP)	Dữ liệu từ Bộ Y tế (Hàng năm)
1.2.8. Tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông đường bộ (Chỉ số SDG 3.6.1)	9,3/100.000 dân số (2015)	Giảm từ 5%-10% hàng năm so với dữ liệu cơ sở (Năm đặt chỉ tiêu sẽ được xác định sau khi thảo luận với CP)	Báo cáo của Ủy ban an toàn giao thông quốc gia (Hàng năm)
1.2.9. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (15-49 tuổi) có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình hài lòng với các phương pháp tránh thai hiện đại (Chỉ số SDG 3.7.1)	70,7% (2013)	75% (2020)	(Các) Báo cáo về nhu cầu chưa được đáp ứng từ các cuộc điều tra quốc gia về KHHGD (4 năm một lần)
1.2.10. Mức độ bao phủ của các dịch vụ y tế thiết yếu (được định nghĩa là độ bao phủ trung bình của các dịch vụ thiết yếu dựa vào những can thiệp theo dấu bao gồm sức khỏe phụ nữ sinh nở, bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em, các bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và năng lực dân cư nói chung và bộ phận dân cư chịu thiệt thòi nhất) (Chỉ số SDG 3.8.1) Ghi chú: Đây là chỉ số mới. Dữ liệu cơ sở và phương pháp thu thập sẽ được thảo luận với Chính phủ.	Bổ sung sau Phương pháp thu thập số liệu sẽ được thảo luận ở cấp toàn cầu, khu vực và quốc gia	Bổ sung sau (2020)	Bổ sung sau
1.2.11. Tỷ lệ sử dụng thuốc lá hiện tại được chuẩn hóa theo tuổi của người từ 15 tuổi trở lên (Chỉ số SDG 3.a.1)	47,4% nam giới (2010) 1,4% nữ giới (2010)	39% nam (2020) <1,4% nữ (2020)	Khảo sát tình hình Hút thuốc ở người lớn toàn cầu của Bộ y tế (5 năm một lần) và các báo cáo của Bộ Y tế
1.2.12. Năng lực và mức độ sẵn sàng đối phó với tình trạng khẩn cấp về y tế theo Điều lệ Y tế Thế giới (IHR) (Chỉ số SDG 3.d.1)	Thành tích báo cáo dựa trên tự đánh giá (định tính, 2015)	Năng cao năng lực IHR và tăng cường ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong ngành y tế (2020)	Đánh giá của MOH / WHO về IHR (2 năm 1 lần)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
1.2.13. Tỷ trọng dân số sử dụng các dịch vụ nước uống được quản lý an toàn (Chỉ số SDG 6.1.1)	45% ở nông thôn (2015) (dựa trên tiêu chuẩn nước của Bộ Y tế 02/MOH-VNQC)	dự tính 60% (2021)	Báo cáo hàng năm của MARD về Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước và vệ sinh nông thôn nộp cho chính phủ
1.2.14. Tỷ trọng dân số sử dụng dịch vụ vệ sinh được quản lý an toàn, bao gồm cả phương tiện để rửa tay với xà phòng và nước (Chỉ số SDG 6.2.1)	65% ở nông thôn (2016) (dựa trên tiêu chuẩn nhà vệ sinh của Bộ Y tế)	dự tính 75% (2021)	Báo cáo hàng năm của MARD về Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước và vệ sinh nông thôn nộp cho chính phủ
1.2.15. Tỷ lệ sinh của thanh thiếu niên (10-14; 15-19) trên 1.000 phụ nữ ở nhóm tuổi tương ứng (Chỉ số SDG 3.7.2)	45 trên 1000 phụ nữ ở nhóm tuổi 15-19 (2014)	Bổ sung sau (2019)	Tổng điều tra dân số (10 năm một lần)
Kết quả 1.3: Công bằng trong giáo dục, đào tạo và học tập có chất lượng			
Đến năm 2021, tất cả người dân, đặc biệt những người dễ bị tổn thương nhất, được hưởng lợi từ những dịch vụ và hệ thống giáo dục chất lượng, toàn diện và công bằng và có nhiều cơ hội học tập suốt đời được mở rộng.			
<p>Lý do:</p> <p>Cung cấp giáo dục chất lượng cao và cơ hội học tập suốt đời (từ giáo dục mầm non đến đào tạo trước và sau khi đi làm cho tới khi về già) sẽ không chỉ trang bị tính chủ động cho mỗi cá nhân mà còn tới đa hóa lợi thế “dân số vàng” của Việt Nam cũng như giảm thiểu những thách thức của vấn đề già hóa dân số, giúp nâng cao năng suất và tạo thêm cơ hội việc làm. Tăng trường kinh tế nhanh chỉ có thể “xanh” và bền vững khi có lực lượng lao động có tay nghề được trang bị i) năng lực nền tảng bao gồm khả năng đọc viết cơ bản (biết làm toán, đọc, viết và các môn khoa học) cùng các kỹ năng nhận thức và hành vi (tư duy phân biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và giao tiếp) giúp gia tăng cơ hội sống khỏe mạnh, khả năng tìm kiếm việc làm và phúc lợi suốt đời; ii) những kỹ năng liên quan đến công việc và có thể nhanh chóng giúp gia tăng năng suất lao động. Do đó, cần chú trọng vào chất lượng của những dịch vụ được cung cấp thông qua những hệ thống giáo dục và đào tạo toàn diện, công bằng và hiệu quả có tính linh hoạt và mở để mọi người dân có thể được hưởng lợi mà không vấp phải rào cản định kiến về giới trong đó nhóm đối tượng dễ bị tổn thương được đặc biệt quan tâm khi khả năng tiếp cận các dịch vụ có chất lượng ngày càng phụ thuộc vào khả năng chi trả vì chỉ tiêu từ tiền túi của người dân đang ngày càng bỏ xa mức độ đầu tư công. Ngoài ra, việc xóa bỏ định kiến giới ở trường học và thúc đẩy văn hóa nam nữ bình quyền ngay từ giai đoạn tuổi thơ sẽ là yếu tố thay đổi mang tính quyết định giúp Việt Nam giải quyết được tư tưởng trọng nam khinh nữ trong xã hội. Cuối cùng, việc đưa môn học sức khỏe tình dục và sinh sản vào chương trình giảng dạy ở trường học theo độ tuổi có thể giúp ngăn ngừa hiệu quả tình trạng mang thai sớm và giảm tỷ lệ nạo phá thai ở trẻ vị thành niên hiện đang ở mức cao.</p>			

Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)	Nguồn lực thường xuyên	2.677.180
	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	708.800
	Nguồn lực cần huy động	14.258.834
	Tổng	17.644.814
Đối tác chính	Quốc Hội, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, UBND một số tỉnh lựa chọn, Viện Khoa học giáo dục VN, Viện quản lý giáo dục Việt Nam, Các trường ĐH, một số các Sở GD-ĐT, Hội Khuyến học Việt nam, Ủy Ban quốc gia UNESCO, các trường học, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ.	
Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp	ILO, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNV	
Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)
1.3.1. Tỷ lệ trẻ em và thanh thiếu niên hoàn thành (a) cấp tiểu học; và (b) cấp trung học cơ sở phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 4.1.1)	Tiểu học : 92,21% Trung học cơ sở : 83,22% (năm học 2013 - 2014)	Bổ sung sau Ghi chú: Đang thảo luận với Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ghi chú: Dữ liệu phân tổ sẽ được bổ sung sau		
1.3.2. Tỷ lệ trẻ em từ 36 đến 59 tháng phát triển bình thường về sức khỏe, học tập và xúc cảm xã hội, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 4.2.1)	88,7% (2014)	Bổ sung sau sẽ được thảo luận với Chính phủ
Ghi chú: Dữ liệu phân tổ sẽ được bổ sung sau		
1.3.3. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn cấp: (a) mầm non (b) tiểu học, (c) trung học cơ sở và (d) trung học phổ thông (Dựa theo chỉ số SDG 4.c.1)	Mầm non (0-3 tuổi) : 94,7% (3-5 tuổi): 98,60% Tiểu học: 99,77% Trung học cơ sở: 99,49% Trung học phổ thông: 99,49% (năm học 2015-2016)	Mầm non (0-3 tuổi): 98% (3-5 tuổi): 99,6% Tiểu học: 99,9% Trung học cơ sở: 99,8% Trung học phổ thông: 99,7% (2020)
		Khảo sát MICS (4 - 5 năm/lần)
		Thống kê giáo dục (hàng năm)

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 2: ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI KHÍ HẬU VÀ BỀN VỮNG VÀ BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Việt Nam ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Kết quả 2.1: Phát triển các-bon thấp, chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu

Đến năm 2021, Việt Nam đẩy nhanh chuyển dịch theo hướng phát triển bền vững và tăng trưởng xanh hướng tới nền kinh tế các-bon thấp, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong đó đặc biệt chú trọng tới việc trao quyền cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.

Lý do:

Kết quả này tập trung vào cả nguyên nhân và tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu. Giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động con người thông qua mở rộng quy mô phát triển các-bon thấp sẽ giúp giảm hiện tượng biến đổi khí hậu, trong khi đó việc xây dựng khả năng thích ứng và chống chịu của con người và hạ tầng sẽ giúp giảm tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.

Liên quan đến nguyên nhân của biến đổi khí hậu, với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia có lượng phát thải khí nhà kính lớn với dự báo tổng mức phát thải ròng sẽ tăng bốn lần trong giai đoạn 2010-2030 do Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch song với việc phát triển không hết tiềm năng nguồn năng lượng tái tạo, quá trình đô thị hóa, giao thông vận tải tăng trưởng nhanh và thói quen tiêu dùng không bền vững. Trong Kế hoạch PTKTXH giai đoạn 2016-2020, Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ theo đuổi hướng phát triển phát thải thấp và xanh hơn bằng việc đề ra mục tiêu giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng bình quân hàng năm từ 1%-1,5% mỗi đơn vị GDP, đưa ra các cam kết quốc tế bằng việc đề trình mục tiêu phát thải khí nhà kính (GHG) (gọi là Đóng góp Tự nguyện của Quốc gia) lên Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu. Việt Nam cũng đã thông qua các chiến lược và chương trình quốc gia quan trọng về tăng trưởng xanh, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, sản xuất xanh hơn, phát triển đô thị và phát triển bền vững. Nhằm bổ sung thêm nguồn lực bên cạnh nguồn lực của nhà nước, mục tiêu của các chương trình này là tận dụng được nguồn lực và khả năng đổi mới sáng tạo của khu vực tư nhân thông qua các quan hệ đối tác công - tư.

Về tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước hiện tượng biến đổi khí hậu và chịu sự tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan (bão, lụt, nắng nóng). Kế hoạch PTKTXH 2016-2020 lưu ý một số hậu quả mà thiên tai gây ra đối với các khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa và nhân mạnh như cầu phải huy động đủ nguồn lực cũng như xây dựng năng lực thích ứng. Việt Nam có nhiều kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai bao gồm việc thông qua Luật và chiến lược giảm nhẹ rủi ro thiên tai và chiến lược biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu làm trầm trọng hóa thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan, Việt Nam cần áp dụng phương pháp tiếp cận tổng lực và thống nhất hơn giữa việc thích ứng với biến đổi khí hậu và hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai cũng như nâng cao hơn nữa năng lực thích ứng, xây dựng được các công cụ mới đồng thời đầu tư vào công tác ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, trong đó bao gồm trao quyền cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương. Đây chính là những tác nhân thay đổi.

Trong chu kỳ Kế hoạch Chung (OP) trước đây (2012 – 2016), LHQ đã có những hỗ trợ quan trọng trong công tác điều phối đa ngành giữa các cơ quan chính phủ và các bên liên quan khác và nổi lên là đối tác hàng đầu của Chính phủ trong giải quyết các thách thức liên quan đến các-bon thấp, biến đổi khí hậu và thiên tai cũng như tạo điều kiện để Việt Nam tham gia tích cực vào các diễn đàn khí hậu quốc tế. LHQ hỗ trợ thông qua cung cấp bằng chứng khoa học quan trọng phục vụ công tác xây dựng các văn bản luật, quy định, chiến lược và kế hoạch hành động then chốt liên quan đến biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. LHQ đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường mối quan hệ đối tác giữa chính phủ, các đối tác phát triển, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ và cộng đồng cũng như thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong các ủy ban quản lý rủi ro thiên tai quốc gia và cấp tỉnh, công tác xây dựng chính sách và sự tham gia của các cộng đồng vào hoạt động lập kế hoạch hành động ở cấp địa

phương. Trên cơ sở phát huy kinh nghiệm và các mối quan hệ đối tác trong quá khứ, LHQ có vị thế đặc thù trong việc hỗ trợ năng lực thể chế và đổi mới sáng tạo, tham gia tư vấn kỹ thuật trong quá trình xây dựng các khung pháp lý, chính sách và khung đầu tư, vận động chính sách dựa trên chứng cứ khoa học, vận động sự tham gia của khu vực tư nhân, đảm bảo bình đẳng giới và hỗ trợ người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương. Với năng lực chuyên môn sẵn có của mình ở cấp quốc gia và quốc tế, LHQ cần tiếp tục đi đầu trong việc đẩy mạnh công tác điều phối, xây dựng năng lực thích ứng và huy động nguồn lực để triển khai một cách hiệu quả các chính sách và biện pháp nhằm xây dựng khả năng chống chịu cho người dân, đặc biệt người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương ở cả thành thị và nông thôn cũng như hỗ trợ về cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

	Nguồn lực thường xuyên	8.198.300
Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	11.588.800
	Nguồn lực cần huy động	50.163.400
	Tổng	69.950.500
Đối tác chính	Quốc Hội, Bộ KHĐT, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ NN PTNT, Bộ LĐ TB XH, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học Công nghệ, Hội phụ nữ, Liên Minh HTX, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN, VCCI, các sở LĐTĐXH, WBRN, UBND, Trung tâm sản xuất sạch VN, NatCom, VNIIES, NIEM, GOPFP, GSO, FIRI Các trường ĐH, sở GDĐT một số tỉnh được lựa chọn, Hội Khuyến học Việt nam, các trường học, một vài hình quyền các tỉnh và địa phương được lựa chọn, các viện nghiên cứu và học thuật; khu vực tư nhân (trong nước/quốc tế); các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ.	
Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp	FAO, IAEA, ILO, UNDP, UNEP, UNESCO, UNFPA, UN-Habitat, UNIDO, UNV, UN Women, ITC	
Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)
2.1.1. Số người chết, mất tích, và chịu ảnh hưởng bởi thiên tai (dựa theo Chỉ số SDG 1.5.1)	361.3 (1995-2014, trung bình)	dưới 300 (2002-2021)
2.1.2. Tỷ trọng diện tích canh tác hoa màu (một số sản phẩm chính chọn lọc) áp dụng mô hình nông nghiệp năng suất và bền vững theo tiêu chuẩn VietGAP (dựa theo Chỉ số SDG 2.4.1)	24.780 ha (2015)	Bổ sung sau
2.1.3. Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng lượng năng lượng tiêu thụ cuối cùng (Chỉ số SDG 7.2.1)	31,8% (2015)	36,5% (2020); 25,5% (2030)
2.1.4. Mức độ sử dụng năng lượng tính trên GDP (dựa theo Chỉ số SDG 7.3.1)	583 kgOE/1000 USD (2013)	Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh (hàng năm)
		Báo cáo của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (2016) (5 năm một lần)
		Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh (hàng năm)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
2.1.5. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thực tiếp tục tăng ở mức cao trong GDP quốc gia, trong đó bao gồm thiết bị các công trình hạ tầng trọng yếu và gián tiếp các dịch vụ cơ bản (dựa theo Chỉ số SDG 11.5.2)	0,75 (2006-2015, trung bình)	Dưới 0,60 (2012-2021, trung bình)	Các báo cáo về tổn thất và thiệt hại của Bộ NN & PTNT (Hàng năm) và dữ liệu từ TCTK
2.1.6. Tỷ lệ các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp công bố báo cáo bền vững (sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng hiệu quả) (dựa theo Chỉ số SDG 12.6.1)	24% (2015)	50% (2021)	Các báo cáo về sản xuất và tiêu thụ bền vững của VPCP (5 năm/lần)

Kết quả 2.2: Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Đến năm 2021, Việt Nam tăng cường quản lý bền vững các dịch vụ liên quan đến nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đồng thời cải thiện chất lượng môi trường sống với việc góp phần vào triển khai thực hiện các thỏa thuận môi trường đa phương.

Lý do:

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh, đô thị hóa nhanh, khai thác không bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong đó có hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã, đang tạo ra áp lực cho sự đa dạng sinh học của Việt Nam cùng môi trường tự nhiên, cái nôi của phát triển kinh tế. Kế hoạch PTKTXH giai đoạn 2016-2020 đề ra các mục tiêu môi trường nhằm xử lý một cách hợp lý 80% - 85% rác thải độc hại và tăng độ bao phủ rừng lên mức 44-45%. Việt Nam đã ban hành các văn bản luật, chiến lược và chương trình quan trọng về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đa dạng sinh học, lâm nghiệp trong đó bao gồm chương trình REDD+ (giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng), đất ngập nước, hóa chất và các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy. Đây là cam kết quốc gia thể hiện các công ước của LHQ và các thỏa ước quốc tế trong đó có Công ước về Đa dạng sinh học, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước Quốc tế về bảo tồn và sử dụng hợp lý các vùng đất ngập nước (RAMSAR), Công ước về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và Công ước về thủ ngữ (Công ước Minamata). Để có thể hoàn thành các mục tiêu đề ra trong các chiến lược và kế hoạch quốc gia cũng như thực hiện các cam kết quốc tế, Việt Nam cần tăng cường khung chính sách thống nhất và đẩy mạnh hoạt động điều phối giữa các cơ quan, tăng cường công tác thực thi pháp luật và đẩy mạnh hoạt động giám sát và báo cáo độc lập và minh bạch về chất lượng và thực trạng của nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Các cơ chế minh bạch thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương, áp dụng các công nghệ mới và thân thiện với môi trường và tăng phần bổ nguồn lực tài chính cho hoạt động quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

LHQ là đối tác được lựa chọn để tiếp tục có những hỗ trợ thiết thực cho chính phủ trong việc xây dựng năng lực, xây dựng chính sách và các chuẩn mực môi trường, mở rộng ý tưởng công nghệ và chuyển giao công nghệ, nhân rộng đổi mới sáng tạo và thúc đẩy quan hệ hợp tác Nam - Nam - Bắc - Nam. Trong tương lai, LHQ cũng cần hỗ trợ các quan hệ đối tác giữa các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, thúc đẩy hoạt động giám sát và báo cáo độc lập và minh bạch về chất lượng môi trường và mở rộng việc sử dụng dữ liệu và bằng chứng có cơ sở để cung cấp thông tin cho công tác triển khai các chính sách và chương trình.

<p>Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)</p>	<p>Nguồn lực thường xuyên</p> <p>2.047.100</p> <p>Nguồn lực khác (được đảm bảo)</p> <p>20.731.800</p> <p>Nguồn lực cân huy động</p> <p>21.941.200</p> <p>Tổng</p> <p>44.720.100</p>	
<p>Đối tác chính</p>	<p>Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ NN PTNT, Bộ Công thương, Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, Bộ XD, Bộ KHĐT, Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ, UB Hải dương học -IOC, các tổ chức phi chính phủ, các tỉnh, Quốc hội, một số chính quyền tỉnh và địa phương được lựa chọn, Hội Nông dân, Các tổ chức nghiên cứu và học thuật, khu vực tư nhân (trong nước/quốc tế), các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ.</p>	
<p>Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp</p>	<p>FAO, IAEA, UNDP, UNEP, UNESCO, UN-Habitat, UNIDO, UNODC, UNV, ITC</p>	
<p>Các chỉ số</p>	<p>Dữ liệu cơ sở (năm)</p>	<p>Chi tiêu (năm)</p> <p>Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu</p>
<p>2.2.1. Số các thỏa thuận môi trường quốc tế đa phương mà Việt Nam tham gia và các báo cáo quốc gia cần đệ trình theo yêu cầu cho các thỏa thuận (dựa theo Chỉ số SDG 12.4.1)</p>	<p>12 (2015)</p>	<p>14 (2021)</p> <p>(***) Các Báo cáo của Chính phủ Việt Nam cho Ban Thư ký của Công ước dưới đây, mà Việt Nam là thành viên</p>
<p>2.2.2. Tỷ lệ diện tích rừng trong tổng diện tích đất (Chỉ số SDG 15.1.1)</p>	<p>40,7% của tổng diện tích đất (2015)</p>	<p>42% (2020)</p> <p>Các báo cáo của Bộ NN-PTNT và MDGR về độ che phủ rừng (hàng năm)</p>
<p>2.2.3. Tỷ trọng động thực vật bị săn bắn hoặc buôn bán trái phép trên tổng lượng động thực vật hoang dã được mua bán (Chỉ số SDG 15.7.1)</p>	<p>Bổ sung sau (2017). Ghi chú: CITES sẽ báo cáo Thủ tướng vào tháng 3/2017</p>	<p>giảm tỷ trọng động vật hoang dã bị săn trộm và buôn bán bất hợp pháp (2021)</p> <p>Báo cáo thường niên Công ước quốc tế buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) (Hàng năm)</p>
	<p>*** Mục tiêu phát triển bền vững, Công ước Liên hợp quốc về đa dạng sinh học, Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ đa dạng sinh học, Công ước quốc tế buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp, Hiệp định của Liên Hợp quốc về đàn cá di cư và Thỏa thuận của FAO về quản lý cáng cá quốc tế, Công ước LHQ về chống sa mạc hóa (UNCCD), Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, Tuyên bố Cartagena về ngăn ngừa, Giảm thiểu và phục hồi chất thải nguy hại và chất thải khác, Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn, Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển chất thải nguy hại qua biên giới và việc tiêu hủy chúng, Công ước Rotterdam về các thủ tục thỏa thuận thông báo trước một số hóa chất và thuốc trừ sâu nguy hại trong thương mại quốc tế và Công ước Minamata về thủy ngân, Công ước của Liên Hợp quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng.</p>	

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 3: THÚC ĐẨY SỰ THỊNH VƯỢNG & ĐỔI TÁC

Việt Nam chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng toàn diện, bền vững và dựa trên tăng năng suất và một thị trường lao động công bằng, hiệu quả và toàn diện hơn giúp đảm bảo việc làm tốt và cơ hội cho tất cả mọi người.

Két quả 3.1: Mô hình tăng trưởng kinh tế mới

Đến năm 2021, các chính sách tăng trưởng và thể chế của Việt Nam hỗ trợ mô hình kinh tế mới mang tính toàn diện, bền vững và dựa trên tăng năng suất, gạt hái lợi ích từ tự do hóa thương mại, di cư và hội nhập quốc tế.

Lý do:

Việt Nam phải đối mặt với thách thức chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng nhanh dựa vào lao động giá rẻ và những ngành thâm dụng tài nguyên và tích lũy vốn sang mô hình dựa vào năng suất lao động cao, nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới sáng tạo. Cho tới nay, hệ thống kinh tế của Việt Nam chưa có dấu hiệu rõ ràng cho thấy bước nhảy vọt sang mục tiêu năng suất lao động cao hơn. Các quy trình kinh tế quan trọng khác như sâu sắc hóa và đa dạng hóa nông nghiệp và công nghiệp, sản xuất giá trị gia tăng tăng trưởng nhanh lại chỉ cho thấy những tiến bộ hạn chế.

Mặc dù đã có nhiều ý kiến tranh luận và thảo luận được đưa ra nhưng cho đến nay chưa có biện pháp chính sách thuyết phục nào được xây dựng. Thay vào đó, Chính phủ nỗ lực tự do hóa thương mại và dòng vốn với hy vọng có thể tạo ra thay đổi từ những cú hích bên ngoài bằng việc ký kết nhiều hiệp định thương mại có tác động sâu rộng, tiêu biểu là Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu và tham gia thành lập Công đồng kinh tế Đông Nam Á. Mặc dù bản thân thương mại hiển nhiên có tiềm năng tạo ra tác động chuyển đổi, việc tự do hóa thương mại nhanh nhưng thiếu sự quản lý chặt chẽ ẩn chứa nhiều nguy cơ mất sức cạnh tranh, gia tăng bất bình đẳng và dễ bị tổn thương hơn trước những cú sốc kinh tế. Ngoài ra, những hiệp định này còn quy định các quốc gia thành viên phải tuân thủ các yêu cầu như rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT), các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS), chuẩn mực lao động và các quyền sở hữu trí tuệ trong một thời gian hạn định.

Tương tự, mặc dù nguồn vốn FDI đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của Việt Nam nhưng nguồn đầu tư này chưa thể làm sâu sắc hóa lĩnh vực công nghiệp. Mối liên kết giữa nguồn vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước còn lỏng lẻo và sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Lợi ích mà năng suất lao động tạo ra còn thấp chính là yếu tố mang tính then chốt và phải được xem là yếu tố cốt lõi cho một chiến lược tổng thể nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của quốc gia. Việt Nam cũng chưa xây dựng được một nền tảng nghiên cứu & phát triển và đổi mới sáng tạo, khía cạnh được xem là động lực lâu dài và quan trọng cho năng suất lao động. Mức độ đầu tư vào các cơ chế đổi mới sáng tạo mới và công cụ mới ứng phó với những thị trường thay đổi liên tục còn hạn chế.

Việt Nam trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp cùng với bối cảnh phát triển hiện nay tạo ra nhiều thách thức kinh tế mới và khác biệt so với những thách thức trong quá khứ. Những thách thức này chịu sự chi phối của áp lực từ bên trong, tiêu biểu là thay đổi cơ cấu, và môi trường khó khăn ở bên ngoài. Những đánh giá độc lập đã chỉ ra những quan ngại nghiêm trọng về khả năng thực hiện thành công chương trình nghị sự này của các chủ thể và cơ quan chủ chốt ở trong nước. Do đó, việc đối phó với những thách thức này đòi hỏi không chỉ sự thay đổi sâu sắc năng lực mà còn thay đổi trong phương pháp tiếp cận của nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp trong nước và quốc tế trong hoạt động hoạch định chính sách. Với việc sở hữu năng lực kỹ thuật chuyên sâu và nắm giữ vài trò là đối tác trung lập, các cơ quan của LHQ có lợi thế so sánh quan trọng trong lĩnh vực này.

LHQ có điều kiện thuận lợi để tham gia tư vấn chính sách và xây dựng năng lực phục vụ công tác xây dựng các chính sách và chiến lược cho các phân ngành chiến lược nhằm đẩy mạnh thay đổi cơ cấu, gia tăng và đa dạng hóa giá trị, quản lý các hiệp định thương mại và hội nhập kinh tế, xúc tiến nguồn vốn FDI chất lượng cao và sự tham gia sâu sắc hơn của quốc gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo điều kiện cải thiện năng suất lao động thông qua đào tạo, chuyển giao công nghệ và tăng cường hoạt động nghiên cứu & phát triển và đổi mới sáng tạo. Hơn nữa, LHQ có thể tạo điều kiện nâng cao năng lực thể chế và củng cố hệ thống nhằm cải thiện năng suất và quản lý tốt hơn cũng như đảm bảo việc tuân thủ các quy định của các hiệp định thương mại.

<p>Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)</p>	<p>Nguồn lực thường xuyên</p>	<p>6.107.250</p>
<p>Đối tác chính</p>	<p>Nguồn lực khác (được đảm bảo)</p>	<p>8.137.050</p>
<p>Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp</p>	<p>Nguồn lực cân huy động</p>	<p>21.432.950</p>
<p>Các chỉ số</p>	<p>Tổng</p>	<p>35.677.250</p>
<p>3.1.1. Việt Nam thực hiện tốt các chính sách quản lý di dân có tính nhạy cảm về giới, phát huy quyền của người di cư cả nam giới và nữ giới và thúc đẩy hợp tác quốc tế và khu vực (dựa theo Chỉ số SDG 10.7.2)</p>	<p>Bộ NN PTNT, Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch, Bộ Công thương, Bộ GDĐT, Bộ XD, Liên Minh HTX, VCCI, Bộ LĐ TB-XH, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin Truyền Thông Ban Cải cách trung ương, Bộ Tài chính, Vietrade, Tổng LĐ LĐ Việt Nam (VGLL), khu vực tư nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND, Ban Quản lý địa phương các khu di sản Thế giới, Các khu dự trữ sinh quyển và Công viên địa chất, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ, UB Dân tộc, các hiệp hội doanh nghiệp các ngành, Mạng lưới Hiệp ước LHQ toàn cầu, HĐ doanh nghiệp vì sự bền vững Việt Nam, Các phòng thương mại quốc tế, ABR, BROs, FIA, IRDs, GDT, Hội Phụ nữ Việt Nam, hội doanh nhân nữ các tỉnh, Cơ quan xúc tiến Thương mại Việt Nam.</p>	<p>6.107.250</p>
<p>3.1.2. Tốc độ tăng hàng năm GDP thực tế bình quân đầu người có việc làm (Chỉ số SDG 8.2.1)</p>	<p>9 tài liệu chính sách (ngoài các Nghị định) (2016)</p>	<p>8.137.050</p>
<p>3.1.3. Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân đầu người của 40% dân số nghèo nhất và của toàn bộ dân số (dựa theo Chỉ số SDG 10.1.1)</p>	<p>6,83% GDP bình quân hàng năm trên người lao động /GDP trên người lao động (2011-2015); VND 83,8 triệu</p>	<p>21.432.950</p>
<p>3.1.4. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.5.1)</p>	<p>6,9% của 40% dân số nghèo nhất, bình quân năm, có điều chỉnh dựa trên chỉ số giá tiêu dùng (2010-2012).</p> <p>Thu nhập của nữ giới 4,43 triệu VND; Thu nhập của nam giới 4,92 triệu VND (2015)</p>	<p>35.677.250</p>
<p>Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp</p>	<p>Dữ liệu cơ sở (năm)</p>	<p>35.677.250</p>
<p>Các chỉ số</p>	<p>Chỉ tiêu (năm)</p>	<p>Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu</p>
<p>3.1.1. Việt Nam thực hiện tốt các chính sách quản lý di dân có tính nhạy cảm về giới, phát huy quyền của người di cư cả nam giới và nữ giới và thúc đẩy hợp tác quốc tế và khu vực (dựa theo Chỉ số SDG 10.7.2)</p>	<p>12 (2021)</p>	<p>Các báo cáo của Bộ LĐTB-XH (Cục QL LĐ ngoài nước) và MPS (hàng năm)</p>
<p>3.1.2. Tốc độ tăng hàng năm GDP thực tế bình quân đầu người có việc làm (Chỉ số SDG 8.2.1)</p>	<p>VND 105-106 triệu (2017) VND 118-119 triệu (2018) VND 133-135 triệu (2019) VND 149-152 triệu (2020) (Nguồn: KHPTKT-XH)</p>	<p>Báo cáo thường niên của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội, thông qua công thông tin Chính phủ và website của TCTK (hàng năm) và KHPTKT-XH (5 năm/lần)</p>
<p>3.1.3. Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân đầu người của 40% dân số nghèo nhất và của toàn bộ dân số (dựa theo Chỉ số SDG 10.1.1)</p>	<p>Bổ sung sau</p>	<p>Điều tra mức sống hộ gia đình (Hai năm một lần)</p>
<p>3.1.4. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.5.1)</p>	<p>i) Thu nhập trung bình hàng tháng của lao động làm công ăn lương tăng 8 % (2021) ii) tỷ lệ thu nhập nữ/ nam tăng 3 % (2021)</p>	<p>Khảo sát Lực lượng lao động 2015, TCTK (hàng năm)</p>

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
3.1.5. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế tạo trong GDP và giá trị bình quân đầu người (chỉ số SDG 9.2.1)	17.5% (2013) US\$ 308 (2014)	Bổ sung sau	Niên giám thống kê quốc tế của UNIDO về công nghiệp (hàng năm)
3.1.6. Thị phần của Việt Nam trong xuất khẩu toàn cầu (dựa theo Chỉ số SDG 17.11.1)	0,998% (2015)	Bổ sung sau	Tính toán từ Website bán đồ thương mại của ITC

Kết quả 3.2: Thị trường lao động toàn diện và mở rộng cơ hội cho tất cả

Đến năm 2021, thị trường lao động công bằng hơn và toàn diện đảm bảo việc làm bền tốt và cơ hội cho tất cả, đặc biệt các nhóm bị gạt ra ngoài lề và các vùng địa lý khó khăn.

Lý do:

Mô hình kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố sản xuất không được tận dụng tối đa (chủ yếu lao động không có tay nghề) và tài nguyên thiên nhiên như hiện nay đã đạt đến điểm giới hạn. Sự hội nhập sâu hơn và rộng hơn của Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới không chỉ mang lại những cơ hội mà còn tạo ra nhiều áp lực và tình trạng bất bình đẳng gia tăng. Nếu những nút thắt và nhược điểm này không được xử lý, khoảng cách chênh lệch hiện nay sẽ còn tiếp tục ăn sâu và làm giảm lợi ích tổng thể. Những nút thắt và nhược điểm này bao gồm khu vực không chính thức có quy mô lớn, thị trường lao động được điều tiết yếu kém, rào cản đối với di cư lao động, thiếu dịch vụ bảo trợ xã hội và sự chênh lệch vùng miền cũng như các nhóm dân cư khác nhau không được tiếp cận các cơ hội một cách bình đẳng.

Một thị trường lao động năng động trên cơ sở tăng trưởng năng suất lao động và việc làm bền vững đóng vai trò trọng yếu giúp Việt Nam chuyển dịch sang nền kinh tế có giá trị gia tăng cao hơn và đảm bảo tăng trưởng có tính toàn diện và công bằng. Đánh giá chung về quốc gia (CCA) nhấn mạnh rằng tình trạng thiếu tay nghề và lao động có trình độ, định kiến giới trên thị trường lao động dẫn tới phân biệt nghề nghiệp theo giới và khiến phụ nữ ít có khả năng được đào tạo và tiếp cận các nguồn lực sản xuất, công tác quản trị thị trường lao động yếu kém và rào cản đối với di cư lao động cũng như yếu kém trong công tác bảo trợ xã hội trong đó bao gồm khả năng chuyển đổi các quyền và trợ cấp xã hội, đang kìm hãm sự phát triển của Việt Nam. Những vấn đề khác có tầm quan trọng không kém đó là các chính sách vùng miền được điều chỉnh không phù hợp (đối với các cộng đồng vùng sâu, vùng xa và dân tộc thiểu số) và việc hỗ trợ có chọn lọc cho các vùng miền bị tụt hậu quá xa. Một vấn đề cụ thể là giá trị gia tăng trong nông nghiệp còn yếu và không ổn định.

Việc giải quyết tình trạng thiếu tay nghề và phát triển nguồn nhân lực cũng như tăng cường các quyền kinh tế và xã hội đòi hỏi phải tiến hành cải cách các cơ chế và chính sách về thị trường lao động. Những công việc cần thực hiện bao gồm: tiếp tục công tác đào tạo nghề, tận dụng lợi thế “dân số vàng” và ứng phó với tình trạng già hóa dân số, dần chính thức hóa nền kinh tế, cho phép di cư lao động và chuyển đổi các khoản trợ cấp xã hội, tiếp cận công bằng các nguồn lực sản xuất như đất đai và tín dụng, củng cố các hiệp hội ngành nghề và tổ chức công đoàn, tăng cường các chính sách tại nơi làm việc bao gồm các chính sách về an toàn cho lao động nữ và cung cấp công bằng các dịch vụ chăm sóc con cái cho người lao động có con nhỏ.

Mở rộng bao phủ bảo trợ xã hội là công việc cần thiết để đảm bảo tăng trưởng toàn diện. Công tác này bao gồm cải thiện tính hợp lý của các khoản trợ cấp; thúc đẩy đổi mới nhằm nâng cao an sinh xã hội cho lao động trong nền kinh tế không chính thức, lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa và lao động độc lập; mở

<p>rộng diện bao phủ và hiệu quả công tác hỗ trợ xã hội; và tạo điều kiện chuyển đổi các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, công tác này cũng bao gồm việc cải thiện mối liên hệ giữa bảo trợ xã hội và xúc tiến việc làm.</p> <p>Các khuôn khổ và chính sách vùng miền tốt hơn cũng là một điều kiện cần thiết để mở rộng dấu ấn của các hoạt động kinh tế, đảm bảo sự công bằng giữa các vùng miền và thu hẹp sự chênh lệch giữa các cộng đồng dân cư. Những lĩnh vực hỗ trợ tiềm năng bao gồm: nâng cao giá trị gia tăng trong nông nghiệp, tạo mối liên kết giữa nông thôn và thành thị, gia tăng chuyển giao khoa học và công nghệ và xây dựng năng lực phát triển kinh tế địa phương.</p> <p>Trong phạm vi kết quả này, LHQ cũng sẽ huy động lợi thế so sánh của mình bao gồm khả năng triệu tập, năng lực xây dựng chính sách, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật để giúp Việt Nam giải quyết những ưu tiên quan trọng của mình trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội quốc gia giai đoạn 2016-2020.</p>													
<table border="1"> <tr> <td>Nguồn lực thường xuyên</td> <td>6.663.500</td> </tr> <tr> <td>Nguồn lực khác (được đảm bảo)</td> <td>4.208.800</td> </tr> <tr> <td>Nguồn lực cần huy động</td> <td>8.600.000</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>19.472.300</td> </tr> </table>		Nguồn lực thường xuyên	6.663.500	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	4.208.800	Nguồn lực cần huy động	8.600.000	Tổng	19.472.300				
Nguồn lực thường xuyên	6.663.500												
Nguồn lực khác (được đảm bảo)	4.208.800												
Nguồn lực cần huy động	8.600.000												
Tổng	19.472.300												
<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam, các tỉnh, VCCI, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các Sở LĐ TB XH, UB Dân tộc, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh HTX, các hiệp hội doanh nghiệp các ngành nghề, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Học viện quản lý Giáo dục, các trường Đại học, sở GDĐT một số tỉnh chọn lọc, Hội Khuyến học, UB Quốc Gia Việt Nam UNESCO, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, TCTK, VCCI và vj khu vực, Mạng lưới Hiệp ước LHQ toàn cầu, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam, các Phòng TM quốc tế, Hiệp hội Xuất khẩu Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.</p>													
<p>Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp</p> <p>FAO, ILO, UNESCO, UNFPA, UNIDO, UNV, UN Women</p>													
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Các chỉ số</th> <th>Dữ liệu cơ sở (năm)</th> <th>Chỉ tiêu (năm)</th> <th>Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3.2.1. Tỷ lệ việc làm ở khu vực không chính thức, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.3.1)</td> <td>Lao động nữ : 49,3% (2015); Lao động nam: 28,8% (2015)</td> <td>Bổ sung sau</td> <td>Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)</td> </tr> <tr> <td>3.2.2. Tỷ lệ tham gia thị trường lao động phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.5.2)</td> <td>Lao động nữ : 72,9% (2015); Lao động nam : 83% (2015)</td> <td>Tổng 98,5% (2017) 99,3% (2016-2020) (Nguồn: KHPTKT-XH, không có mục tiêu phân tổ theo giới tính)</td> <td>Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)</td> </tr> </tbody> </table>		Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu	3.2.1. Tỷ lệ việc làm ở khu vực không chính thức, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.3.1)	Lao động nữ : 49,3% (2015); Lao động nam: 28,8% (2015)	Bổ sung sau	Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)	3.2.2. Tỷ lệ tham gia thị trường lao động phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.5.2)	Lao động nữ : 72,9% (2015); Lao động nam : 83% (2015)	Tổng 98,5% (2017) 99,3% (2016-2020) (Nguồn: KHPTKT-XH, không có mục tiêu phân tổ theo giới tính)	Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)
Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu										
3.2.1. Tỷ lệ việc làm ở khu vực không chính thức, phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.3.1)	Lao động nữ : 49,3% (2015); Lao động nam: 28,8% (2015)	Bổ sung sau	Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)										
3.2.2. Tỷ lệ tham gia thị trường lao động phân tổ theo giới tính (dựa theo Chỉ số SDG 8.5.2)	Lao động nữ : 72,9% (2015); Lao động nam : 83% (2015)	Tổng 98,5% (2017) 99,3% (2016-2020) (Nguồn: KHPTKT-XH, không có mục tiêu phân tổ theo giới tính)	Khảo sát lực lượng lao động do TCTK thực hiện (hàng năm)										

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
3.2.3. Tỷ trọng và số lượng trẻ em từ 5-17 tuổi tham gia lao động trẻ em, phân tổ theo giới tính và tuổi (dựa theo Chỉ số SDG 8.7.1)	1,75 triệu (1,050 triệu trẻ em trai và 0,7 triệu trẻ em gái) (2012). Nhóm tuổi 5-11: trẻ em trai 3,14%, trẻ em gái 2,45% Nhóm tuổi 12-14: trẻ em trai 12,8%, trẻ em gái 9,8%. Nhóm tuổi 15-17: trẻ em trai 25%, trẻ em gái 18,6% (2012) (Khảo sát tình trạng lao động trẻ em quốc gia)	Bổ sung sau	Khảo sát tình trạng lao động trẻ em quốc gia do TCTK thực hiện (Lần khảo sát tiếp theo sẽ vào năm 2018) MICS (4-5 năm/lần)
3.2.4. Tỷ trọng thanh niên (15-24 tuổi) không đi học, không có việc làm hoặc không được đào tạo (Chỉ số SDG 8.6.1)	Phần trăm trẻ em độ tuổi 5-17 tham gia vào lao động trẻ em: 16,4%. 16,6% là trẻ em trai và 16,2% là trẻ em gái. 15,4% trong độ tuổi 5-11; 17% trong độ tuổi 12-14 và 18,5% trong độ tuổi 15-17 (2014) (dữ liệu MICS tính toán việc nhà trong các con số)	Bổ sung sau	Điều tra mức sống hộ gia đình (2 năm/lần) Tổng điều tra dân số (10 năm/lần)
3.2.5. Tăng cường thực thi quốc gia về quyền lao động (tự do trong thành lập hiệp hội và thương thuyết tập thể) theo các nguồn văn bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và luật pháp quốc gia, phân tổ theo giới tính và tình trạng di cư (Chỉ số SDG 8.8.2)	Điều tra mức sống hộ gia đình VHLS 2014: Tổng: 9,21%. Nam: 8,02%. Nữ: 10,46% Công ước số 87 và 98 của ILO được Chính phủ cho vào danh mục ưu tiên để phê chuẩn (QĐ 2528/QĐ TTg ngày 31/12/2015)	Khung pháp lý được cải thiện và có hiệu lực hỗ trợ tự do hiệp hội và thương thuyết tập thể (2018-2020)	Báo cáo của MOLISA về thực hiện QĐ 2528/QĐ TTg của Thủ tướng (31/12/2015)
3.2.6. Tỷ trọng lao động trong GDP, bao gồm tiền lương và các khoản chuyển nhượng an sinh xã hội (Chỉ số SDG 10.4.1)	Bổ sung sau (2017)	Bổ sung sau (2017)	Báo cáo chung của MOLISA và GSO về cập nhật thị trường Lao động (hàng năm), Điều tra lực lượng Lao động và tài khoản quốc gia

LĨNH VỰC TRỌNG TÂM 4: THỨC ĐẨY CÔNG LÝ, HÒA BÌNH VÀ QUẢN TRỊ TOÀN DIỆN

Việt Nam tăng cường công tác quản trị và thượng tôn pháp luật, tôn trọng và bảo vệ các quyền con người và xóa bỏ phân biệt đối xử, hướng tới một xã hội công bằng và hòa nhập hơn.

Kết quả 4.1: Quy trình ra quyết định có sự tham gia và các thể chế mang tính phân hòi

Đến năm 2021, các quy trình ra quyết định minh bạch và có sự tham gia đồng thời cũng có các thể chế có trách nhiệm giải trình, trong đó các chính sách và cơ chế triển khai đáp ứng được nhu cầu của tất cả mọi người, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương, phụ nữ, thanh thiếu niên và trẻ em.

Lý do:

Mặc dù Việt Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhưng tình trạng bất bình đẳng vẫn tồn tại trong xã hội trong đó một số nhóm bị tụt hậu và không có cơ hội bình đẳng để tham gia và đóng góp vào tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị. Trong điều kiện của một quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp, người dân ngày càng kỳ vọng các cơ quan nhà nước ở tất cả các cấp sẽ trở nên nhạy bén hơn, chịu trách nhiệm giải trình hơn và minh bạch hơn. Do đó, ưu tiên cao hiện nay là phải đảm bảo quy trình ra quyết định ở tất cả các cấp quản trị và xã hội phải mang tính đại diện và có sự tham gia của người dân để đảm bảo phát triển thực sự lấy người dân làm trung tâm. Điều này đòi hỏi phải có những cơ chế thể chế cụ thể tạo điều kiện để người dân và các tổ chức và các nhóm được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ thực sự tham gia vào hoạt động hoạch định chính sách, triển khai và chịu trách nhiệm giải trình cũng như cần có các cơ quan vững mạnh cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả và nhạy bén với nhu cầu của người dân.

Các quy trình ra quyết định có sự tham gia rộng rãi phải đảm bảo sự tham gia của tất cả các thành viên trong xã hội không phụ thuộc vào giới tính, vị thế kinh tế - xã hội, độ tuổi hay tình trạng khuyết tật. Đặc biệt, vai trò lãnh đạo và đại diện của phụ nữ cũng như sự tham gia có ý nghĩa của thanh niên và các nhóm dễ bị tổn thương đóng vai trò thiết yếu. Ngoài ra, minh bạch hóa và tăng mở rộng sự tham gia của người dân vào các quy trình lập kế hoạch, lập ngân sách và chi tiêu ở tất cả các cấp sẽ tăng cường hành động chính sách dựa trên thực chứng. Song song với đó, việc xác định rõ ràng trách nhiệm cũng như đẩy mạnh điều phối và hành động chung giữa các cơ quan nhà nước ở cấp trung ương và địa phương cũng sẽ giúp tăng cường công tác thực thi chính sách, đặc biệt liên quan đến khía cạnh thúc đẩy bình đẳng giới và các ưu tiên xuyên suốt khác.

Việc khai thác các công nghệ mới và hiện đại có tiềm năng đẩy nhanh sự tham gia của người dân và phản ánh được tiếng nói khác nhau của người dân trong toàn bộ chu trình hoạch định và thực thi chính sách. Hệ thống thu thập dữ liệu phân tách hiệu quả hơn ở cấp trung ương và địa phương tham gia cung cấp thông tin cho quá trình hoạch định chính sách và đảm bảo trách nhiệm giải trình đóng vai trò thiết yếu để Việt Nam đạt được những tiến bộ liên tục, trong đó bao gồm thực hiện thành công các mục tiêu SDG. Yếu tố căn bản của một xã hội hòa nhập là người dân được trực tiếp tiếp cận những thông tin công cộng. Các phương tiện truyền thông đóng vai trò trọng yếu trong việc hỗ trợ người dân tham gia đầy đủ và hiểu rõ quy trình ra quyết định ở tất cả các cấp phù hợp với các quy định về đảm bảo quyền tự do bày tỏ và tiếp cận thông tin theo luật pháp quốc gia và quốc tế.

Quy trình ra quyết định toàn diện và có sự tham gia rộng rãi trong các tổ chức ngoài nhà nước cũng có vai trò quan trọng không kém. Sự tham gia vào các cộng đồng hoặc xã hội nói chung thường bị hạn chế do những rào cản xã hội khó phá bỏ liên quan đến giới, độ tuổi, dân tộc, tình trạng sức khỏe và các yếu tố khác. Việc xóa bỏ các tập tục xã hội mang tính phân biệt đối xử ở nội lực chung và bên bờ phía nhà nước, tất cả các ngành trong xã hội và bản thân từng cá nhân.

Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)	Nguồn lực thường xuyên	17.699.763
	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	2.874.569
	Nguồn lực cầm huy động	22.705.712
	Tổng	43.280.044
Đối tác chính	SPC, Bộ Tư pháp, CCLPHH, Quốc hội, CPV, GOVN, VAAC, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ, Ban Nội chính Trung ương, Bộ KHĐT, TCTK, Hội Luật Gia Việt Nam, UBND tỉnh, Bộ GDĐT, Bộ VH&TT&DL, Bộ KHCN, Bộ TTTT, VASS, Bộ XD, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Đoàn Thanh niên, UBND thành phố Hồ Chí Minh, Bộ LĐTBXH, ABR, các BRO, FIA, các IRD, VCCI, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Hải quan, NCFAW và các vụ tài chính và cơ quan theo dõi & đánh giá trực thuộc các bộ chủ quản, các cơ quan điều tra, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, các tổ chức xã hội đã có quan hệ hợp tác lâu dài với các cơ quan LHQ, các cơ quan học thuật, tổ chức nghiên cứu và tư vấn.	
Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp	UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UN-Habitat, UNICEF, UNIDO, UNODC, UNV, UN Women	

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
4.1.1. Tỷ trọng đại biểu quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp địa phương là nữ giới (dựa theo Chỉ số SDG 5.5.1)	Quốc hội: 26,8%; Cấp tỉnh: 25,7% Cấp huyện: 24,62%; Cấp xã: 27,71% (2016)	35% (tất cả) (2021)	Báo cáo về bầu cử của VP Quốc hội (5 năm/lần)
4.1.2. Tỷ trọng nữ trong các vị trí quản lý (cấp trường phòng trở lên) trong các cơ quan nhà nước (dựa theo Chỉ số SDG 5.5.2)	Bộ trưởng: 9% (02/22); Thứ trưởng hoặc ngang cấp: 9,4% (12/128); Thứ trưởng các cơ quan chính phủ: 12,5% (1/8); (2014)	35% (tất cả) (2021)	Báo cáo của UBQG về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới (hàng năm) và Báo cáo của Bộ Nội vụ (hàng năm)
4.1.3. Tỷ lệ phần trăm những người đã có ít nhất một lần liên hệ với cán bộ công quyền và đưa hồi lộ cho cán bộ công quyền hoặc bị cán bộ công quyền đòi hỏi lộ trong vòng 12 tháng qua (Chỉ số SDG 16.5.1)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau
4.1.4. Tổng khối lượng các dòng tài chính đến và đi không minh bạch được phát hiện và tịch thu (theo đô la Mỹ hiện hành) (dựa theo Chỉ số SDG 16.4.1.)	Dữ liệu cơ sở sẽ có vào năm 2017	Tăng 20% (2021)	Báo cáo của Ngân hàng nhà nước (hàng năm) Báo cáo của Hải quan (hàng năm)
4.1.5. Tỷ lệ dân số hài lòng với trải nghiệm lần gần đây nhất của họ về các dịch vụ công (y tế, giáo dục, cấp chứng nhận quyền sở hữu đất) (Chỉ số SDG 16.6.2)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
4.1.6. Tỷ lệ dân số tin tưởng rằng việc ra quyết định mang tính bao trùm và phân hời, phân tử theo giới tính, độ tuổi, khuyết tật và nhóm dân số (Chỉ số SDG 16.7.2)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau
4.1.7. Mức độ tính đến các nhu cầu đa ngành của thanh niên trong các kế hoạch phát triển của quốc gia (Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2016-2020; 2021-2025) và các chiến lược giảm nghèo (Chương trình mục tiêu quốc gia mới về Giảm nghèo 2016-2020) (dựa theo Chỉ số SDG 16.7.2)	Nhu cầu đa ngành của giới trẻ được đưa vào một phần trong chiến lược PTKT-XH và các chiến lược giảm nghèo (Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo) (2015)	Nhu cầu đa ngành của giới trẻ được đưa vào hoàn toàn trong kế hoạch phát triển quốc gia (SEDP) và chiến lược giảm nghèo (Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo 2016-2020 and 2021-2025) (2021)	Báo cáo quốc gia về phát triển thanh niên (2 năm/lần)
4.1.8. (a) số lượng các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở trong 10 năm qua; (b) phần trăm đăng ký khai sinh và (c) phần trăm đăng ký khai tử (dựa theo Chỉ số SDG 17.19.2)	(a) điều tra dân số 2009 (b) 90% (2016) (c) Bổ sung sau	(a) 2019 Tổng điều tra dân số (b) 99% trong năm (2024) (c) 80% (2024)	(a), (b) và (c): Tổng điều tra dân số của TCTK, (10 năm/lần)

Kết quả 4.2: Bảo vệ quyền con người, pháp quyền và tăng cường tiếp cận công lý

Đến năm 2021, công tác bảo vệ quyền con người được tăng cường nhờ vào những cải thiện trong hệ thống tư pháp, tuân thủ chặt chẽ hơn nguyên tắc pháp quyền, gia tăng bình đẳng giới và ngăn chặn hiệu quả mọi hình thức phân biệt đối xử và bạo lực.

Lý do:

Thượng tôn pháp luật là điều kiện cơ bản để bảo vệ các quyền con người, phát triển kinh tế và phát triển con người bền vững và duy trì một xã hội hài hòa và hòa nhập. Việc đảm bảo luật pháp được triển khai đầy đủ và áp dụng công bằng, không thiên vị giúp xây dựng lòng tin trong dân chúng Nhà nước, trong vai trò là chủ thể có nghĩa vụ chính, tuân thủ nguyên tắc thượng tôn pháp luật. Bên cạnh đó, việc đảm bảo người dân, trong vai trò là người có quyền, nhận thức được và có khả năng thực hiện các quyền mà mình nắm giữ cũng là vấn đề thiết yếu.

Khung pháp lý cần được rà soát hơn nữa qua góc nhìn về quyền và giới để đảm bảo tốt hơn rằng các nguyên tắc pháp quyền mang lại quyền con người cho tất cả người dân Việt Nam. Việc thực thi các công ước, pháp luật và chính sách về quyền con người đòi hỏi phải có biện pháp giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng các quyền con người được tôn trọng và bảo vệ ở tất cả các cấp trong xã hội, đặc biệt ở cấp cơ sở.

Tiếp cận công lý và các dịch vụ hỗ trợ một cách bình đẳng, đặc biệt đối với phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương, là một ưu tiên trong xã hội hài hòa, công bằng và hòa nhập, trong đó bao gồm việc mở rộng các dịch vụ pháp lý để tiếp cận và có hiệu quả. Những bước tiến quan trọng hướng tới một nhà nước pháp quyền sẽ diễn ra khi có sự ghi nhận rõ ràng hơn vai trò quan trọng của luật sư và các chuyên gia pháp lý đang hoạt động trong khuôn khổ chuẩn mực quốc tế về trách nhiệm nghề nghiệp. Một mục tiêu lâu dài của các sáng kiến cải cách khu vực tư pháp sẽ là ngăn ngừa mọi hình thức phân biệt đối xử trong khu

<p>vực công và tư nhân và mọi người có đầy đủ cơ hội để nhận thức được và thực thi các quyền của mình, bao gồm đòi bồi thường khi có vi phạm. LHQ sẽ phát huy kinh nghiệm toàn cầu của mình vào công tác hỗ trợ thiết lập các cơ chế phòng tránh toàn diện, hiệu quả và mang tính đa ngành nhằm xử lý tất cả các hình thức bạo lực và bóc lột phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, các nhóm dân cư thiệt thòi và dễ bị tổn thương, trong đó ưu tiên hàng đầu là xóa bỏ tất cả các hình thức bóc lột, bảo vệ nạn nhân buôn bán người, nạn nhân bị bóc lột tình dục, bóc lột lao động và nạn nhân của các loại hình bóc lột khác. LHQ cũng sẽ hỗ trợ Việt Nam xóa bỏ những tập quán tiêu cực có nguồn gốc từ bất bình đẳng giới, cụ thể là tình trạng lựa chọn giới tính trước khi sinh và tảo hôn.</p> <p>Các cơ quan tư pháp có năng lực và chịu trách nhiệm giải trình là những nhân tố thiết yếu giúp tạo điều kiện thuận lợi cho hòa bình và an ninh của quốc gia và trong khu vực. Thúc đẩy hoạt động bảo vệ các quyền con người đã và đang là mục đích cốt lõi của LHQ kể từ thời điểm cơ quan này được sáng lập. Tại Việt Nam, LHQ sẽ phối hợp với các chủ thể và cơ quan trong ngành tư pháp, bao gồm lực lượng công an, các cơ quan kiểm sát và cơ quan tư pháp độc lập nhằm tăng cường năng lực điều tra, xét xử và đối phó với tội phạm phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế và trong phạm vi giới hạn được thiết lập trên tinh thần thượng tôn pháp luật.</p>	<p>Nguồn lực thường xuyên 11.606.026</p> <p>Nguồn lực khác (được đảm bảo) 5.952.922</p> <p>Nguồn lực cần huy động 19.974.459</p> <p>Tổng 37.533.407</p>
<p>Ngân sách dự kiến (Đơn vị: Đô la Mỹ)</p>	
<p>Đối tác chính</p> <p>Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Phụ nữ, Bộ Công an, iSEE, VNP+, Bộ Y tế, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Quốc Hội, HCM PAC, Sở Y tế, Bộ Tư pháp, Hội đồng nhân dân, Tòa Án tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các tổ chức hỗ trợ pháp lý khác, các tổ chức hàn lâm về luật, Đài Tiếng nói Việt Nam, Cục Văn thư lưu trữ nhà nước, Đoàn Thanh niên, Bộ Nội Vụ, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, UB Dân tộc, các tổ chức và các nhóm khác được thành lập và hoạt động hợp pháp theo các quy định ban hành của Chính phủ, CCPE, VFF, UBND một số tỉnh lựa chọn, VCCI và các văn phòng khu vực, các hiệp hội doanh nghiệp theo ngành nghề, Mạng lưới Hiệp ước LHQ toàn cầu, VBCSD, Các phòng Thương mại quốc tế, Tổng cục Hải quan, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBQG vì sự tiến bộ của Phụ nữ, các phương tiện truyền thông</p>	
<p>Các cơ quan LHQ tham gia đóng góp</p>	<p>IOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UN-Habitat, UNICEF, UNIDO, UNODC, UNV, UN Women</p>
<p>Các chỉ số</p>	<p>Nguồn Kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu</p> <p>Bổ sung sau</p>
<p>4.2.1. Tỷ trọng các khung pháp lý để thúc đẩy, thực thi và giám sát thực hiện bình đẳng và không phân biệt đối xử giới (dựa theo Chỉ số SDG 5.1.1)</p>	<p>Chỉ tiêu (năm)</p> <p>Bổ sung sau</p>
<p>4.2.2. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng có bạn tình là đối tượng bị bạo hành thể chất, tinh dục hoặc tinh thần, không phân tổ theo tuổi (dựa theo Chỉ số SDG 5.2.1)</p>	<p>Dữ liệu cơ sở (năm)</p> <p>Bổ sung sau</p> <p>Tỷ lệ bị một trong ba loại bạo lực (thể chất, tinh dục và tinh thần) trong 12 tháng qua: 27 %; Thể chất (6%) Tinh dục (4%); Bạo hành tinh thần (25%) (2010)</p>
	<p>Nghiên cứu quốc gia năm 2010 về tình trạng bạo hành gia đình với phụ nữ. Thu thập số liệu của Chính phủ trong tương lai</p>

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
4.2.3. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 16 tuổi trở lên bị bạo lực tình dục ở nơi công cộng (dựa theo Chỉ số SDG 5.2.2)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau
4.2.4. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi 15-49 đã kết hôn hoặc sống như vợ chồng trước 15 tuổi; Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi 20-49 đã kết hôn hoặc sống như vợ chồng trước 18 tuổi; Tỷ lệ phụ nữ trẻ trong độ tuổi 15-19 đã kết hôn hoặc sống như vợ chồng (dựa theo Chỉ số SDG 5.3.1)	0,9; 11,2; 10,3 (2014)	Bổ sung sau	Điều tra Dân số giữa kỳ của GSO
4.2.5. Tỷ lệ dân số cho biết họ cảm thấy bị phân biệt đối xử hoặc bị quấy rối trong vòng 12 tháng qua phân tổ theo giới tính, dân tộc, tình trạng HIV, định hướng tính dục và khuyết tật (dựa theo Chỉ số SDG 10.3.1)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau
4.2.6. Tỷ lệ dân số cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình quanh khu vực họ sinh sống, phân tổ theo giới tính (Chỉ số SDG 16.1.4)	Bổ sung sau	Bổ sung sau	Bổ sung sau
4.2.7. Tỷ lệ trẻ em từ 1-14 tuổi đã từng bị phạt về thể chất và/hoặc bị xâm phạm về tinh thần bởi người chăm sóc trong tháng vừa qua (dựa theo Chỉ số SDG 16.2.1)	68,4% (2014)	65% (2024)	MICS (GSO / UNICEF) (4-5 năm/lần)
4.2.8. Số người sống sót được cứu thoát khỏi nạn buôn bán người theo giới tính, tuổi và hình thức bóc lột (dựa theo Chỉ số SDG 16.2.2) Ghi chú: <i>Dữ liệu phân tổ sẽ được bổ sung sau</i>	1.000 người sống sót, 407 trường hợp, 655 thủ phạm (2015)	Tăng 20% (2021)	Các Báo cáo của Văn phòng Ủy ban Quốc gia về phòng chống buôn lậu (VP 130) (Hàng năm)
4.2.9. Tỷ lệ người bị giam giữ khi chưa kết án trên tổng số người bị giam giữ trong các trại giam và trại tạm giam (Chỉ số SDG 16.3.2) Ghi chú: <i>Dữ liệu phân tổ sẽ được bổ sung sau</i>	Bổ sung sau	Giảm tỷ lệ người bị giam giữ khi chưa kết án (2021)	Tòa án hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quản lý trại giam Bộ Công an, hồ sơ cơ quan công an (Hàng năm)

Các chỉ số	Dữ liệu cơ sở (năm)	Chỉ tiêu (năm)	Nguồn kiểm chứng & tần suất thu thập số liệu
4.2.10. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh với cơ quan có thẩm quyền theo độ tuổi (Chỉ số SDG 16.9.1)	Tổng: 96,1% 0-11 tháng: 88,1% 12-23 tháng: 97,1% 24-35 tháng: 98,1% 36-47 tháng: 98,4% 48-59 tháng: 99,3% (2014)	98% (2024)	GSO/MICS (4-5 năm/lần) Các báo cáo của Bộ Tư pháp (Hàng năm)
4.2.11. Tỷ lệ nữ thanh niên tuổi từ 18-29 đã từng bị bạo lực tình dục trước 18 tuổi (áp dụng từ Chỉ số SDG 16.2.3)	18 - 24 tuổi: 5,3% 25 - 29 tuổi: 9,5% (2010)	Bổ sung sau (Năm)	Điều tra Quốc gia về bạo lực trong gia đình

Khung Kết quả và Nguồn lực dự kiến

Đơn vị: Đô la Mỹ

Kết quả	Nguồn lực dự kiến			Tổng
	Nguồn lực thường xuyên	Nguồn lực khác (được đảm bảo)	Nguồn lực cần huy động	
Lĩnh vực trọng tâm 1: Đầu tư vào con người	43.932.141	14.641.743	114.141.165	172.715.049
Kết quả 1.1: Giảm nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương	22.601.366	1.308.800	46.643.830	70.553.996
Kết quả 1.2: Công bằng trong chăm sóc sức khỏe	18.653.595	12.624.143	53.238.501	84.516.239
Kết quả 1.3: Công bằng trong giáo dục, đào tạo và học tập có chất lượng	2.677.180	708.800	14.258.834	17.644.814
Lĩnh vực trọng tâm 2: Đảm bảo khả năng chống chịu với khí hậu và bền vững về môi trường	10.245.400	32.320.600	72.104.600	114.670.600
Kết quả 2.1: Phát triển các-bon thấp, chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu	8.198.300	11.588.800	50.163.400	69.950.500
Kết quả 2.2: Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường	2.047.100	20.731.800	21.941.200	44.720.100
Lĩnh vực trọng tâm 3: Thúc đẩy sự thịnh vượng & đối tác	12.770.750	12.345.850	30.032.950	55.149.550
Kết quả 3.1: Mô hình tăng trưởng kinh tế mới	6.107.250	8.137.050	21.432.950	35.677.250
Kết quả 3.2: Thị trường lao động toàn diện và mở rộng cơ hội cho tất cả	6.663.500	4.208.800	8.600.000	19.472.300
Lĩnh vực trọng tâm 4: Thúc đẩy công lý, hòa bình và quản trị toàn diện	29.305.789	8.827.491	42.680.171	80.813.451
Kết quả 4.1: Quy trình ra quyết định có sự tham gia và các thể chế mang tính phản hồi	17.699.763	2.874.569	22.705.712	43.280.044
Kết quả 4.2: Bảo vệ quyền con người, pháp quyền và tăng cường tiếp cận công lý	11.606.026	5.952.922	19.974.459	37.533.407
Nguồn lực Kế hoạch Chiến lược Chung	96.254.080	68.135.684	258.958.886	423.348.650

